

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
TÒA THÁNH TÂY NINH

CHỮ HÁN CHIẾT TỰ

QUYỂN - I

Biên soạn
NỮ SOẠN GIẢ **NGUYỄN THỦY**

TÀI LIỆU SƯU TẦM 2014

Ebook được làm theo ẤN-BẢN phổ biến trên Website của **ĐAOCÀODAI.INFO**. Mọi góp ý, đề nghị bổ túc, sửa đổi những sơ sót, có thể có, xin vui lòng gửi điện thư vào địa chỉ: *Tamnguyen351@live.com*

Thành thật tri ơn **NỮ SOẠN GIẢ NGUYỄN THỦY, BAN PHỤ TRÁCH PHỔ BIẾN KINH SÁCH WEBSITE ĐAOCÀODAI.INFO** đã bỏ nhiều tâm-huyết và công sức trong việc sưu tập, biên khảo, đánh máy, in ấn hay phổ biến trên Website ngõ hầu **GIÁO-LÝ ĐẠI-ĐẠO** được phổ truyền rộng rãi, lưu lại di-sản tinh-thần vô-giá cho thế-hệ hiện tại và nhiều thế-hệ tiếp nối mai sau.

California, 29/08/2014

Tâm Nguyễn

CHỮ HÁN CHIẾT TỰ

Biên soạn

NỮ SOẠN GIÁ NGUYÊN THÚY

Tây-Ninh Thánh địa, mùa nở hoa Đạo pháp.

Xuân Mậu-Tý (dl: 25-2-2008)

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	11
--------------------------	-----------

Thử Định nghĩa Chiết tự là gì?	12
--------------------------------------	----

Chữ Nho là linh tự	15
--------------------------	----

CHƯƠNG I

ĐẠI CƯƠNG VỀ NÉT BÚT	17
-----------------------------------	-----------

1. 6 nét cơ bản đầu tiên	17
--------------------------------	----

2. Hai loại nét còn lại có nhiều biến thể khác nhau.	18
--	----

3. Nét sau kết hợp bởi 2 nét đơn gấp khúc	18
--	----

4. Các nét bút kết hợp không theo chuẩn cơ bản.	18
---	----

4. Thứ tự nét bút.	19
-------------------------	----

□ 1. Trên trước, dưới sau	19
---------------------------------	----

□ 2. Trái trước phải sau	19
--------------------------------	----

□ 3. Ngoài trước, trong sau.	20
-----------------------------------	----

□ 4. Nét đứng ở giữa viết trước nét đứng hai bên hoặc ở dưới.	20
---	----

CHƯƠNG II

CHIẾT TỰ CHỮ HÁN	23
-------------------------------	-----------

A- CHỮ ĐƠN	23
-------------------------	-----------

□ 1-BẦN 貧	23
-----------------	----

□ 2-BỈ-THÁI là gì?	25
--------------------------	----

□ 3-CHÁNH 正	34
-------------------	----

□ 4-CHỦ 主	36
-----------------	----

□ 5-CHÚA 主	41
------------------	----

❑ 6- CỔ 蠱	42
❑ 7- CUÔNG 狂	48
❑ 8- ĐẠO 道	51
❑ 9- ĐIỂU 鳥 (11 nét)	53
❑ 10- ĐÔNG 東	54
❑ 11- ĐỨC 德	57
❑ 12- ĐIỀN 田	59
❑ 13- GIẢI 解	64
❑ 14- HIẾU 孝	66
❑ 15- HÒA 和	69
❑ 16- HIẾU 孝 - TÌNH 情	72
❑ 17- HỌC 學	74
❑ 18- HOẶC 或	75
❑ 19- KIỀN 乾	76
❑ 20- KHẢO 拷	80
❑ 21- KHÍ 氣	83
❑ 22- KHỔ 苦	85
❑ 23- LÊ 梨	88
❑ 24- MINH 明 (8 nét)	89
❑ 25- NIỆM 念	94
❑ 26- NGỌC 玉	110
❑ 27- NGHĨA 義	113
❑ 28- NGỤC 獄	114
❑ 29- NGUYÊN 元	116
❑ 30- NGUYÊN NGỌC 元玉	120
❑ 31- NHẠC 樂	120
❑ 32- NHO 儒	124
❑ 33- NHÂN	127
❑ 34- NHŨ 乳	131

□ 35- NHẬT 日	132
□ 36- PHÁP 法	134
B- PHẦN TỬ NGŨ	138
□ 1- ÂM DƯƠNG 陰陽	138
□ 2- BÁC-ÁI 博愛	145
□ 3- BÁT ÂM 八音	149
□ 4- CAO-ĐÀI 高臺	150
□ 5- CÀN KHÔN 乾坤	153
□ 6- ĐẠO-ĐẠO TAM-KỲ PHỔ-ĐỘ 大道三期普渡	156
□ 7- CẦU NGUYỆN 求願	160
□ 8- CỬU-TRÙNG-ĐÀI 九重臺	162
□ 9- CHUNG ĐÌNH 鍾鼎	170
□ 10- ĐẠO-ĐỒNG 大同	172
□ 11- ĐẠO TÂM 道心	174
□ 12- LONG TU PHIỂN 龍鬚扇	177
C- GIAI THOẠI VĂN CHƯƠNG	181
□ LỐI CHIẾT TỰ	182



TÒA-THÁNH TÂY-NINH

LỜI NÓI ĐẦU

...♥ ୧୫୩ ♥...



TẬP “**CHỮ HÁN CHIẾT TỰ**” ĐƯỢC HOÀN THÀNH với mục đích làm quà tặng cho những tâm hồn đang hướng về tinh thần “*Nho-Tông Chuyển thế*” là một nền văn-hóa chung của nhân-loại mà nhiều năm bị chìm trong quên lãng, bị che lấp dưới làn sóng Tây-phương, xem như một lớp bụi mờ. Tuy nhiên chắc chắn rằng cái nền Nho-phong còn đó, không bao giờ bị mất chỗ đứng trong tâm hồn dân tộc Việt mà Thượng-Đế đã chuẩn bị cho quốc hồn Việt Nam này từ lâu rồi với hồn thiêng sông núi còn sống mãi.

Trong tập sách nhỏ này chúng tôi cố gắng hoàn tất chương-trình **Nho, Y, Lý, Số** là cốt tủy của Đạo Dịch.

Những Từ này trước đây được trình bày rải rác trong các sách đã ra đời như Đạo Tâm Bửu giám, Dịch lý Cao Đài, Quốc-Đạo Nam-phong, Triết-Lý Đại đồng. Giờ này chúng tôi hệ-thống-hóa thành một đề tài chuyên biệt, mục đích để giới thiệu trước những 64 Quẻ sắp ra đời để trình diện với đồng Đạo những suy-nghĩ mới, hầu mở toang cánh cửa Càn-Khôn để chúng ta cùng bước vào Toà Dịch-lý Cao Đài, cùng chiêm-ngưỡng những nét kỳ bí của Đại-Đạo.

Một điều kỳ vọng ở chính Soạn-giả là làm sống dậy tinh thần văn-hóa Nho-phong bị vắng bóng đi nhiều thời gian thì ta cứ xem như một giấc ngủ dài để khi bừng tỉnh thì nó sẽ bật khởi một cách huy-hoàng hơn và tươi sáng hơn lên. Chân thành gửi đến Quý thân hữu bốn phương.

THỬ ĐỊNH NGHĨA CHIẾT TỰ LÀ GÌ?

CHIẾT TỰ 折字

E: To decompose the elements of a chinese character

F: Décomposer les éléments d'un caractère chinois.

(*Chiết*: Bẻ gãy. *Tự*: chữ, ý nói chữ được phân tích ra)

Chiết tự là phân tách một chữ Nho ra làm nhiều thành phần nhỏ, rồi thích nghĩa toàn phần. Đây là điểm đặc biệt của chữ Nho là một Linh tự. Chữ Nho là chữ tượng hình. Thí dụ: Giải thích chữ Đại Đạo 大道 bằng cách chiết tự.

▪ Chữ ĐẠI 大 do chữ Nhơn 人 và chữ Nhứt 一 hiệp lại. Nhơn là người, nét trái là chơn dương, nét phải là chơn âm, hai nét tượng trưng Âm Dương hiệp nhứt thì phát khởi Càn Khôn, hóa sanh vạn vật. Nhơn là người, mà người biết tu luyện đoạt được cơ mầu nhiệm của Đức Chí Tôn thì đặc nhứt. Nhơn mà đặc nhứt thì vĩnh kiếp

trường tồn, diên niên bất hoại.

Đắc nhất là gì? nghĩa là đặng Một, tức là đặng cái pháp độc nhất vô nhị, cái pháp huyền vi của Tiên, Phật, khẩu truyền tâm thọ, để cố xác phi thăng, siêu phàm nhập Thánh. Thánh nhân có câu: *“Thiên đắc nhất linh, Địa đắc nhất Ninh. Nhơn đắc nhất Thành”* nghĩa là Trời đặng một ấy là linh diệu. Đất đặng một ấy là bền vững. Người đặng một ấy là trường tồn. Chữ Đại là thế ấy.

▪ Viết chữ ĐẠO 道 bắt đầu bằng 2 phết 丿 tượng trưng Âm Dương, gạch dưới một gạch ++ là chữ Nhất Âm Dương hiệp nhất là cơ sanh hóa Càn Khôn Vũ-trụ. Ngay trong tâm là chữ Mục 目 (5 nét). Thêm một phết nữa trên chữ mục 目 thành ra chữ **Tự** 自 như hào quang lóe lên từ trong mắt. Tự nghĩa là chính mình, tự tri tự giác, tự giải thoát, chớ không ai làm giùm cho mình được. Trên và dưới ráp lại thành chữ **Thủ** 首 (9 nét) nghĩa là đứng đầu, là trên hết, là nguồn gốc của Càn Khôn và vạn vật. Tất nhiên đây là nơi sản xuất của Bát hồn từ Cung Diêu Trì của Mẹ. Bên hông có Bộ **Sước** 辵 (3 nét) nghĩa là chạy, tức là vận hành, vận chuyển biến hóa. Chính là con đường về, là Tam lập: lập Đức, lập công, lập ngôn. Vậy trong chữ Đạo có hàm ý Âm Dương, động tịnh: động thì sanh hóa, tịnh thì qui hồi. Có câu: *“Nhất Âm nhất Dương chi vị Đạo”*. Âm Dương ấy chính là Lưỡng Nghi do Thái Cực hóa thành. Khi Âm Dương hiệp nhất tức là trở về Thái Cực vô hình vô ảnh. Nho gia nói rằng: *“Vô Cực nhi Thái Cực”*, nghĩa là: Vô Cực mà Thái Cực, vì Thái Cực từ trong Vô Cực mà ra. Vô Cực chính là Đạo. Kinh Dịch cũng nói rằng: *“Nhất hạp nhất tịch vị chi biến, vãng lai bất cùng vị chi thông”* nghĩa là một đóng một mở gọi là biến, qua lại

không cùng gọi là thông. Một đóng một mở, đó là máy huyền vi, là nơi xuất sinh nhập tử của muôn loài sanh vật, ấy là Đạo. Đạo mầu nhiệm, sâu kín, cao siêu. Trước khi chưa có Trời Đất thì đã có Đạo. Đạo là Hư Vô chi Khí. Đạo tạo dựng Càn Khôn vũ trụ, hóa sanh vạn vật, muôn loài phải thọ bẩm Khí Hư Vô mà sanh ra.

Với Đạo Cao-Đài ngày nay xác định rõ: khi hỗn vể đến Cung Tạo Hóa Thiên là từng trời thứ chín, tức Cung Mẹ Diêu-Trì thì được Mẹ cưng yêu, dự Hội-Bàn-Đào, uống Tiên tửu, được ăn quả Đào Tiên, nhưng nơi đây chưa phải là đất hứa, mà phải lên cao nữa với điều kiện là lập đủ công, tạo đủ đức thì mới về được với Đức Chí-Tôn là Tằng Hồn-Nguơn-Thiên, tượng con số 12 (=9+3), 9 là tằng Tạo hóa thứ 9, 3 là tam lập. Còn ở chữ là Thủ 首 (9 nét) thêm 3 nét của bộ Sước 丿 (3 nét). Bởi vì:

“Thập Nhị khai Thiên là Thấy, Chúa cả Càn Khôn Thế giới, nắm trọn Thập nhị Thời Thần vào tay. Số 12 là số riêng của Thấy”

Nguyên lý:

SỐ 12 là số đặc-biệt tức là 9+3; 9 là cơ-quan vận chuyển, 3 là ba ngôi. Lấy ba ngôi hiệp vào cơ vận-chuyển tức là cơ qui nhứt, nắm cả các pháp trong tay, mà người nắm pháp ấy là Chủ-tể Càn-khôn vũ-trụ. Nên Thấy có nói số 12 là số riêng của Thấy là vậy. Nếu cộng lại là 1+2 = 3 tức là ba ngôi đầu tiên. Nếu tính theo hàng là 1 và 2 tức là lý Thái-cực (1) đứng trước luật âm dương (2) thì thấy rõ quyền năng Chuông-quản trong đó. Vì thế nên Thấy nói chi chi cũng có luật-định, không một vật chi ngoài quyền sở-định của tạo-hóa hết. Nhưng luật công bình có hai phần: một Âm, một Dương biến động; dù ngay trong luật định cũng có, ở

đâu cũng có cái lý mâu thuẫn trong đó, hễ có mâu thuẫn tương-quan là có biến sanh. Hết vòng biến đổi mới trở về trạng-thái đầu tiên là 1, rồi từ 1 trở lại trạng-thái Hư-vô cho nên người TU đắc nhứt qui cơ là thành Đạo nghĩa là hiệp cùng lý Thái cực để trở lại trạng thái tĩnh lặng nhiệm-mầu. Trong là lý Hư-vô phát sanh một Thái cực. Thái-cực biến-hóa 3 ngôi, mỗi 3 ngôi lại biến-hóa nữa thành ra Cửu chuyển”.

Như trên đã nói trọng-tâm chữ **Đạo** 道 là chữ **Mục** 目 là con mắt. Nhờ có Mắt để nhìn, mới quán thông mọi vật. Chữ Mục có 5 nét, đứng vào trung ương (mỏ, Kỷ, THÔ). Do vậy mà ngày nay Đấng Thượng-Đế đến ban cho một nền Đại-Đạo dùng “**Con Mắt Trời**” làm biểu tượng gọi là Thiên Nhân mới thể hiện được Tôn chỉ Đại-Đạo là “*Tam Giáo Qui Nguyên Ngũ Chi Phục Nhứt*”. Có như thế mới đi đến Đại-Đồng Thế giới, trấn phục Ngũ châu. Điều này chứng tỏ rằng Thầy đã có dự định trước: “*Khai Đạo muôn năm trước định giờ*” cho nên nay đã giáp vòng vận chuyển của vũ trụ, trong cái nghĩa “*Thiên địa tuần hoàn châu nhi phục thủy – Đạo xuất ư Đông*” là thế! Hơn nữa, Thầy mở Đạo trên đất nước Việt-Nam thuộc châu Á, đúng với màu vàng của Thổ, thể hiện mối đạo Trời “*Thiên khai Huỳnh Đạo*”. Hạnh phúc cho dân-tộc Việt Nam! Hạnh phúc cho người biết Đạo và biết đến hồn thiêng sông núi. Đó là ba điều hạnh phúc nhất mà chưa có một nước nào trên Thế giới sánh bằng.

CHỮ NHÔ LÀ LINH TỰ

Câu chuyện một thầy chiết tự xem bói cho các sĩ tử sắp ra ứng thí muốn xem kiết hung thế nào. Anh Giáp tới xem thì ông thầy chiết tự bảo: anh viết cho tôi một chữ

Nho, anh ấy liền viết ngay một chữ **QUÁN** 串 có nghĩa là thông suốt, thầy bảo là lần này anh sẽ có nhiều triển vọng, vì có hai chữ **khẩu** 口 liền nhau, tức nhiên nhờ đó đạt mà mọi người truyền miệng ra cho biết, hơn nữa có nét sổ giữa là thông. Giáp vui vẻ ra về giữa đường gặp Ất liền thuật lại sự tình. Ất bèn đến tìm thầy bói xin xem thử về anh, Ất cũng viết y chữ Quán ngờ đâu ông thầy bảo rằng: rất tiếc anh sẽ trượt. Ất nản lòng Thầy bói giải thích: Bởi lúc nãy là tư tưởng tự xuất ra trong lòng nên vẫn nghĩa chữ **QUÁN** là thông. Giờ này anh viết lên tư tưởng của người khác nên hiện lên cái Tâm không thực, thành ra là chữ **HOẠN** 患 Hoạn là chữ Quán có thêm bộ Tâm ở dưới. Ấy chứng chắc rằng chữ Nho là một linh tự, biến hóa vô cùng.



CHƯƠNG I

ĐẠI CƯƠNG VỀ NÉT BÚT



TỪ CÁC CHỮ HÁN TRÔNG RẤT PHỨC TẠP, NẾU phân tích ra thì ta có thể thấy chúng được tạo thành từ những nét bút rất đơn giản. Có 8 nét bút cơ bản, mỗi nét bút có một tên riêng và được viết theo một qui định cho từng nét. Việc học nét bút rất quan trọng, nó giúp bạn viết chữ Hán được nhanh nhẹn, dịu dàng, linh động và có thể tìm ra số lượng nét bút để tra Từ điển chữ Hán.

1. 6 NÉT CƠ BẢN ĐẦU TIÊN

-  [Hoành] là nét ngang (viết từ trái sang phải) như: chữ **nhứt** là một. Nhứt định, nhứt quyết...
-  [Sổ] là nét đứng (viết từ trên xuống dưới) như dạng chữ **thập** 十 là mười. QUÁN 串
-  [Phiệt] là nét phẩy (viết từ trên xuống, từ phải qua trái) như chữ **Bát** 八 là tám.
-  [Mác] là nét móc (Viết từ trên xuống, từ trái sang phải) như trong chữ **nhập** 入 là vào.
-  [Điểm hay chủ] là chấm (Viết từ trên xuống dưới, hoặc phải hoặc trái) như trong chữ **Lục** 六 là sáu.
-  [Thiếu] là nét hất (viết từ dưới-trái lên trên-phải) như trong chữ **bá** 把 là nắm.

2. HAI LOẠI NÉT CÒN LẠI CÓ NHIỀU BIẾN THỂ KHÁC NHAU.

Cái thứ nhất là móc với 5 dạng như sau:

 [Hoành câu] là nét ngang móc, như trong chữ Tự 字 là chữ.

 [Sổ câu] là nét đứng móc, như chữ Tiểu 小 là nhỏ.

 [Loan câu] là nét cong với móc. Như chữ cẩu 狗 là con chó.

 [Bình câu] là nét móc với móc. Như trong chữ Ngã 我 là ta hay là tôi.

 [Tiết câu] là nét móc với móc. Như trong chữ vong 忘 là quên.

3. NÉT SAU KẾT HỢP BỞI 2 NÉT ĐƠN GẤP KHÚC

 [Sổ triệp] là nét sổ đứng kết hợp nét gấp phải. Như trong chữ Y 医 là Bác sĩ.

4. CÁC NÉT BÚT KẾT HỢP KHÔNG THEO CHUẨN CƠ BẢN.

Bao gồm các dạng nét như sau:

 [Sổ bình] là nét đứng kết hợp với bình. Như chữ Dã 豎 là cũng, vậy.

 [Phiệt điểm] nét phẩy về trái kết thúc bởi chấm, như trong chữ Nữ 女 là con gái.

 [Sổ triệp, Triệp câu] là nét sổ với hai lần gấp nét móc. Như chữ Mã 馬 là ngựa.

Nếu đem so sánh các chữ Hán với các từ trong những ngôn ngữ sử dụng alphabet thì các nét bút đại khái giống như các mẫu tự. Học tập nét bút là mấu chốt để tiến tới

việc nhớ mặt chữ. Một điều quan trọng nữa là chữ Hán không những cần sự chính xác mà còn cần sự hài hoà, cân đối. Bạn cần phải luyện nét bút nhiều lần (với bút lông hoặc không có thì sử dụng bút thường) để quen dần với chúng. Sự phối hợp nét bút trong một chữ Hán phải tuân theo qui luật nhất định, các bạn sẽ tìm hiểu bài tiếp theo.

4. THỨ TỰ NÉT BÚT.

Thứ tự kết hợp nét bút tuân theo một vài qui luật cố định (tuy nhiên cũng có trường hợp ngoại lệ). Bạn phải học qui luật này, nó sẽ giúp ích bạn rất nhiều trong việc nhớ chữ Hán. Nó cũng có ý nghĩa quan trọng trong trường hợp bạn cần phải tìm ra nét bút đầu tiên của chữ, trường hợp này xin nói đến sau.

1. TRÊN TRƯỚC, DƯỚI SAU

Chữ Tam (ba)	三	Cách viết:	一 二 三
Chữ Thiên (trời)	天	Cách viết	一 二 𠂇 天

2. TRÁI TRƯỚC PHẢI SAU

Chữ môn (cửa)	门	Cách viết (giản thể)	丨 𠄎 门
Chữ Hóa (đổi)	化	Cách viết:	丿 亻 化 化

3. NGOÀI TRƯỚC, TRONG SAU.

Nét ngang viết sau cùng (vào nhà rồi mới đóng cửa)

Chữ Tứ (bốn)	四	Cách viết:	丨 冂 𠃍 四 四
Chữ Nguyệt (trăng)	月	Cách viết:	丿 冂 月 月 月

Nhưng: Khi không có nét bao phủ ở trên đầu của chữ Hán thì nét được bao phải được viết trước:

Chữ giá (đây, này)	这	Cách viết:	丶 亠 ㄣ 文 𠂔 𠂔 这 这
-----------------------	---	------------	-----------------

4. NÉT ĐỨNG Ở GIỮA VIẾT TRƯỚC NÉT ĐỨNG HAI BÊN HOẶC Ở DƯỚI.

Chữ Thủy (nước)	水	Cách viết:	丨 丿 ㇀ 水
Chữ sơn (núi)	山	Cách viết	丨 凵 山

Nhưng: Nếu nét đứng xuyên qua các nét khác thì nét đứng ở giữa phải được viết sau:

Chữ Trung (giữa)	中	Cách viết:	丨 冂 𠃍 中
---------------------	---	------------	---------

Quy luật chung là: *Trên trước Dưới sau, Trái trước Phải sau.* Quy luật này rất dễ nhớ, nó được áp dụng ngay cả cho những người Tây học chữ Hán. Các trường hợp khác cần có các bài tập cụ thể. Ngay từ đầu bạn phải học cách viết cơ bản cho thật chính xác, nếu không sau này

bạn sẽ luôn mắc phải những lỗi viết chữ và rất khó sửa chữa. Tất cả các chữ Hán đều chứa thành tố gọi là “*bộ thủ*”. Học bộ thủ giúp các bạn có thể phân loại chữ Hán, làm cho việc nhớ mặt chữ sẽ dễ dàng hơn. Bộ thủ hiện diện trong một chữ có khi biểu hiện được ý nghĩa của toàn bộ chữ đó. Thông thường thì ý nghĩa của một chữ ít nhiều liên quan đến nghĩa của bộ thủ. Các thành phần không thuộc bộ thủ của chữ thường liên quan đến việc biểu âm, hoặc ngược lại.

Theo truyền thống, Hán ngữ có 214 bộ thủ, các Từ điển hay Tự điển giản thể hiện nay sắp xếp non 200 bộ. Tuy nhiên bạn sẽ dễ dàng nhớ được những bộ thủ chính. (Tài liệu tham khảo từ mạng)...

Riêng trong tập sách đầu tiên này chúng tôi chỉ trình bày cho biết qua một số **Chữ Hán chiết tự** mang ý nghĩa đạo pháp mà thôi. (Từ đây nghiên cứu theo vần: A, B, C)

CHƯƠNG II

CHIẾT TỰ CHỮ HÁN



A- CHỮ ĐƠN

- | | | | |
|-------------------|--------------|-------------|--------------------|
| 1. BẦN 貧 | 10. ĐÔNG 東 | 19. KIẾN 乾 | 28. NGỤC 獄 |
| 2. BỈ-THÁI là gì? | 11. ĐỨC 德 | 20. KHẢO 拷 | 29. NGUYÊN 元 |
| 3. CHÁNH 正 | 12. ĐIỀN 田 | 21. KHÍ 氣 | 30. NGUYÊN NGỌC 元玉 |
| 4. CHỦ 主 | 13. GIẢI 解 | 22. KHỔ 苦 | 31. NHẠC 樂 |
| 5. CHÚA 主 | 13. GIẢI 解 | 23. LÊ 梨 | 32. NHO 儒 |
| 6. CỔ 壘 | 15. HÒA 和 | 24. MINH 明 | 33. NHÂN 人 |
| 7. CUỒNG 狂 | 16. HIẾU 孝 - | 25. NIỆM 念 | 34. NHŨ 乳 |
| 8. ĐẠO 道 | TÌNH 情 | 26. NGỌC 玉 | 35. NHỰT 日 |
| 9. ĐIỂU 鳥 | 17. HỌC 學 | 27. NGHĨA 義 | 36. PHÁP 法 |
| | 18. HOẶC 或 | | |

1-BẦN 貧

Thế nào là BẦN 貧

Trong chữ Bần cấu-tạo đến ba phần: trên là chữ **bát** 八 (bát là tám), kế đến là chữ **đao** 刀 (đao là dao dùng để cắt chặt ra); hai chữ này hợp lại thành chữ **phân** 分 (phân là chia) dưới cùng là chữ **bối** 貝 (bối là đồng tiền) Có nghĩa rằng sở dĩ nghèo là vì có nhiều tiền mà cứ phân phát ra cho thiên-hạ giống như ta có một cái bánh mà chia ra làm tám miếng thì tất nhiên nó sẽ nhỏ dần, do đó nghèo.

Vì thế cái nghèo này là cái nghèo của những tâm hồn

lớn, đạo-đức luôn nghĩ đến kẻ khác.

Người tu nên học lấy “chữ Bản” của Thượng-Đế.

Có bài thơ như vậy:

*Trời-trọi mình không mới thiệt BẢN.
Một nhành sen trắng nấu-nương chân.
Ở nhà mượn đám mây xanh kịt.
Đỡ gót nhờ con hạc trắng ngần.
Bố-hóa người đời gây mới Đạo.
Gia-ân đồ-đệ dựng nền NHẤN.
Chừng nào đất dấy trời thay xác,
Chư Phật, Thánh, Tiên xuống ở trần.*

(ĐỨC CHÍ-TÔN – THÁNH NGÔN HIỆP-TUYỂN)

Nhất là hai câu cuối của bài thi trên là lời tiên tri về thời cuộc một cách sâu sắc. Vận mạng của nhân loại nằm trong hai câu ấy. Nay đã đến thời-kỳ “đất dấy” rồi đó làm chấn động cả toàn cầu. Hãy trông lên coi “Trời thay xác” chưa? Nhân loại hãy chuẩn bị “thay xác” đi là vừa!

Đức Hộ-Pháp nói: Hồi tưởng lại hai mươi mấy năm trước khi Đức Chí Tôn đến cùng chúng ta, cầm cây Linh bút của Ngài tạo nền Chơn giáo. Ông đến với một thân già nghèo của Ông, chính mình Ông khai rằng: Ông là một Ông già nghèo, Ông nói «**Trời trội mình không mới thiệt bản**». Ông đến cho ta một danh thể là lập Hội Thánh cho con cái của Ông, nhưng Ông còn côi được con Bạch hạc ở trên mây trắng, còn Thánh-Thể của Ông ở ngoài mưa nắng cũng không được nữa, nó khó lắm đó vậy. Tình trạng rất khó khăn, Ông đến với một thân nghèo để tạo dựng Thánh Thể cho con cái Ông. Mà ôi thôi! Đám Thánh-Thể của Ông nó cũng nghèo nữa, nhưng mà cái nghèo đó chúng ta có một

năng lực cao thượng vô giá không thể tưởng tượng được. Có lẽ cả thầy đều ngó thấy buổi phôi thai, là khi Đền-Thánh mới tạo, con cái của Ngài phải chịu biết bao nhiêu khổ hạnh, ăn thì bữa đói bữa no đang tạo dựng Đền-Thánh, đến bảy giờ thành tướng làm cho Vạn quốc ngó thấy, trông vào đều khen ngợi, đó là khối muối của sắp nhỏ trở nên hình đó, do sự nhẫn-nại nhọc nhằn của sắp nhỏ mà nên đại nghiệp ngày nay đó vậy”.

Thế nên, buổi này các bậc Đại-đức, chơn tu mới xưng mình là Bản-Đạo như Đức Quyền Giáo-Tông, Đức Thượng-Phẩm, nhưng thường xuyên hơn hết là Đức Hộ Pháp thuyết Đạo hay dùng từ Bản-Đạo. Cũng như Bà Nữ Đầu-Sư Hương-Hiếu hay dùng tiếng Bản Nữ vậy.

2- BỈ - THÁI LÀ GÌ?

- **BỈ** là quẻ thứ 12 trong kinh Dịch
- **THÁI** là quẻ thứ 11 trong kinh Dịch.

BỈ 否 nghĩa là bế tắc, gồm có chữ bất 不 ở trên, chữ Khẩu 口 ở dưới, là ám chỉ con người không có miệng hay nói khác đi dấu cho có miệng cũng không nói được thành lời, dấu có nói đi nữa là phải nói theo sự đặt để của người khác. Cũng như chữ Phi 匪 chữ Phi 非 nghĩa là không vậy. Ở trong trời đất vẫn có đủ cả vạn-vật. Nhưng ở trong vạn-vật thì người là một giống tối linh. Vậy nên chỉ nói người, thời đại-biểu được cả vạn-vật. Người, thật ra là phối với trời đất mà làm ra Tam Tài, nên đạo người tức là đạo trời đất, mà đạo trời đất chính là ở con người hiện hữu.

Đạo trời là gì? – Là Khí Dương.

Đạo đất là gì? – Là Khí Âm.

Âm Dương hoà hợp nhau thì sanh thành được vạn vật, đạo người cũng nhân đó mà còn. Âm Dương cách tuyệt với nhau thời chẳng sanh thành được vật gì cả, đạo người cũng nhân đó mà mất.

Đặc tính của quẻ Bĩ:

Cần Khôn là hai cánh cửa để đi vào Đạo Dịch. Vậy khi cha mẹ phối hợp tức là Âm Dương giao nhau thì hình thể thứ ba ra đời, là sự **thành hình của người con**. Đứa bé sanh thuận, nghĩa là đầu quay xuống thì thấy trước nhất là:

1 hậu môn	— — —	}	Cần vì THIÊN
1 bộ sinh-dục	— — —		
Một miệng	— — —		Độc là THIÊN ĐỊA Bĩ
Hai lỗ mũi	— — —		
Hai con mắt	— — —		
Hai lỗ tai	— — —		Khôn vì ĐỊA

– Ba nét liền tượng ba hào Dương gọi là quẻ **Kiến** ☰

– Ba nét đứt tượng là ba hào Âm, gọi là quẻ **Khôn** ☷

Một quẻ kép như trên có *Kiến vi Thiên* ở trên, *Khôn vi Địa* ở dưới, đọc là **Thiên Địa Bĩ**.

Một đứa bé ra đời thì đầu quay xuống phía dưới đất, để cho Âm Dương hoà hợp (đầu là Dương, đất là Âm) tức nhiên một hài-nhi mới ra đời thân thể yếu-ớt là từ chỗ tối-tăm đi ra là thời Bĩ (cần phải được nuôi dưỡng săn sóc).

- **THỨ NHẤT:** Đầu quay xuống như thân cây mới mọc.
- **GIẢI ĐOẠN THỨ NHÌ:** Đứa bé nằm ngang, đầu và mình ngang nhau, chống tay bò như con thú bốn chân.

- ▣ **GIẢI ĐOẠN THỨ BA:** Đứa bé đứng thẳng, đầu hướng lên trời, chân đặt lên đất. Đó chứng tỏ là con người đã phải theo định luật tiến-hoá của Bát-hồn.

Hình dạng các khiêu trên tạo nên quẻ **Thiên Địa Bĩ**.

Luật tiến-hoá của vũ-trụ là một vòng tròn không đầu mối, thế nên hết Thái đến Bĩ, qua Bĩ rồi lại Thái. Đó là chuyện hữu hình. Vô vi cũng vậy.

Con người mới ra đời, đầu quay xuống gọi là “*sanb thuận*” tức là mới khởi là phải “*đương đầu*” với một thế giới mới, tuy mọi sự đều khó-khăn, phải phấn-đấu lắm mới được. Rồi một phen trở về cũng vậy, tức là chết. Chơn hồn cũng quay đầu về trình Mẹ ở Cung Diêu-Trì là Cung Tạo Hoá Thiên (số 9), thì cũng phải chịu thời Bĩ để thích nghi với một thế giới mới nữa. Thế nên Ông Bà ta đã rõ thông luật tiến-hoá ấy mà **khi người chết đặt nằm, đầu phải quay ra ngoài là thuận lý Âm Dương của Trời đất** (Trở về là thời Âm, Cung Mẹ là Dương đối với Âm) Vì chữ ngoài đây tức là Thượng là hướng thượng, như quẻ ngoại là quẻ “*Thượng*” là nằm trên. Quẻ nội nằm dưới.

Lại nữa qua hai quẻ THÁI, Bĩ đi liền nhau mà bao quát được vô số vấn đề Đạo-lý trong vũ-trụ.

Thời Bĩ này Âm-khí ở dưới chẳng chịu thượng giao với Dương, dương-khí ở trên chẳng chịu giao tiếp với âm. Âm Dương cách tuyệt nhau như thế, tất nhiên vạn vật chẳng sinh thành, còn gì là đạo làm người nữa, nên nói rằng: chẳng phải đạo làm người. Dịch nói *Bĩ chi phi nhân*. Việc trời đất lớn rộng để chỉ cái bao la, còn thân người nếu âm-khí không xung lên, dương khí không giáng xuống thành bịnh quan cách bất thông. Tâm thuật cũng vậy, nếu bên ngoài hưng phấn mà bên trong chứa nhiều

nhân dục, cũng gọi là phỉ nhân vì còn nhiều thú tính, thì sao xứng đáng vào hàng Tam Tài?

Quẻ **Bĩ** ䷗ ⇕ thì **Kiến** ䷓ trên **Khôn** ䷁ dưới, thoạt nhìn thì thấy vị trí của hai quẻ có vẻ là thuận, nhưng luận về khí-hóa thì khí Dương ở Kiến có tính bốc lên và khí Âm ở Khôn thì lắng xuống dưới, hai khí có chiều hướng khác nhau thì làm sao hòa nhau được, đã không hòa được thì vận Bĩ phải đến mà thôi. Quẻ Thiên-Địa Bĩ là lúc bế tàng. **Khi Đạo Bế** là phần Dương cuối cùng muốn dứt, chuyển biến ra Âm. Hết thịnh đến suy, như vật thay đổi: Thời Đạo Bế, người sinh ác tâm, bạo ngược, gian tham xảo trá, giao cảm ác khí nên tội-lỗi làm chìm đắm sa đoạ, như vật điều tàn. Phần Dương tiêu huỷ, phần Âm thịnh phát. Ấy là lúc Âm thịnh Dương suy. Bĩ là thời kỳ Đạo bế.

Đạo vận có một phần Dương, một phần Âm hiệp thành Càn Khôn Thế giới, thì Âm Dương chuyển vận tuần hoàn mà sanh sanh hoá hoá mới có đêm tối ngày sáng.

Bĩ là bế tàng, là cùng tận. Bởi Quẻ Thuần Kiến ䷂ chủ cát tường là điều lành. Nhưng cái khó ở đây là quẻ Thuần Kiến đã biến thành **Thiên Địa Bĩ** ䷗ vì mất đi 3 hào Dương ở dưới, Âm cứ tiến dần lên (Dương biến Âm)

– **THỜI ĐẠO BẾ**: Thánh giáo của Phật Thích Ca giảng Cơ tại Hội Phước Tự (Cần Giuộc). Ngày 05-04-Bính Dần (Samedi 5 Juin 1926) có lời rằng:

“Chư sơn nghe dạy: “Vốn từ LỤC TỔ thì Phật Giáo đã bị bế lại, cho nên tu hữu công mà thành thì bất thành; Chánh Pháp bị nơi Thần Tú làm cho ra mất Chánh Giáo, lập riêng pháp luật buộc mỗi Đạo Thiên. TA vì luật lệnh Thiên mạng đã ra cho nên cam để vậy, làm cho Phật Tông

thất chánh có trên ba ngàn năm nay. Vì Tam Kỳ Phổ Độ, Thiên Địa hoàng khai, nơi “**Tây Phương Cực Lạc**” và “**Ngọc Hư Cung**” mật chiếu đã truyền siêu rồi chúng sanh. Trong Phật Tông Nguyên Lý đã cho hiểu trước đến buổi hôm nay rồi; tại Tăng đồ không kiểm chơn lý mà hiểu. Lắm kẻ đã chịu khổ hạnh hành đạo... Ôi! Thương thay! Công có công, mà thường chưa hề có thưởng; vì vậy mà TA rất đau lòng. TA đến chẳng phải cứu một mình chư Tăng mà thôi; vì trong thế hiểm bậc Thần, Thánh, Tiên, Phật phải dọa hồng trần, TA đương lo cứu vớt. Chư Tăng, chư chúng sanh hữu căn hữu kiếp, đang gặp kỳ Phổ Độ này là lần chót; phải rán sức tu hành, đừng mơ mộng hoài trông giả luật. Chư Sơn đắc Đạo cùng chẳng là do nơi mình hành Đạo. Phép hành đạo Phật Giáo dường như ra sai hết, tương tự như gần biển «**Tả Đạo Bàng Môn**». Kỳ truyền đã thất, chư Sơn chưa hề biết cái sai ấy do tại nơi nào; cứ ôm theo luật Thần Tú, thì đương mong mỏi về Tây Phương mà cửa Tây Phương vẫn cứ bị đóng, thì cơ thành chánh quả do nơi nào mà biết chắc vậy. TA đã đến với huyền diệu này, thì từ đây TA cũng cho chư Tăng dùng huyền diệu này mà học hỏi, ngày sau đừng đổ tội rằng vì thất học mà chịu thất kỳ truyền. Chư Tăng từ đây chẳng được nói **Phật giả vô ngôn** nữa”.

Bĩ cực thì THÁI lai nghĩa là hết xấu thì đến Tốt.

Theo lý Dịch, Đạo Khai 開 là thời THÁI, là hình ảnh hai tay đẩy hai cánh cửa (môn là cửa) 門 ra ngoài..

Lúc Đạo khai là thời của quẻ THÁI ䷊ Âm khí của Khôn giáng xuống, Dương khí của Kiển thăng lên hoà hợp, ấy là lúc hanh thông, vậy phần Âm sau cùng vừa tận thì đến phần Dương phát khởi chuyển hoá. Ấy là thời-kỳ phổ khai, nhưn loại đang từ-thiện minh chánh,

những hung ác bạo tàn đều tiêu tụy. Lúc ấy là Dương thịnh Âm suy, như vật tuần hoàn đến kỳ thoát hoá, người lo tu tâm dưỡng tánh, cộng hưởng thái-bình. Do máy Âm Dương chuyển vận đến hết phần Âm cuối cùng là Thái.

Nguyên Đạo-lý trong vũ-trụ chỉ có lẽ tương-đối, mà không lẽ gì tuyệt-đối. Hết sau lúc đã Thái ䷊ (**Địa Thiên Thái**) là hanh thông rồi, tất nhiên vận cùng sẽ tới vậy. Nên, sau quẻ Thái tiếp lấy quẻ Bí. Thái cực thì Bí lai, Bí cực Thái lai, chuyện đời đầy vơi là như thế.

Về quẻ THÁI theo khí-hậu thì khí Âm và khí Dương giao nhau, dung hòa nhau được thì mới hanh THÁI.

Ngay thời-điểm cực kỳ đen tối như xã hội Việt Nam lúc bấy giờ (vào khoảng năm 1926):

– Trong thì tâm lý như sanh còn nhiều phức tạp theo đa thần giáo, tinh thần Tôn giáo chưa chuyên nhất nào là theo bóng, chàng, đồng, cốt, thầy phù, thầy pháp đủ loại, mặc dầu tín ngưỡng cao nhưng NHÂN TÂM bất nhất

– Ngoài thì dân tộc chịu lệ thuộc dưới quyền thống trị của người Pháp. Dân sinh chịu đau khổ dằng dai.

Đức Chí-Tôn đến, Ngài đến để xoay thành vận THÁI, tức là đem lại sự hanh-thông, sáng-sủa, huy-hoàng cho dân-tộc Việt, đồng thời để giải nguy cho nhân-loại đang lâm vào cảnh đau thương nhất, loạn-ly nhất như hiện tại đã thấy trong thời kỳ Hạ ngươn mặt pháp này:

“Đức Chí-Tôn mở Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ Độ tức là Đạo Cao-Đài dựng mở một kỷ-nguyên mới, Qui Tam Giáo Hiệp Ngũ Chi, lập thành một nền Tôn-giáo Đại-Đồng cho hiệp với trình-độ tiến-hóa của nhân-loại và của quả địa cầu 68 của chúng ta, dọn đường cho Đức Di-Lạc ra đời”.

“Vì muốn độ 92 ức nguyên-nhân qui hồi cứu vị cho khỏi sa-đọa cõi hồng-trần. Ngày nay Đức Chí-Tôn mở Đạo không giáng trần bằng xác thân mà chỉ giáng bằng Huyền-diệu Cơ-Bút mới qui đặng cả Đại-Đồng Thế-giới”.

Xếp đặt quẻ, Thánh nhân lấy theo hình ảnh con người

Luận về Lý Dịch qua con người:

■ *(Tài-liệu này trích trong Dịch-lý Cao-Đài I cùng Soạn-giã)*

Tại sao phải lấy hình ảnh của con người?

Hai lỗ tai	--	}	Đây là 7 khiếu Dương
Hai con mắt	--		
Hai lỗ mũi	--		
Một miệng	—		
Một hậu-môn	—	}	Đây là hai khiếu Âm
Một bộ sinh dục	—		

Cộng chung là 9 gọi là Cửu khiếu

– Vì tất cả con người trên thế giới này đều có những bộ-phận giống nhau về Âm Dương, nam nữ. Bộ sinh dục nam thì tượng Dương vẽ một gạch liền — Nữ tượng Âm, vẽ gạch đứt -- Dựa theo nguyên tắc này mà Thánh nhân làm ra bộ Kinh Dịch, ký hiệu toàn bằng những vạch liền, vạch đứt thay đổi nhau mà làm nên quẻ biến đó vậy.

Từ đó mới suy ra: người nào cũng có ở trên mặt và trên người cơ quan hữu hình như trên.

Vì người là một sản phẩm hoàn hảo nhất của Thượng Đế. Thánh-nhân do theo đó mà làm nên nét chẵn, lẻ; Âm, Dương để diễn-tả sự chuyển biến trong vũ-trụ này. Do

vậy nét đứt — biểu thị bằng hào Âm, nét liền tượng hào Dương — Nét liền, nét đứt đều do từ lý tính của người. Chính do Âm Dương này đã trở thành đầu mối của Càn Khôn Vũ Trụ mà Thánh-nhân đã luận nên tất cả những sự biến thiên trong trời đất, không đâu là không có hình ảnh Âm Dương. Dù vật lý học, nguyên tử học, sinh học, triết học, lịch học và nhất là TRIẾT LÝ CAO-ĐÀI.

Theo trên, với con số 7 là 7 khiếu (khiếu là lỗ) ở trên mặt, tức là 7 khiếu Dương; nhờ Dương-diễn trên mặt nên tất cả con người dù xứ nóng hay xứ lạnh đều chịu được thời tiết mỗi nơi khác nhau, **nếu khí Âm lên đến đầu hay mặt, là bệnh.**

Thế nên Pháp Chánh Truyền qui định cho phái Nữ chỉ đến phẩm Đầu Sư mà thôi. Còn hai phẩm Giáo Tông và Chưởng Pháp thì không được dự vào cũng vì lẽ ấy.

Con số 7 có liên-hệ đến thất tình và thất khiếu sanh quang của con người. Do các số này đã làm nên phương trình Đạo học, đang áp-dụng trong thế giới loài người.

Xưa Phật chỉ độ phân Dương mà thôi, tức là độ hôn mà không độ xác, độ tử không độ sanh, độ Nam mà không độ Nữ, nên Phật-giáo chỉ làm tuần thất (nghĩa là $7 \times 7 = 49$ ngày).

Ngày nay, chính Đức Chí-Tôn mở Đại-Đạo, là cơ tận-độ chúng-sanh, tức là thực hiện cả con số 9 (hình ảnh của toàn Cửu khiếu = 7 khiếu dương + 2 khiếu âm) tức nhiên Kỳ Ba này độ cả hôn lẫn xác, độ tử và độ sanh, độ Nam và Nữ, độ toàn cả nhân-loại trên Càn khôn Thế giới và vật loại; không phân biệt giống dân nào; vì tất cả đều là con của Thượng-Đế. Đạo Cao Đài làm tuần Cửu ($9 \times 9 = 81$)

Điều này ứng với Sám Trạng Trình, rằng:

*“Cửu Cửu Càn Khôn dĩ định,
“Thanh Minh thời tiết hoa tàn”.*

Bởi thế nên đúng thời này Thầy lập Cửu-Trùng-Đài là con đường vào Cửu-Trùng-Thiên, từng bước lên nấc thang tiến-hóa qua Cửu-Phẩm Thần-Tiên để đến nơi tuyệt phẩm là Niết Bàn, theo như Phật giáo quan-niệm đó.

Chỉ có con người mới được hình ảnh của quẻ THÁI mà thôi, tức nhiên đứng thẳng, đầu đội trời chân đạp đất.

Hai lỗ tai	--	} Đây là quẻ KHÔN vi Địa
Hai con mắt	--	
Hai lỗ mũi	--	
Một miệng	—	} Đây là quẻ CÀN vi Thiên
Một hậu-môn	—	
Một bộ sinh dục	—	

ĐỌC LÀ ĐỊA THIÊN THÁI

Đặc tính quẻ THÁI ䷊:

Trong khi đó **Khôn** ䷁ (6 vạch đứt) là Âm ở trên, quẻ **KIÊN** ䷀ dương ở dưới, chỉ một sự bao dung, như tình cha mẹ thương con. Quẻ **Kiên** ䷀ (3 nét liền) cộng chung là 9 nét. Người Á Đông nói Kiên là Cha, Khôn là Mẹ.

Khi trời đất giao nhau, Âm Dương hoà hiệp thì muôn vật sinh trưởng cho nên mới nói THÁI: *«Âm Dương hoà hiệp, thiên địa tương giao vị chi THÁI.»*

THÁI còn có nghĩa nhỏ đi lớn lại, Âm đi Dương

lại. Thế của khí Âm Dương trời đất giao nhau mà muôn vật hanh thông, trên dưới giao nhau mà chí khí giống in nhau. Trong Dương mà ngoài Âm, trong mạnh mà ngoài thuận. Đạo quân tử ngày một tăng trưởng, đạo tiểu nhân ngày một tiêu mòn.

Soán viết: *Thái, tiểu vãng đại lai cát hanh, tắc thị thiên Địa giao nhi vạn vật thông dã. Nội Dương ngoại Âm, nội kiện ngoại thuận. Quân tử đạo trưởng, tiểu nhân đạo tiêu.*

Vậy thì trời đất giao nhau, Âm Dương hoà hợp là quẻ THÁI. Muôn vật tươi tốt. Đấng nhân quân phải làm thế nào giữ được mức quân bình: không thái quá mà cũng không bất cập, cốt thực hành, vun bồi, sửa sang giúp đỡ cho nên việc của Trời đất và phù trợ cho dân sanh.

Hãy xem giữa trời đất và con người có những điểm tương đồng, tức nhiên “*Trời đất in ta một chữ đồng*”. đúng như câu của các Triết gia Đông Tây đều nhìn nhận: Con người là một Tiểu Vũ trụ “*Nhân thân tiểu vũ trụ*”.

“*Con người đứng phẩm tối linh,*

“*Nửa người nửa Phật nơi mình anh nhi*”.

Trời đất, vạn vật đều có đầy đủ trong con người của chúng ta. Sự tương ứng giữa hình tượng và các số của Đại Vũ trụ (Macrocosme) tức là trời đất với Tiểu Vũ trụ (Microcosme) tức là con người.

3- CHÁNH 正

Chánh 正 nghĩa là ngay thẳng, không thiên lệch. Điều này Đức Chí-Tôn đã dạy rằng “*Bất thiên tả, bất thiên hữu, bất bạo động*”. Phân tích chữ chánh 正 thấy

có hai chữ Thượng 上 và Hạ 下 hiệp lại, tức là người có tâm chánh thì không xu nịnh người trên, không hiếp đáp người dưới mà đời cho rằng “*Thượng đội Hạ đạp*”.

Trong vấn đề tu-hành dù ở phương diện nào điều cần-yếu là phải giữ cái tâm cho chánh đáng “*Vì tâm trung chánh đáng thì là làm cốt cho Tiên Thánh, còn tâm chỉ vậy tà là chỗ của tà-quái xung nhập*”.

Lời Bà Lâm Hương-Thanh nói rằng:

“*Sự tu-hành chẳng phải dâng hoa đánh lễ, khổ mỗ rung chuông là đủ; mà cũng không phải niệm đọc kinh, ăn chay ăn lạt là rồi. Bởi đó là cái SỰ chứ chưa phải cái LÝ, cái ngọn chứ chưa phải cái gốc; cái lý với cái gốc vốn ở trong TÂM người.*”

“*Giữ tòa lương-tâm cho thanh tịnh, chánh đáng, rồi sai khiến ra tứ chi, thân thể, dò theo đạo luật mà làm. Sự tu không phải nội trong lúc tới chùa hay là đương lúc cúng kiến ăn chay. Phải cẩn-thận dầu trong khi ngày thường, ăn ở đối-đãi với nhau trong cuộc đời cũng phải cho nhớ rằng: thiện nam tín nữ, thì mình phải liệu làm sao, giữ làm sao cho lời ăn tiếng nói, cử chỉ hành-vi cho khỏi phải phụ một phần trách nhiệm, chứ nếu như đã thọ lãnh tiếng “**nhập môn cầu Đạo**” mà còn tranh cạnh chuyện thị-phi ác cảm bên trường đời, lửa tam bành nổi dậy rần rần, ma lục tặc hoành-hành thất sát.*”

“*Kinh cũng đọc, kệ cũng đọc, mà lời phạm tiếng tục cũng không chứa.*”

“*Tiên cũng cầu, Phật cũng cầu mà tánh qui nết yếu cũng không bỏ.*”

“*Ngoài so-se đeo mảnh gương Thiên-nhân, lần chuỗi*”

hột bỏ-để mà trong lòng thì mối nghiệt dây oan vẫn vương nơi trái tim lá phổi.

“Vậy thì sự tu-hành chính là một cuộc cầu danh giả dối, biết mấy đời cho thoát đặng cảnh khổ sông mê.

“Ôi! Ăn chay một tháng có mấy ngày, còn bao nhiêu thì hại vật sát sanh không chừng đổi, kinh sám-hối đọc sơ qua chút ít, còn bao nhiêu thì vọng ngôn ác ngữ cả luôn năm, vậy rồi lâm vô vòng ác-đạo trăm luân lại thán oán rằng: Tôi có niệm kệ, ăn chay, sao không thấy Phật rước Tiên đưa, Thánh Thần hỉ xả?”

Thi văn dạy Đạo:

Lẽ Chánh tự nhiên có lẽ Tà,

Chánh Tà hai lẽ đoán sao ra?

Sao ra Tiên Phật người trần tục.

Trần tục muốn thành phải đến TA.

4- CHỦ 主

TRÊN THIÊN BÀN có dạng CHỮ CHỦ 主

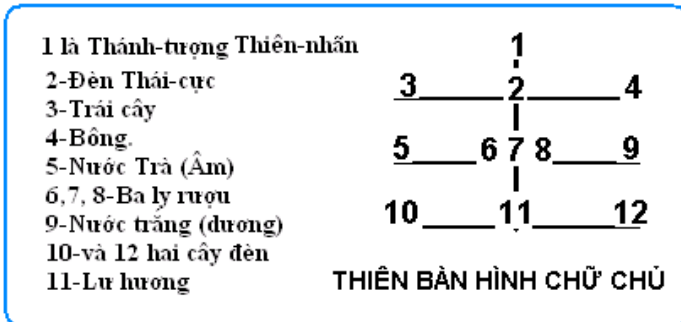
Tất cả các yếu-lý để làm một con người toàn thiện là phải đủ 4 đức: **Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí** (tượng chữ vương 王 4 nét). Có thể gộp thâu vào một mối ở người tu theo Đạo Cao-Đài ngày nay là đoạt đức làm Vương, làm Chủ. Phật Thích-Ca cũng nói: *Thắng một vạn quân không bằng tự thắng lấy mình* là vậy. Thắng lấy mình là **làm chủ mình trước tiên**. Dầu một bậc vua quan công hầu khanh tể đi nữa mà không thắng lấy mình được thì mọi việc sẽ hư hỏng về sau, mất lương tâm mà thôi.

Lịch-sử nhân-loại đã cho ta thấy điều ấy.

Phân tích chữ Chủ 主 sẽ thấy trước tiên là ba vạch liền ☰ ấy tượng Tam tài, mà chính con người có dự phần trong ấy: trên Trời, dưới Đất, giữa là Người. Phải là người có đạo đức mới không thẹn với trời cao đất dày chứ! Ba vạch này còn là quẻ CÀN (Càn vi Thiên) đó vậy. Thêm một nét sổ thẳng qua thành ra chữ Vương 王 (vương là vua) mà chính Đại-Đạo ngày nay Chí-Tôn đã đến ban cho một nền Vương Đạo. Đặt một nét chủ lên trên thành ra chữ CHỦ là vậy.

Thế nên ngày nay Đức Chí-Tôn đến mở Đạo Ngài cho Thờ trên Thiên bàn hình **chữ CHỦ** 主. Tức nhiên điều cần yếu nhất là mình phải tự làm chủ lấy mình. Đây cũng là câu quyết định: “*Ngũ nguyên Thánh Thất an-ninh*” vậy.

Dù ở một con người có Tôn-giáo hay một người ngoại Đạo mà có đủ Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí thì cũng là một mẫu người đáng kính, đáng nể phục.



“Thế nên Triết-lý của nền Tôn-giáo Cao-Đài mục đích là làm cho cả nhân-loại đến học đức làm Chúa, làm chủ toàn cả gia-đình:

- *Được làm Chủ của một tiểu gia-đình, tức là một*

Tông-tộc, là một vị Hiên tại thế rồi.

- *Được làm Chủ một trung gia-đình là quốc gia, là một vị Thánh-nhơn.*
- *Được làm Chủ một số quốc-gia hiệp lại như Hiệp Chúng-quốc tại Mỹ-châu như Washington, Lafayette chẳng hạn là một vị Tiên.*
- *Được làm Chủ tới đại-gia-đình tức nhiên làm chủ cả toàn tâm-lý thiên-hạ, một nền Tôn-giáo, là một vị Phật.*

Thế-pháp của Đạo Cao-Đài có khuôn-khổ tập cho nhơn loại đi đến mục-dích trong luật-pháp của một nền Chánh giáo”.

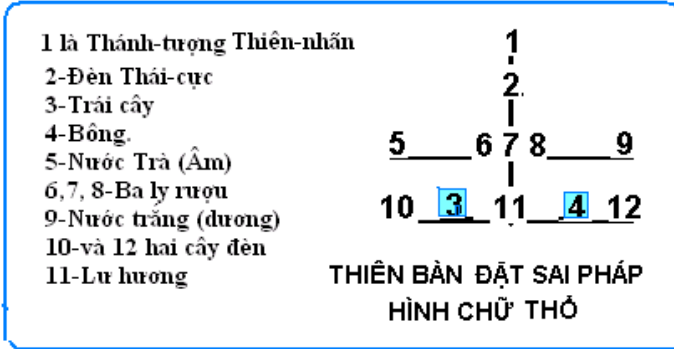
Trên Thiên bàn thờ Chí-Tôn hình chữ **CHỦ** 主 tức là gồm 12 món cúng phẩm, đặt thành 3 hàng ngang tạo thành hình quẻ **Càn** ☰ Càn vi thiên (Càn là trời) tức là chỉ ngôi Thượng Đế Thái-cực Thánh-Hoàng vi chủ.

Đức Chí-Tôn đến dạy cho nhân loại thờ Ngài dưới hình thức chữ **CHỦ** là chỉ rõ cho thấy rằng:

*“Thấy là **CHỦ** cả Càn khôn thế giới, tức là Chúa tể sự vô vi, nghĩa là chủ quyền của Đạo, mà hệ chủ quyền của Đạo ngự nơi nào thì là Đạo ở nơi ấy” (PCT).*

Vậy thì lý do gì nay thượng lên, mai đem xuống như một món hàng. Nhiều người rất tôn trọng Hộ-Pháp, nên chỉ thờ riêng Đức Hộ-Pháp mà thôi. Vậy những người thờ Thánh Tượng Ngũ Chi, biểu tượng ngôi Thượng Đế vi chủ, rồi không còn kính nể Đức Hộ-Pháp hay sao? Và Đạo lệnh nào cho phép dời Thiên Nhân Thầy xuống? Có phải vô tình ta đã thất lỗi với Thầy Trời sao? Cũng là đại tội với Đức Hộ-Pháp hay sao?

Hiện nay trên Thiên bàn đã sửa sai Pháp:



Ngày nay cũng đặt 12 món cúng phẩm ấy nhưng sửa lại để bông và trái xuống cấp dưới (hoặc cấp 2 hay cấp 3) nghĩa là làm mất đi một nét ngang, bấy giờ còn lại là hình chữ **THỔ** 土 (thổ là đất) thì trở thành quẻ **Khôn** ䷁ Khôn vi địa (địa là đất) là thời âm. Âm thanh tất Dương suy. Đạo bị bế là vậy. Bởi hằng ngày Ta chỉ lạy vào chữ “*Thổ*” mà thôi.

Nhìn lên Thiên bàn, một lỗi-lầm như trên ta thấy ra rất nhỏ, hầu như không một ai chú-ý, nhưng chiều sâu rộng thật tai hại vô cùng, Đạo bị thất pháp là do đó. Người tu không thành cũng do đó. Người bảo thủ Chơn-truyền cũng phải biết phân biệt bấy nhiêu đó mà tìm tòi nơi Chánh giáo. Đâu là đúng? Đâu là sai? Tự mình điều chỉnh!

Thất pháp như thế nào?

Điều này Thầy có nói với Đức Hộ-Pháp khi Ngài giao quyền cho Hộ-Pháp xuống thế mở Đạo. Nhắc lại lời Đức Hộ-Pháp rằng:

“Bản-Đạo vâng lệnh Đức Chí Tôn xuống thế mở Đạo,

thì Đức Chí-Tôn mới hỏi rằng:

– Con phục lệnh xuống thế mở Đạo, con mở Bí-pháp trước hay là mở Thế-pháp trước?

Bần-Đạo trả lời:

– Xin mở Bí-pháp trước.

Chí-Tôn nói:

– Nếu con mở Bí-pháp trước thì phải khổ đa! Đang lúc đời cạnh-tranh tàn bạo, nếu mở Bí pháp trước, cả sự bí-mật huyền-vi của Đạo, Đời thấy rõ xúm nhau tranh giành phá hoại thì mới Đạo phải ra thế nào?

Vì thế nên mở Thế-pháp trước, dầu cho đời quá dữ có tranh-giành phá hoại cơ thể hữu-vi hữu-hủy đi nữa thì cũng vô hại, xin miễn mặt Bí pháp còn là Đạo còn.

– Bí-pháp là Hiệp-Thiên-Đài giữ.

– Thế-pháp là Cửu-Trùng-Đài mở-mang bánh trường”.

Vậy có hại cho nền chơn giáo của Chí-Tôn không?

– Nếu nói hại thì quả thật là một điều tai hại ghê gớm, nhưng muốn không hại thì cả nhơn sanh thông hiểu đạo lý, dầu sửa đến đâu mà nhơn sanh đã thấu hiểu rồi thì không còn lâm lạc được. “Tu hữu công mà thành thì không thành” ấy là lời Thầy đã từng nhắc nhở!

Tất nhiên, ngày nay Đức Chí-Tôn đã đến, ban lại CHỦ QUYỀN cho dân tộc Việt-Nam, vì qua bao thời gian nhiều thế hệ cha ông chúng ta đã bị mất chủ quyền, chịu nạn lệ nô, để bây giờ con cháu của các Ngài phải biết đến chữ CHỦ với tầm mức quan trọng của nó:

▣ Thứ nhứt là biết có Trời đang làm CHỦ, đang chế

ngự toàn cả tâm linh của nhân loại với mục đích đưa nhân loại đến Đại-Đồng. Ấy là chữ CHỮ về Đạo-pháp đó.

- ▣ Thứ hai là đất nước Việt-Nam có hình chữ CHỦ, tức nhiên là một quốc gia thiên định, là một Thái cực đồ.
- ▣ Thứ ba là đất nước Việt-Nam này phải chính do Việt-Nam làm Chủ trong sứ mạng thể Thiên hành hoá, không bị một quyền vật dục nào làm cho hư hoại.
- ▣ Thứ Tư phải chính mình làm chủ lấy mình : đây là một yếu-tố quyết định và quan trọng nhất. Giả sử con dân Việt-Nam cứ mê theo chủ nghĩa ngoại lai bán rẻ lương tâm, bán rẻ cả hồn thiêng dân tộc, thì dẫu Chí-Tôn có ban cho đất nước đầy mỏ vàng cũng sẽ làm mối cho kẻ tham quyền trục lợi mà thôi. Tạo ra nhiều tham nhũng vụ tât lợi lộc mà bỏ ngân hàng riêng, bán rẻ sự hy sinh xương máu của bao đời cha ông mà thôi.

Hồn thiêng sông núi ơi! Việt Nam ơi! Việt nam ơi!

5- CHÚA 主

Âm tuy khác nhưng nghĩa vẫn một. Gồm bộ **Chủ** 主 và chữ **Vương** 王. Ngày xưa vị Chúa xem như người đứng đầu một nước lớn gọi là **Đế** 帝 thống lãnh các Vương hầu. Cũng như Ngôi Trời là Cha, mà Chúa là Con một của Trời.

Độc Chúa là danh của Đấng Chúa Cứu thế đã một lần đến với nhân loại, Ngài đã thọ khổ để chuộc tội cho loài người. Trên hai ngàn năm đã vắng mặt Người:

Trong “ĐỆ NHỊ HOÀ-ƯỚC đã ký-kết với Đức Chí Tôn bị nhân-loại bội-ước nữa, vì bội-ước mà bảo sao nhân-

loại không bị tội-tình mắc-mỏ cho được”.

Lời Đức Chúa Jésus Christ trong Thánh KANT:

“Je reviens en ce monde avec un Nouveau Jérusalem”
(Tôi trở lại thế-gian này với một TÒA THÁNH MỚI”.
Hôm nay Ngài đã trở lại với Toà-Thánh Cao-Đài rồi đó:

“Nhị kiếp Tây Âu cầm máy tạo,

“Hữu duyên Đông Á nắm Thiên Thor”

Thánh ngôn đã ghi rõ một đàn cơ do người Pháp
hầu đàn. Đức Chí-Tôn giảng dạy:

*“Các con có biết chẳng hiện nay vì thế gian rất hung
bạo nên thời kỳ tận diệt đã hầu kề. Nhân loại tàn sát lẫn
nhau, bởi không biết dùng khoa học vào việc phải, nên nó
mới biến thành chia rẽ và chiến tranh.*

Thánh Đạo của Chúa Cứu Thế (vì sự hiểu lầm) làm
tăng gia dục vọng của kẻ mạnh đối người yếu và giúp giáo
cho bọn trên hiếp người dưới. Phải có một giáo lý mới mẽ
đủ khả năng kiềm chế nhân loại trong sự thương xót chúng
sanh. Chỉ có xứ Việt-Nam còn duy trì được sự tôn sùng Tổ
phụ theo tục lệ cổ truyền, mặc dù xứ ấy chỉ biết chịu ở dưới
quyền lệ thuộc từ ngày được tạo lập đến giờ. Ý Thầy muốn
nó được giữ nguyên như vậy mãi” (TNI/131).

Bởi: Ngày nay Người đã trở lại trong ngươn hội
này để hoàn thành chương trình “Qui Nguyên Tam Giáo
Phục Nhứt Ngũ Chi”, dưới danh hiệu: “Tam-Thiên Thế
giới HỘ-PHÁP GLÁNG LÂM”

6- CỔ 壘

Trong Dịch-lý: quẻ Sơn Phong Cổ là quẻ thứ 18 trong
Thượng Kinh Quẻ CỔ hợp bởi Cấn ☶ là núi ở trên; Tốn

☵ là gió ở dưới; núi là sơn, gió là phong, gồm lại đọc tên là **Sơn-Phong Cổ** ☶

Chữ **Cổ** 蠱 trong Tự-điển nghĩa là một giống trùng 虫 ở trong bụng làm cho người ta bị trướng, gọi là bệnh *cổ trướng*. Trong sách thuốc có nói: Phong, Lao, Cổ, Lại tứ chứng nan-y (bệnh ung nhọt, ho lao, cổ-trướng, cùi lở-lói là bốn chứng bệnh rất khó chữa).

– **Cổ** 蠱 cũng là một vật độc làm hại người, ai ăn phải thì sinh ra ngây-dại, mê- man.

– **Cổ** 蠱 theo chiết-tự có ba chữ trùng 虫 ở trên chữ mãnh 𧈧, mãnh là cái chậu; ba chữ trùng là có nhiều sâu bọ trong chậu, có nghĩa là tan rã ghê-tởm, hỗn-độn lúc nhúc như dòi vậy.

– **Cổ** có nghĩa là tan-hởng vì làm việc; lúc-nhúc trong chậu là công việc của sâu-bọ, mà trừ bỏ nó đi lại là một việc khác, tức đã hoại loạn đến mà lo sửa sang, đã sửa sang tất nhiên có công việc, nên nói tắt rằng: “*Cổ giả sự dĩ*” (cổ là công việc). Khi vật bỏ lâu ngày chẳng dùng thời sâu mọt sinh ra gọi bằng trùng cổ; người say đắm tử sắc mà tật bệnh sinh ra gọi bằng bệnh Cổ. Thiên hạ trị an lâu ngày mà tệ hại sinh, gọi bằng cổ hoại. Trai gái say đắm tình dục mà bị mê hoặc, thấy đều là tượng Cổ loạn, thời không thể ngồi yên, tất có việc nên đặt tên quẻ bằng Cổ.

A- Quẻ **CỔ** tượng cho thời “**Án nạn pháp**”

Trong cửa Đạo Cao-Đài, người đứng ra lãnh đạo tinh thần buổi này chính là công của Đức Hộ-Pháp Phạm Công Tắc. Ngài là Giáo Chủ về hữu hình. Phần vô hình thì chính Đấng Chí-Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế là Giáo chủ.

NHỮNG HIỆN TRẠNG CỦA NĂM THÂN

Đầu xuân năm **Nhâm-Thân** (1932) sắp Đại Lễ Đức Chí Tôn ngày 9 tháng Giêng, nên vào buổi chiều tối ngày mừng 8 mới đốt bên trong lòng Quả Càn Khôn một ngọn đèn manchon cho có ánh sáng. Do hai vị chăm sóc là Hồ Văn Lầu và Nguyễn Văn Biện. Lối 9 giờ đèn phụt dầu phát cháy Quả Càn Khôn. Nhờ ông Văn-Thắng-Trà (sau này là Lễ sanh Phái Thượng) dập tắt được ngọn lửa. Quả Càn Khôn bị cháy chỉ còn 1/3 phía Thiên Nhân thôi.

Đến sáng ra thì Anh Cả Đức Quyền-Giáo-Tông mới qua hỏi Đức Hộ Pháp:

– *Quả Càn Khôn bị cháy Hộ Pháp nghĩ sao?*

Đức Hộ Pháp nói:

– *Quả Càn Khôn bị cháy mà **Thiên Nhân còn, tức là Đạo còn, nhưng đời phải tận.***

Sau vụ cháy Quả Càn Khôn rồi thì Đức Chí Tôn có giáng cơ cho một bài thơ như sau:

THI

*Chẳng phải Tây Ninh chịu nạn nghèo,
Cuộc đời luân chuyển thế cheo leo.
Trời còn đất lở tang thương biển,
Ruộng rẫy phổ phường lộ mốc meo.
Sắc tướng âm thịnh tua giảm bớt,
Mở đường công quả chúng làm theo.
Văn chương đâu rõ thông cùng lý,
Tận thế hưng vong đã thấy vèo.*

B- Nền Đạo bắt đầu gặp cơ khảo đảo:

Trong cửa Đạo hiện thời lớp thì chia phe phân phái,

còn lại thì bị cường quyền thực dân đàn áp bắt Đức Hộ Pháp vào năm Tân-Tỵ đày qua Madagascar cùng với một số Chức sắc cao cấp nữa.

Qua năm **Giáp-Thân** (1944) người Pháp tính đàn áp Cao Đài, có lệnh bắt Chức sắc và Chức việc, nên quý vị đó được tin trốn xuống Sài-Gòn hợp tác với Nhật mới lập ra hăng tàu Nitinan vừa làm mướn vừa tập luyện cho đoàn Nội Ứng Nghĩa Binh thuần thực. Nhờ Nhật làm hậu-thuần cho số Nghĩa-binh cầm tầm vong, đầu đội calô Thần Đạo nhảy vô thành bắt quân Pháp, đó là cuộc đảo chánh Pháp 24 tháng giêng Ất-Dậu (1945).

Do cuộc đảo chánh nên Thực-dân Pháp trả tự do cho Đức Hộ-Pháp từ Madagascar trở về cố quốc. Đức Ngài xuống chiếc tàu Indépendance về đến Vũng-Tàu là 12 ngày đêm, về đến quê hương vào ngày 27-07-Bính Tuất (1946) bởi tàu lớn nên đậu ngoài khơi nhờ ca-nô ra rước Đức Ngài vào bờ rồi về Sài-Gòn nghỉ ở nhà ông Hợi hết cả tuần mới về Tòa Thánh.

Đức Ngài nhìn lại cảnh vật khác xưa, vừa lo chấn chỉnh mỗi chơn truyền vừa lo phục lại chủ quyền cho Đạo, tức là lập thành Hội Thánh để thay hình thể Đức Chí Tôn và chuẩn bị mở Đại-hội Nhơn Sanh năm Bính-Tuất. Ngài còn lo tu bổ Đền thờ Đức Chí-Tôn và tạo ngôi Điện thờ Đức Phật-Mẫu cùng các dinh thự với ba Cung ba Động vừa xong đâu đó được an bày.

Nào ngờ cơ khảo Đạo lại đến với Đức Ngài nữa. Nhưng Đức Ngài đã biết trước tất cả và sẵn sàng chờ đợi, cũng như chờ đợi sự đi đày ở lần trước vậy. Trước đó, Đức Hộ Pháp đã chuẩn bị cho cuộc lễ Hội-Yến Diêu-Trì-Cung vào ngày 15 tháng 08-Ất Mùi thật chu đáo. Buổi tối ngày

16 tại sân Đại-Đồng-Xã có tổ chức Văn-Minh-Điện để các bậc Chúc sắc cho thay đồ, nhưng sự thực Đức Ngài chỉ mượn 4 câu ca dao để làm câu thay, ngụ ý muốn nhắn nhủ những lời tâm huyết nhất cho các Môn-đệ của Đức Chí Tôn biết thời buổi nguy vong sắp đến mà không thể tỏ thật bằng lời, nên mượn thay đồ rằng:

Câu 1:

*“Vĩ dầu cầu ván đóng đinh,
“Cầu tre lắt lẻo gập-ghình khó đi”
(xuất nhứt vật) Đáp: “cái thang”*

Câu 2:

*“Bậu nghe ai dỗ ai dành,
“Chanh chua Bậu chuộng, cam sành Bậu chẻ”.
(xuất nhứt vật) Đáp: “Cái trách”*

Câu 3:

*“Một mai thiệp có xa chàng,
“Đôi bông thiệp trả đôi vàng thiệp xin”
(Xuất nhứt vật) Đáp: “Cái ly”*

Câu 4:

*“Tưởng rằng nghĩa mặn tình nồng,
“Nào hay tay ấm tay bông vai mang”.
(Xuất nhứt vật) Đáp: “Cái khai”.*

Không một ai đáp trúng lời thay đồ trên cả!

Những lời than trách trên đây đều là hình ảnh của người Nữ phái đó là thời Âm, khi Âm thịnh tắt Dương suy.

Với cuộc thi đồ này ngụ ý 4 chữ **“Than Trách Ly Khai”**. Đó là một chơn ngôn ẩn ý của Đức Ngài nói lên

cho nhân-sanh biết cái dã-tâm của Ngô Triều với ý đồ Công-giáo-hóa Cao Đài, dù trước đó đã có nhiều thủ đoạn. Ba hôm sau có cuộc thanh trừng vào ngày 20-08-Ất Mùi do Quân đội Cao-Đài đứng lên kéo về bao vây Hộ Pháp Đường và làm khó dễ Đức Hộ-Pháp.

Chính cái ngày 20-08 này được xem là “Ngày Đạo hận” để mở ra một thời Án nạn pháp mà người phải đứng ra gánh nạn cho nhơn sanh chính là Đức Ngài đã dâng sớ..

Trích đoạn Sớ chung niên năm

Ất Mùi Về cuộc thanh trừng

“... Năm Ất Mùi là năm Đạo trải qua nhiều trạng thái vui buồn lẫn lộn, lắm cảnh hiệp tan pha màu, khiến cho Hội Thánh phải lắm công nhọc trí xoay trở thuận chiều, hầu trấn an toàn thể con cái Đức Chí-Tôn.

Bước qua tháng tám Lễ Hội Yến Diêu Trì vừa yên, cách ba ngày sau nhằm ngày 20 tháng 8 năm Ất Mùi (Dl 05-10-1955) cuộc nội biến xảy ra do Trung Tướng Nguyễn Thành Phương chủ động vào Hộ-pháp-Đường là nhược điểm. Cuộc khảo đảo nhằm ngay Đệ Tử, nhưng dầu phải, dầu quấy, dầu nên, dầu hư, Đệ Tử cam hứng chịu cuộc bạo hành của Phương... làm sôi nổi cả dân cư trong vùng Thánh Địa, luôn cả các nước ngoài...”

Chính cái thời kỳ mà Tôn giáo phải chịu một cái nạn ghê gớm nên gọi đó là thời Pháp nạn. Có phải chỉ riêng Tôn giáo Cao Đài mới chịu một cái ách nạn đó hay không?

– Thừa rằng không! Từ xưa đến giờ không một Tôn giáo nào tranh khỏi: Chúa chịu đóng đinh trên cây Thánh giá. Bọn người manh tâm giết Chúa không ai khác hơn là người của Chúa. Một Juda bán Chúa vì ham ba chục

nguồn bạc. Còn Tướng Nguyễn Thành Phương đây cũng vì ham ba chục triệu bạc ở cái thời điểm năm 1955 của nhóm gia đình trị Diệm-Nhu, mà còn thêm hứa hẹn một mớ chức quyền bổng lộc nữa. Đức Hộ Pháp cho đây là hành động của một con người “*bội sư phản Đạo*” thì chắc rằng không còn một từ nào khác để dùng cho con người này nữa.

Sau ngày Đức Hộ-Pháp Triều thiên, Ngài giảng Cơ bản sửa “*ngày Đạo hận*” ra ngày “*Giỗ chung*”

7- CUỒNG 狂

Chữ Cuồng nghĩa là điên. Theo phép Lục thư chánh tả thì chữ này gồm có bộ khuyến (𠂔) viết đủ nét 犬 là con chó và chữ Vương 王 là vua. Ý nói dẹp bỏ loài khuyến cho hết rồi (chỉ loài gian nịnh mà thời nào cũng có) thì mới xuất hiện một vị vua anh minh, chánh đại, để cho nước trị, nhà an, đem lại hạnh phúc thanh bình cho dân chúng. Đây là duyên có một bài thơ “*Vịnh người cuồng*” của nhà chí sĩ Trần Cao Vân.

Sau cuộc khởi nghĩa Võ-Trứ tại Bình Định vừa chấm dứt, thì tại huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên lại xảy ra vụ truyền bá Trung Thiên đạo, viên Tri-huyện Đồng Xuân ra lệnh bắt giam cụ Trần Cao Vân và gán cho cụ là một cuồng sĩ. Nhân đó Cụ liền cảm tác bài thơ này:

*Vì ai nên chịu tiếng là Cuồng?
Nhân nghĩa rồi ra bỏ mất luôn.
Vì LỖ ở TRẦN cam nhẽ dột, (1)
Ngang trời dọc đất thấy luống tuông,
Phép Tiên Tổ mẫu khôn thu ngục,*

*Bùa Thánh Tể Thiên cũng đẹp tuồng,
Trừ hết khuyển rồi Vương rõ mặt (2)
Đủ xiêm, áo mao ấy nên khôn.*

Câu thơ số 3 nói LỖ là tên nước Lỗ vào thời nhà Châu bên Tàu ngày xưa, đó là quê hương của Đức Khổng Tử, còn TRẦN là một nước thời Châu mạt. Đức Khổng Tử có đến nước Trần truyền Đạo, không được vua nước này tin dùng, lại nhân nạn đói và loạn lạc hoành hành, Đức Khổng Tử và cả môn đệ đều chịu khổ.

Nay hoàn cảnh cụ Trần Cao Vân trái ngang như vậy nghĩa là cụ cũng muốn đem đạo lý để chấn chỉnh nhân tâm, nhưng vì người ta không tin Đạo, nên cụ phải cam chịu sự mỉa mai, khinh rẻ, chẳng khác người điên không biết hổ thẹn.

Sau khi Cụ Trần Cao Vân được thả về từ nhà lao Côn Lôn, tháng Giêng (1914). Tiếp đó Cụ Thái Phiên giới thiệu Cụ Trần gặp Vua Duy-Tân. Vua mời Cụ Trần Cao Vân làm Quốc Sư, Cụ nhận lời. Sau cuộc khởi nghĩa chống Pháp của Vua Duy-Tân bị thất bại, chính phủ bảo hộ và triều đình Huế ghép tội cho Cụ “*giả danh bạo nghịch*” rồi đem xử chém tại cửa An-Hòa (phía Tây thành phố Huế) cùng một lần với Cụ Thái Phiên, Tôn Thất Đề vào ngày 16-04-1916.

Trước khi chuẩn bị đưa ra Hội đồng quyết án, Cụ Trần Cao-Vân tìm cách gợi thơ riêng đến các vị Đại thần Nam triều bằng mấy lời tâm huyết:

“Trung là ai, Nghĩa là ai, đại can vớng lọng là ai? Thà để cô thân tử biệt;

“Trời còn đó, Đất còn đó, xã tắc sơn hà còn đó, mong

cho Thánh Thượng sanh toàn”.

Nghe tin Cụ Trần Cao Vân mất, Cụ Phan Bội Châu ngâm ngùi thương tiếc, bèn viếng Cụ hai câu đối:

- Suối vàng thêm một ma chí sĩ, xã hội mất một vị Đạo sư, liếc mắt xem Âu hải phòng trào thương đoàn hậu tiến,*
- Cội học cũng một nhà danh gia, tân học cũng một tay cự phách, co tay kể hiện thời nhân vật được mấy Tiên sanh.*

Được tin Cụ Trần Cao Vân đã mất, các nhà chí sĩ cách mạng cứu quốc đang bị giam ở ngục Côn-Lôn vô cùng xúc động, tán dương Cụ Trần qua bốn câu thơ:

*Hy tiên Văn hậu thử chân thuyên,
Biệt tự trung gian tạo nhất thiên,
Học thuyết năng tương tiên huyết nhiễm,
Nam phương Tân dịch tích vô truyền.*

Cụ Huỳnh Thúc Kháng dịch ra quốc âm, đăng trong “*Thi Tù tùng thoại*”:

*Văn sau Hy trước vốn Kinh này,
Riêng giữa Trung Thiên dựng một tay.
Học thuyết đem bầu tâm huyết nhuộm,
Trời Nam, Dịch mới tiếc không thấy.*

Sau khi cụ Trần Cao Vân và Cụ Thái Phiên đã chết vì chánh sách bạo tàn của thực dân Pháp thì những tài liệu về Trung Thiên Dịch – Trung Thiên Đạo đều bị lục soát và thủ tiêu.

Kết luận: Cụ Trần Cao-Vân, nhà chí sĩ cách mạng cũng vừa là nhà thơ nổi tiếng lúc bấy giờ. Ông đã làm tròn nghĩa vụ của người trai nước Việt, đã nêu cao tinh thần trách nhiệm tranh đấu không ngừng. Từ năm 20 tuổi

từ biệt gia hương. Hai mươi bảy tuổi (27) đặt chân trên trường tranh đấu. Ba mươi ba (33) tuổi vào ngục Phú-Yên. Ba mươi lăm (35) tuổi vào ngục Bình-Định và Quảng Nam. Bốn mươi ba (43) tuổi vào ngục Côn-Lôn.

Đến năm mươi mốt (51) tuổi – năm Bính Thìn – ngày 16 tháng tư, cái ngày kết liễu đời anh hùng tại làng An Hòa, (cách kinh đô Huế một vài cây số) nhà chí sĩ Trần Cao-Vân và cùng ba đồng chí: Thái Phiên, Tôn Thất Đề, Nguyễn Quang Siêu, lên đoạn đầu đài để đền nợ non sông.

8- ĐẠO 道

Chữ **Đạo** 道 bắt đầu chấm hai chấm là Âm Dương nhị khí, kể dưới một nét ngang tức là Âm Dương hiệp nhứt, nên chỉ một sanh hai, hai sanh ba, ba sanh vạn vật; rồi vạn-vật cũng quay về hiệp một. Kể dưới chữ **tự** 自 (6 nét) nghĩa là tự nhiên mà có. Nên chi Đạo dạy phải tự lập, tức là lo tu-hành để đạt được huyền-bí đạo-mẫu thì trí lực mới phát minh. Chữ **tự** 自 là tự tri, tự giác chớ chẳng ai làm cho người khác giác ngộ giùm hay minh-huệ giùm.

Trên dưới ráp lại thành chữ **thủ** 首 (9 nét). Chữ thủ nghĩa là ban sơ, lúc ban đầu, khởi thủy, là đầu mối của càn khôn vũ-trụ. Kể là **bộ Sước** 辵 (3 nét) nghĩa là chạy, nên kêu là “*pháp luân thường chuyển*”. Hợp chung lại thành chữ **ĐẠO** 道

Chữ **ĐẠO** 道 Thánh-nhân đã đặt một cái luân-lý trong đó tự lâu rồi; hai nét Âm Dương hiển-hiện trên đầu đó, hình ảnh của cha mẹ ta đó, có hợp nhất được thì mới sanh ra một chủng-tử đầu tiên là con mắt, tức là chữ Mục 目 **mục** là con mắt, là trung tâm của chữ Đạo. Con mắt để thấu thập tất cả tinh-hoa, đó là công ơn trước hết

là của cha mẹ sản sanh ra ta. Cha mẹ cũng phải chịu ơn của hai Đấng trên cao kia nữa, đó là Âm Dương trời đất, ngày nay Đạo Cao-Đài xác nhận là Đức Chí-Tôn và Đức Phật Mẫu.

Đức Thượng-Đế là một khối Đại linh quang, là ánh sáng bao la, biểu tượng bằng “*Con Mắt Trời*” thế nên Đạo Cao Đài thờ “*Thánh tượng Thiên Nhân*” là vậy.

Hai Đền thờ của các Ngài còn đó! Niềm tự tin này không bao giờ lụi, nghĩa là ánh sáng đã lóe lên từ mắt trở thành chữ **Tự** 自 (tự là chính mình), từ đây con người tự giác, tự tu, tự trau-giồi cho kiếp sanh trên con đường tiến hóa. Nhưng nẻo đến đã có lối thông thì đường về cũng chính mình sáng-suốt, cho nên khi ráp cả hai phần trên dưới lại thành ra chữ **Thủ** 首 (thủ là đầu). Cái đầu này đưa ta đến và nó cũng hướng dẫn cho ta về, chúng ta xuống bằng cái đầu cho rằng thuận, **thì khi về cái đầu cũng phải quay ra ngoài** để triều kiến Đức Mẹ Điều-Trì nơi cung Tạo-Hóa Thiên ở tầng trời thứ chín, thì cái đầu này biểu tượng chữ **thủ** 首 (9 nét) nó mới hợp lẽ. Nếu quay vào hóa ra đi nghịch làm sao đoạt Đạo? Than ôi!

Đức-tin nơi ta đó, ngày nay Chí-Tôn tạo Đạo ra để cho nhân-loại thờ nhân-loại. Đạo Cao-Đài thờ con Mắt là thờ thiên-lương của mình đó vậy, cho nên con đường tu giục-giã ta phải hoàn thành Tam lập, tức nhiên lập đức, lập công, lập ngôn nghĩa là chữ thủ 首 thêm một nét **sước** 丿 (biểu-tượng bằng bộ sước có 3 nét) thành ra chữ **Đạo** 道 (chữ Đạo có 12 nét do 9+3, tức là con số của Thầy)

Đây là tầng trời cao nhất, có về đến đây được thì mới nhập vào cõi Thiêng-liêng Hằng sống và hòa nhập được với càn khôn vũ-trụ, tức là về được cùng Thầy.

Sự tu thân cần phải có ĐẠO, tin-tưởng nơi Đạo. Bởi “Đạo là cơ bí-mật làm cho kẻ phàm có thể đoạt được phẩm-vị Thần, Thánh, Tiên, Phật”.

Thầy làm chủ chữ Đạo là Cha của sự sống:

Thầy dạy rõ về quyền-uy tối thượng ấy (TNII. 62):

“Các con. Thầy đã nói với các con rằng: Khi chưa có chi trong Càn khôn Thế-giới thì Khí Hư vô sanh ra có một Thầy và ngôi của Thầy là Thái cực. Thầy phân Thái cực ra Lương-nghi, Lương-nghi phân ra Tứ tượng, Tứ tượng biến Bát-quái, Bát-quái biến hóa vô cùng mới lập ra Càn-khôn thế-giới. Thầy lại phân tánh Thầy mà sanh ra vạn vật là: Vật-chất, Thảo-mộc, Côn trùng, Thú-cầm, gọi là chúng sanh. Các con đủ hiểu rằng: Chi chi hữu sanh cũng do bởi Chơn-Linh Thầy mà ra. Hễ có sống ắt có Thầy. Thầy là Cha của sự sống. Vì vậy mà lòng háo sanh của Thầy không cùng tận. Cái sống của cả chúng sanh Thầy phân phát khắp Càn khôn Thế-giới, chẳng khác nào như một nhánh hoa trong cội, nó phải đủ ngày giờ Thầy nhứt định mới trở bông và sanh trái đặng trông nữa, biến hóa ra thêm. Nếu như ai bẻ hoa ấy nửa chừng thì là sát một kiếp sanh không cho biến hóa. Mỗi mạng sống đều hữu căn hữu kiếp, dầu Nguyên-sanh hay Hóa-sanh cũng vậy, đến thế nầy lâu mau đều định trước. Nếu ai giết mạng sống, đều chịu quả báo không sai, biết đâu là cái kiếp sanh ấy chẳng phải là Tiên, Phật bị đọa luân hồi mà ra đến đời ấy. Cái mạng sống là Thầy, mà giết Thầy thì không phải dễ. Các con gắng dạy nhưn sanh điều ấy”.

9- ĐIỀU 鳥 (11 NÉT)

“Trải bao thô lặn ác tà”. Ngôn Đường-Thi có câu: “Nhạ phi Đông hải chí Tây sơn nhứt nhứt trường” nghĩa là

Con chim ác bay về biển Đông tới núi Tây thì gặp một ngày. Mượn điển văn ấy mà chỉ một ngày: Mặt trời sớm mai mọc tại hướng Đông, chiều lặn về hướng Tây. Khuất bóng ác tức khuất bóng mặt Trời thì qua một ngày.

“*Vùng ó*” Không có điển văn. Tuy nhiên Thi văn có câu “*Ô thuộc qui sơn*” tức là quạ bay về núi. Đã biết rằng hễ chiều thì biết bao nhiêu loài chim bay về núi, song lấy tích quạ mà chỉ rằng chiều tối thì phải hơn, vì quạ thì “*Đen lông đen cánh bộ giò cũng đen*”.

Chữ Hán thì chỉ các loài chim đều gọi là **Điểu** 鳥 (bộ diểu – 11 nét). Chim quạ cũng là loài Diểu, nhưng chỉ có con mắt có màu trắng, dễ nhận ra ban ngày, còn khi chiều xuống, đêm tối dần nên hình dáng cùng màu lông của Quạ lẫn trong màn đêm, còn lại màu đen tuyền mà thôi. Thánh nhân viết chữ **Ô** 烏 (10 nét). Còn chữ diểu có một gạch ở trên tượng cho con mắt nên thành 11 nét vậy.

10-ĐÔNG 東

Theo nguyên-lý của trời đất thì Đạo luôn luôn phát khởi từ phương Đông.

Phân tích Chữ Đông 東 có hai phần: chữ **nhật** 日 ở giữa, bộ **mộc** 木 xuyên qua chữ nhật, có nghĩa là mặt trời khi vừa nhô lên khỏi ngọn cây là đã thấy rõ rồi. Chúng tỏ rằng mặt trời luôn mọc ở phương Đông. Mặt trời là Đạo, tức nhiên mặt trời đem lại sự sống cho muôn loài vạn vật cũng như Đạo vậy.

“*Từ cổ chí kim, tạo thiên lập địa, Đạo đều phát khởi từ phương Đông, là các nước ở miền Á Đông (Asie) như các nền chơn-giáo trước kia: Nho 儒, Đạo 道, Thích 釋 cũng*

đều phát khởi nơi miền Á-đông rồi lần lần truyền bá qua phương Tây như:

- **Đạo Phật** thì khai tại Thiên-trước là Đức Nhiên Đăng Cổ-Phật và Đức Thích-ca Mâu-Ni khai Phật-giáo.
- **Đại-Đạo** là Đạo Tiên thì Lão-Tử khai tại Trung Hoa.
- Sau nữa **Khổng-Tử** khai Đạo Thánh cũng tại Trung hoa là ở miền Á-Đông.
- Sau lần lần Đạo trải khắp qua hướng Tây, nên **Đức Chúa Jêsus** truyền Đạo Thánh tại hướng Tây. Kế đó Đạo mới roi truyền ra khắp Năm Châu.

Câu Kinh: “Ánh Thái-dương gọi trước phương Đông”. Ánh Thái-dương là Đạo đó vậy. Nay đã đến Hạ nguơn mặt kiếp, cuối cùng nên Đức Chí-Tôn mới chuyển Đạo nơi vùng Á-Đông, đây là nơi nguồn Đạo phát ra, lại khai nơi Nam-kỳ (một trong ba kỳ của cõi Á-đông). Vì cõi Đông dương đây cũng về miền Đông của Á-châu nên ngày nay phải khởi khai nơi hướng Đông trước rồi mới truyền lần ra hướng Tây. Như Đức Chúa Jêsus khai Đạo bên Âu châu, thì cũng khởi khai nơi miền Đông của Âu châu, rồi mới loan truyền khắp cả Âu-châu, ấy là luật tự-nhiên từ cổ chí kim, hễ Đạo phát khai thì cứ bắt đầu từ phương Đông truyền ra.

Ngày nay là giáp một vòng nên khởi lại điểm ban đầu gọi là “**Thiên địa tuần-hoàn châu nhi phục thủy**” do đó nên Đại-Đạo phải khai tại Á-Đông này, nên Thầy mới mở Đạo nơi Đông dương là cực Đông của Á-châu mà lại khai nơi xứ Nam-kỳ là xứ thuộc-địa, dân-tộc yếu hèn, kém cỏi, ấy là do nơi Thiên-cơ tiền định cả muôn năm, lại là thường cái lòng tín-ngưỡng của người Nam từ thuở.

Tuy khai Đạo tại nước Nam mà cũng khởi từ Đông,

do cái lý từ Bàn-cổ sơ khai: “**Thiên khai ư Tý, Địa tịch ư Sửu, nhơn sanh ư Dần**” 天開於子地藉於丑人生於寅. Do vậy mà Đạo khởi khai tại Tây-Ninh lần lần truyền ra Gia định, Biên-Hòa, Thủ-Dầu-một, Chợ-lớn là mấy hạt ở hướng Đông. Qua năm thứ nhì, thứ ba Đạo mới truyền ra mấy hạt hướng Tây”.

Do câu “Đạo xuất ư Đông” cũng nói lên ý-nghĩa ấy.

“**Cái nguyên-lý** ấy có từ thuở chưa có Càn Khôn Vũ Trụ. Đạo-giáo có dạy: Hai lần nguơn-khí đọng lại nổ ra khối lửa, khối lửa ấy là ngôi Thái cực, chủ ngôi Thái-cực là Đức Chí-Tôn.

Khi trời sét nổ ta nghe gì? An-Nam mình kêu là “Ùm”. Vì có phép Phật sửa lại là “Úm” (úm ma ni bát ri hồng). Câu ấy đọc có nghĩa là nắm cả quyền-năng Vũ-trụ quản-suất trong tay. Tiếng nổ ta nghe nó ra sao? Khi nổ rồi còn nghe tiếng bay xa, nguyên-căn của tiếng nổ là **tiếng trống**, còn giọng ngân là **tiếng chuông**.

Ấy vậy, nguyên-căn của Đạo-giáo do bên Á-Đông này có tiếng trống phát khởi trước, nên chùa thường sử dụng độc nhất tiếng trống; tiếng ngân ấy là sự ảnh-hưởng đạo-giáo, mới xuất hiện qua Âu-châu đều là ảnh-hưởng từ Phật-giáo, mà Phật-giáo xuất hiện nơi Á-đông. Vì vậy mà Đạo nơi phương Tây chỉ có tiếng chuông, còn các nền Tôn-giáo phụ thuộc đều không đúng theo nguyên tắc căn bản. Do nguyên-lý “**Đạo xuất ư Đông. Để xuất hồ Chấn** mà ngày nay Đạo Cao-Đài qui nguyên hiệp nhứt nên có đủ trống và chuông, ấy là thuần túy tinh-thần Á Đông để phát-huy đến cả Đại Đồng thế giới vậy”.

Lại nữa hướng Toà-Thánh quay theo chiều Đông Tây,

mà tạo nên một Bát-Quái Cao-Đài mẫu-nhiệm.

11- ĐỨC 德

Nói rằng “*Thiên địa hợp kỳ đức*” 天地合其德 tức nhiên Trời đất hợp nhau bởi Đức.

Xưa các bậc lão thành thường có câu ghi nhận cho dễ nhớ cách viết chữ Đức, là:

Con chim nó đậu nhánh mè.

Thập trên tứ dưới nhứt đề chữ **tâm**

Đức là gì? Phân tích sẽ thấy:

Chữ **Đức** 德 có hai phần: bên trái là bộ **sách** 彳 là bước chân trái, là khởi đầu, có ba nét thể hiện lý Tam tài ở trong mỗi con người Đạo. Bên phải thì từ trên xuống là chữ **thập** 十 chữ **tứ** 四 chữ **nhứt** 一 chữ **tâm** 心 tức nhiên là nói về con người đứng trong trời đất: Trên là **mười** phương trời, giữa là Người đứng đầu trong **bốn** hàng phẩm của chúng sanh là vật-chất, thảo-mộc, thú cầm mới đến Người. Chữ **Nhứt** là duy tâm, duy nhứt, đứng đầu trong vạn loại. Tóm lại người được cao trọng như vậy duy có chữ **Tâm** mà thôi. Cộng các nét của chữ **Đức** 德 **có tất cả là 15 nét** là đã thể hiện một Bát-quái Đồ Thiên của Đạo Cao-Đài ngày nay đó vậy.

(Xem thêm Dịch-lý Cao-Đài cùng Soạn-giả).

Là bậc cha mẹ lo làm việc phải chính là trử Đức cho con. Thi văn dạy Đạo:

*Trử Đức còn hơn muốn trử vàng,
Giàu sang chẳng chuộc gánh giang-san
Thế đời càng dữ càng kiên Đức
Võ-lực hùng-oai cũng chẳng màng.*

“Hiển-nhiên trước mắt mà chúng ta nếu khiếm công phu lo Đạo, một ngày kia về Ngọc-Hư-cung chúng ta có chối tội được chăng? Mà dầu có chối đi nữa cũng không biết vì lẽ gì mà chối, rất khiếm tài đức.

“ĐỨC là chìa khóa mở đại nghiệp thiêng-liêng, hữu hình hay vô-vi cũng vậy. Lấy Đức làm nền tảng THƯƠNG-YÊU. Cái kho Thương-yêu có tài đức mới mong-mỏi đặng. Kho vô tận ấy hiển-nhiên trước mắt, thì kẻ nào đi trái con đường ấy chẳng hề lập nghiệp cho vững được. Chí-Tôn nhủ rằng: **“Các con muốn đoạt cái đại nghiệp thiêng-liêng của các con duy tu lập Đức”**.

Yêu ái Đức thân sinh, hai tiếng đó hầu qui tụ cả đại nghiệp của mình, từ thuở, bao lần triết-lý các tôn-giáo đều dạy TU và ĐỨC thì ngôi-vị đã sẵn, không hề kẻ làm tội ác kia tranh giành đặng. Ấy đó, Bản-Đạo xin nhấn-nhủ toàn Đạo trụ cả khối tinh-thần cứ mài-miệt Đức-tin cho vững, thoàng có thất-bại Bản-Đạo lãnh cả tội-tình cho.

“Tin thì nghiệm xem ra thế nào, tin quả-quyết như Bản-Đạo đã tin, chúng ta đồng tiến nữa, bao nhiêu năng lực cá nhân góp tăng trăm ngàn nhiệt độ tổng số lại thì không có lực-lượng nào ngăn cản được.

“CHÍ-TÔN hứa với chúng ta đủ điều, thì không hề thất hứa bao giờ, duy tại chúng ta còn khiếm Đức-tin nên sự đoạt thành hy-vọng của chúng ta còn chậm trễ đến ngày nay, mau hay chậm cũng tại chúng ta: muốn tin hay không tin mà thôi. Vậy Bản-Đạo xin khuyên toàn Đạo cố gắng trụ Đức-tin thêm nữa. Cần phải TU LẬP ĐỨC làm căn-bản, thì ắt hẳn đoạt nguyện hiển-nhiên. Cái sự nghiệp của Trời và Người muốn làm chủ nó mà hưởng, thì chỉ có TU và

LẬP ĐỨC”

■ (ĐHP 14-7-Định-Hội 1947)

Nếu **Đạo** 道 (12 nét) là thể hiện quyền-uy tối thượng của Đức Chí-Tôn, tàng ẩn bên trong người không ai thấy được, đó là Dương. Còn **Đức** 德 (15 nét) là cơ hiển lộ ra ngoài, như đức hy-sinh, đức khiêm nhường... đó là quyền hành của Đức Phật-Mẫu là cơ Âm. Nên thường hai chữ Đạo-Đức đi liền nhau và có dấu nối (Trait d'union). Chính cái dấu nối này là chỗ Hoà của Âm Dương. Văn hoá của Việt-Nam có những nét độc đáo đó mà hình như thế hệ sau này đã lãng quên đi cho rằng không thiết thực. Từ chỗ tế vi đó mà quên đi cũng làm cho nhân tính bị biến thái đi.

Thi văn dạy Đạo:

*ĐỨC cao thì mới đáng nên người,
ĐỨC thắng tài kia đáng mấy mươi
Có ĐỨC có tài giềng Đạo trọng,
Không tài không ĐỨC hoá không thời.*

12- ĐIỀN 田

Chữ ĐIỀN 田 (5 nét) là ruộng, do vậy Chữ Điền nằm ở chính giữa của Bát-Quái Đồ Thiên (cũng có ở trong Bát-Quái Hậu thiên nữa) nó đứng vào Ngũ hành.

*** Lý Đạo về chữ Điền:** Dấu nơi Hiệp-Thiên-Đài hay trong Cửu-Trùng Đài: lòng người tu cũng phải giữ được “*Tâm điền*”. Hãy nghe Bà Thanh-Tâm Tài-Nữ luận về chữ “*Tâm điền*” trong Thánh-ngôn, ngày 23-4-1928:

“Đạo mở rộng, giống Đạo gieo đã trót hai Thu, mà người thiệt vì Đạo chẳng có bao nhiêu, thế nên hồi chưa mở rộng nền Đạo, Đức Phật Thích-Ca dòm vào thế cuộc

mà than rằng:

“Lộ vô nhơn hành, điền vô nhơn canh,
“Đạo vô nhơn thức, ta hồ tận chúng-sanh!”

路無人行 田無入耕
道無入識 些乎盡眾生

Ba anh có hiểu chăng?

Sao gọi lộ vô nhơn hành, anh M... N...?

– Đường có người đi nhiều, mà không ai là người phải, đường đi dập-dìu thiên-hạ, mà toàn là ma hồn quỷ xác, tâm giả-dối, hạnh hung-bạo, mật chứa đầy tà khí, thế nào gọi là người?

Còn điền vô nhơn canh là sao?

– Ruộng đầy, là tỷ với tâm, tâm không ai giới trau. Đạo nơi tâm, thì tâm ví như điền, có điền mà chẳng có cây-bừa, đừng đem hạt lúa gieo vào cho đừng trở bông đem hạt, thì ruộng tất phải bỏ hoang; bỏ hoang thì sâu bọ rần-rít xen vào ẩn trú; người mà có tâm như vậy ra thế nào? Ruộng sẵn, giống sẵn, cây-bừa sẵn, duy có ra công làm cho đất phì nhiêu, đừng cho buổi gặt hưởng nhờ mà không chịu làm, thế thì phải diệt tận Chơn-linh”

*** Phân tích chữ Điền:**

Khi bàn Lý Dịch thì phải bàn cho đến đích vì Dịch 易 là biến. **Điền** 田 do hai quẻ Kiển Khôn mà ra:

Quẻ **Kiến** ☶ có ba nét Dương có thể đặt đứng, đó là chỉ không gian Ⅲ và quẻ Khôn có ba nét Âm ☷ đặt nằm, chỉ thời gian. Hai quẻ **Càn-Khôn phối hợp lại thành chữ Điền** 田. Chữ Điền này chính là tâm của Bát Quái Đồ Thiên hay Bát Quái Cao-Đài của nền Chánh giáo, là chỉ

sự biến hoá của muôn loài vạn-vật, nên chi bậc đại nhân, quân tử phải đạt cho được đức tánh cao thượng hay nói khác đi là người đạo-đức phải có được cái tâm điền ấy.

Xem lại trong “*Dịch Lý Cao Đài*” của cùng Soạn giả sẽ thấy hai quẻ **Càn ☰** **Khôn ☷** là chủ của Bát-Quái. Chữ Điền nếu phân tích ra sẽ thấy:

– **Có 4 chữ nhựt** 日 nằm ngang dọc (*nhựt nhựt tung hoành nhựt*). Tức nhiên nhìn qua các chiều, thấy đều có hình chữ nhựt. Ý muốn bảo rằng: Phải ngày mới, mỗi ngày mỗi mới, ngày ngày mới.” **Nhựt** tân, **nhựt nhựt** tân, **hựu nhựt** tân” 日新日日新 又日新

– **Có 4 chữ Sơn** 山 xoay quanh (*Sơn sơn điền-đảo sơn*). Cũng như chữ nhựt, chữ Sơn xoay quanh tạo nên chữ Điền.

– **Có 2 chữ vương** 王 đặt xuôi ngược (*lưỡng vương tranh nhứt quốc*) Hai vua mà tranh một nước.

– **Có 4 chữ khẩu** 口 hợp lại chính giữa (*tứ khẩu tại trung gian*). Ghi thành thi cho dễ nhớ:

Nhựt nhựt tung hoành nhựt

Sơn sơn điền-đảo sơn

Lưỡng vương tranh nhứt quốc

Tứ khẩu tại trung-gian.

Trong sấm Trạng-Trình có câu: “*Phá điền Thiên-tử giáng trần*” hoặc “*Phá điền Thiên-tử xuất, Bất chiến tự nhiên thành*”.

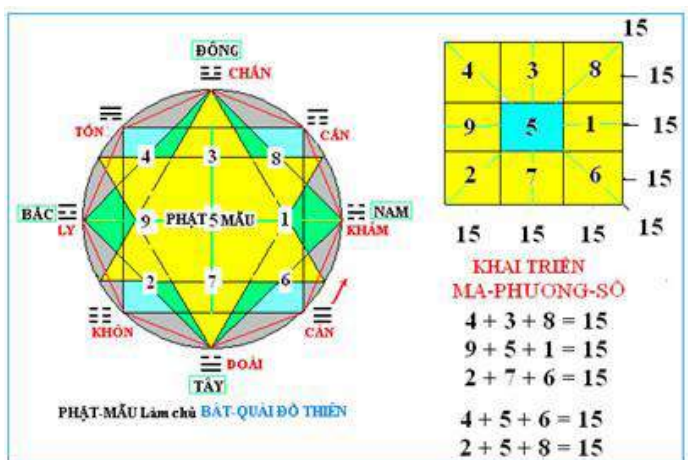
* Đặc-biệt nhất là **hai chữ Vương** 王 nằm theo chiều xuôi ngược trong một cái khung đó là hình ảnh “*hai vua mà tranh một nước*”. Trong con người có hai vua ấy tức nhiên một vua tinh-thần và một vua vật-chất đang tranh

đấu nhau để giành quyền thắng lợi. Vậy thử hỏi nếu vua tinh-thần thắng tức là ta đang hướng về con đường đạo đức, thì người phải năng trau-giồi cho đến độ tận thiện tận mỹ, hồng giục tấn trên con đường Thiêng liêng hằng sống mà trở về với Đại-ngã tức là về với Đức Chí-Tôn Ngọc Hoàng Thượng-Đế.

Thế nên người TU là tự mình tập làm chủ lấy mình, nghĩa là đặt vị-trí chữ Vương cho đúng chỗ.

Bởi trong chữ **Vương** 王 có tàng ẩn chữ **ngọc** 玉 nếu một cái chấm của nét **chủ** 丶 ấy xuất ra ngoài thì thành chữ **chúa** 主 nhập vào trong thành ra chữ Vương. Có câu: **“Ngọc tàng nhứt điểm, xuất vi chúa nhập vi vương”**

玉藏一點出為主入為王



Tại sao người phải tu đạt cho được cái “tâm Điền” ấy? – Đó là lý cơ vì sao phải tu-hành. Tu-hành chính là phương-pháp sửa đổi tâm-tánh để mình làm CHỦ được chính mình; khi đã tự mình làm chủ được mình rồi thì

cũng làm chủ được vũ-trụ.

Do vậy mà Đức Hộ-Pháp khi nhận trách nhiệm tức là Đức Thượng-Đế đã giao cho sứ mệnh mở Đạo Trời, mà mỗi Đạo này có “*Bí-quyết đặc Đạo*” là Thờ chữ CHỦ. Lại nữa Ngài là một vị Giáo Chủ hữu hình, tức là thay mặt Chí-Tôn và Phật Mẫu mà lo cơ Chuyển Thế và Cứu Thế trong buổi Đại-Đạo này.

Trên là Bát-Quái Đồ Thiên hay còn gọi là Bát-Quái Cao-Đài. Hình vuông trong Bát-quái giới hạn bởi các Cung: Càn, Khôn, Tốn, Cấn chia làm 4 ô vuông. Trên góc cạnh của mỗi đường thẳng đi qua có biểu tượng một con số Bát-quái. Tương ứng với mỗi Cung là:

1 Khảm, 2 Khôn, 3 Chấn, 4 Tốn, 5 trung ương, 6 Càn, 7 Đoài, 8 Cấn, 9 Ly. Các con số này hợp thành một con số rất đặc biệt gọi là Ma-phương-số

Ghi nhớ các con số trong “*Chữ Điền*” của Bát-Quái bằng bài thơ sau đây:

Tứ hải **Tam** sơn hội **Bát** Tiên.

Cửu Long **Ngũ** hổ **Nhứt** đoàn viên.

Nhị tướng **Thất** trì phò **lục** quốc

Đây là chữ Điền trong Bát Quái Đồ Thiên chứa đựng cả một triết thuyết cao siêu của Đại-Đạo mà Giáo lý Cao-Đài các Đấng Thiêng Liêng đã phô diễn dưới nhiều hình thức, mục đích là mở cái tâm con người đến chỗ tận thiện, tận mỹ, toàn năng, toàn tri là vậy.

13- GIẢI 解

Trong 64 Quẻ kép thì Quẻ Giải ䷧ đứng vào số 40. Đọc là quẻ **Lôi Thủy Giải**.

Khảm ䷜ hạ là nội Khảm, Chấn ䷲ thượng là ngoại Chấn. Chấn là *Lôi*, Khảm là *Thủy*, nên tên quẻ đặt là Lôi Thủy Giải.

Ý sắp đặt thứ tự quẻ: Sau quẻ Kiến tiếp lấy quẻ Giải là nghĩa làm sao?

– Qua rồi là thời Kiến. Kiến nghĩa là nạn, là khó, các vật không thể khó khăn đến cùng, cho nên tiếp đến quẻ Giải. Giải có nghĩa là hoãn vậy. Giải hoãn 解緩也. Giải là chậm, vì trên có Chấn ䷲ dưới có Khảm ䷜ tức là trong nguy hiểm mà ngoài động, cho nên phải huy động để giải lần lần từ trong ra ngoài mới được hanh thông.

Phân tích chữ **Giải** 解 thấy có 3 phần: bên trái là chữ **Giác** 角 là cái sừng. Bên phải là chữ **dao** 刀 ở trên, là con dao, chữ **ngưu** 牛 dưới (ngưu là trâu). Tức nhiên muốn giải quyết cái sừng ra khỏi đầu con trâu thì phải dùng con dao mà mổ lấy ra. Trong cách mổ như vậy gọi là giải-phẫu. Cách phẫu thuật phải cẩn thận, kỹ lưỡng, không vội-vã, không hấp tấp thì sẽ thành công.

Theo lý mà nói: Sấm động bên ngoài, hãm hiểm bên trong, có nghĩa là động ở ngoài sự hiểm, tức là đã thoát được hiểm nguy vậy, nên mới đặt tên cho quẻ là Lôi Thủy Giải.

Theo tượng quẻ mà nói: Chấn trên tượng là sấm, là động. Khảm dưới có nghĩa là hãm, là hiểm nguy. Chấn vi lôi, Khảm vi thủy là hiện tượng có sấm chớp mưa rào để làm tan đi: Giải sự nóng bức của những ngày vào Hạ,

nên đặt tên quẻ là Lôi Thủy Giải. Giải còn có nghĩa là làm cho tan đi vậy, như giải tán, giải ách, giải bệnh, giải thoát...

Từ đó suy ra thì cách giải quyết nào cũng phải đủ ba yếu tố: Thiên thời, Địa lợi, Nhân hoà là vậy

Thiên-địa giải nhi lôi vũ tác: Thời Giải rất lớn lao, ví như trời đất. Giải của Trời đất là mưa sấm đến.

Chữ thiên địa ở đây là chỉ về khí âm dương. Khí âm dương còn u-uất, thì vạn-vật khó phát sinh. Khí âm dương gặp nhau là cơ hội giải tán cái nổi u-uất đó.

Lôi 雷 là sấm thuộc bộ Vũ 雨 là mưa và dưới là chữ Điền 田 (ruộng). Tức nhiên khi có hiện tượng mưa thì sấm vang rền, mưa trút nước xuống tưới lên ruộng đồng.

Sấm và mưa cùng trong một lúc bùng loé ra, mưa sấm đã đồng thời tác dụng mà lúc bấy giờ cây cỏ cho đến trâm thú hoa quả, thấy đều nứt mầm, phát triển.

Xem thế thì:

- ▣ Sấm sét là khởi điểm của sự việc.
- ▣ Mưa gió là sự kiện, là điều tất yếu.
- ▣ Kết quả là GIẢI cái nóng bức trong lòng vũ trụ, là làm cho người và vạn vật được thoải mái.

Vậy: Mưa là giải quyết sự ngột ngạt của cái nóng bức như thiêu như đốt trên mặt đất.

Nhưng ngoài ra mưa để làm gì? Có ích lợi gì?

– Nhờ mưa mà vạn vật được đâm chồi, nảy lộc. nước mưa thấm vào lòng đất tạo thành dòng nước ngầm như để dự trữ dài lâu. Rồi sau đó dưới sức nóng mặt trời, nước mưa còn bốc hơi thành mây băng lảng bay khắp cùng Vũ trụ để dự trữ cho những cơn mưa sắp tới.

Lý tính về mây mưa, tiên nhân có nói:

“Âm-tính là ngưng tụ, Dương-tính là phát tán. Khi âm tụ thì Dươngắt phải tán, nhờ có cái thể quân bình mới thành. Khi Dươngtán thì làm luy đến Âm, hai khí giữ chặt nhau thành mưa rơi xuống. Khí Âm làm cho khí dương đặc chí, bấy giờ Dương-khí sẽ bay bổng lên thành mây. Thế cho nên nói rằng mây ban bố rộng ra từ Thái hư, đó là âm khí bị gió đuổi, thu liễm, tụ lại tức là chưa tán vậy. Phàm khi Âm-khí ngưng tụ, dương-khí bị bao vây ở giữa không ra được, do đó phấn khích mà nổ ra thành sấm sét (gọi là lôi đình). Khi Âm-khí ngưng tụ, Dương-khí ở ngoài không vào được cho nên sẽ quay quanh Âm-khí không ngừng thành ra gió.

Khi Âm-khí hòa mà tán, thì sẽ thành sương tuyết, mưa móc. Khi Âm Dương bất hòa mà tán thì sẽ thành khí độc tràn lan. Âm khí thường mà tán ra chậm sẽ giao hợp với Dương khí và mưa gió sẽ điều hòa, nóng lạnh được chính”.

14- HIẾU 孝

HIẾU 孝 hợp bởi trên là **Thổ 土** nghĩa là đất, thuộc cung **Khôn ䷁** tức nhiên chỉ sự bao dung, đầm ấm của tình mẹ lo cho con. Dưới là chữ **Tử 子** là con trẻ, tức nhiên phận làm con phải nghĩ đến công dưỡng dục cù lao, bú mớm nâng niu của Mẹ mà người con hiếu phải lo báo đáp.

Chín chữ Cù lao là gì? (Cù: siêng năng, nhọc nhằn; Lao: khó, mỏi). Ý nói cha mẹ suốt đời đã chịu thương chịu khó để nuôi dưỡng chăm-chút con cái từ khi còn là trứng nước đến khi con khôn lớn trưởng thành, nhưng chưa phải như vậy là đủ, mà “Con một lớn mẹ thêm một khổ” cho nên thời gian lo-lắng cho con cái hầu như vô cùng tận và điểm sau cuối là cho con đến khi cha mẹ nhắm

mắt lìa đời, cho nên tiền nhân dùng câu “*chín chữ củ lao*” để nói lên cái tình cao khiết ấy. Đạo Nho nói “*Cửu tự củ lao*” đều cùng một nghĩa, tức nhiên cha mẹ đã dày công lo-lắng cho con cái qua chín nỗi nhọc nhằn:

1. **SINH:** Mang nặng đẻ đau, chín tháng cưu mang.
2. **CÚC:** Nâng đỡ, nuôi nấng, ba năm bú mớm. Nói chung là “*Thập nguyệt hoài thai, tam niên nhũ bộ*”
3. **PHỤ:** Vuốt ve, có nghĩa bằng tất cả tâm tình triu mến, chứ không nuôi như nuôi con vật, gia súc gia cầm.
4. **XÚC:** Cho bú có nghĩa là nuôi con bằng cả tâm huyết, chuyên cả sự sống của mình cho con.
5. **TRƯỞNG:** Nuôi con nhìn từng ngày, từng giờ, không một phút giây nào xa rời con trong tâm tưởng và chuẩn bị một nôi tình thương đầy hạnh phúc.
6. **DẠC:** Dạy-dỗ, tất nhiên nuôi con bằng cả trái tim yêu ái còn phải dạy-dỗ cho nên người, những mong “*Con hơn cha là nhà có phúc*”.
7. **CỐ:** Trông nom, dẫu con có lớn đến tuổi nào, trong tâm tưởng lúc nào mẹ cũng nghĩ đến từng bước con đi.
8. **PHỤC:** Săn sóc dạy bảo. Khi con đã nên bề gia thất cha mẹ vẫn không rời trách nhiệm nhắc nhở đạo đức: “*Làm trai cho đáng nên trai. Xuống Đông Đông tính lên Đoài Đoài yên*” Với con gái thì Bà Đoàn nhắc rằng:

*Dụng văn hoá trau-tria Nữ-phách,
Lấy Kinh-luân thúc thách quân hồng
Gươm thư giúp sức gươm hùng,*

Điểm tô nghiệp cả con Rồng cháu Tiên.

■ *(Nữ Trung tông phận – Câu 1- 4)*

9. **PHÚC:** Bảo-vệ. Lòng cha mẹ luôn luôn nghĩ đến con lúc nghèo giàu, sang hèn, vinh nhục, lúc nào cũng phải là một cố vấn cho con và sẵn sàng giúp đỡ an ủi.

Trong Kinh Thi có câu:

“Ai ai phụ mẫu, sinh ngã cù lao”

Kim-Vân-Kiều cũng có câu:

“Duyên hội ngộ đức cù-lao,

“Bên tình bên hiếu bên nào nặng hơn?”

Luận Đạo:

Tại sao chỉ nói đến chín chữ cù lao mà không nói đến một số khác?

Nhắc lại nguyên lý:

Số 9 là cơ huyền-diệu nhiệm mầu. Huyền-diệu hơn hết là số đó. Nó là cơ chuyển biến đến mức độ tận thiện tận mỹ, toàn năng, toàn tri.

Nó là 1 + 8 tức là cơ vận-hành trong trạng-thái tĩnh được lý Thái-cực thúc đẩy thêm cho nên năng-tri sáng suốt. Nó cũng là 3+6. 3 và 6 là hai lý nhiệm-mầu và đều ở trong trạng-thái động.

Nó cũng có nghĩa là 3x3 hay 3 bình-phương là cấp bậc tam ngôi biến-hóa, vận-hành suốt thông trời đất. Đến số 9 là đến chỗ tốt cùng vận-động để hiệp về cơ qui nhút. Phép toán học thử đến 9 rồi trở về 0 là vậy. Cùng cực cái động tức trở về trạng-thái tịnh nguyên-thủy.

Tại sao có Hiếu? Bởi các chơn hồn sáng suốt cao siêu đã có sẵn hai điều Hiếu:

- ▣ Hiếu với Đấng Tạo-đoan của Chơn-linh.
- ▣ Hiếu với Đấng Tạo-đoan của Chơn-thần.

Bởi có Hiếu trước với hai Đấng ấy, biết trọng hai quyền năng Tạo-hóa Chơn linh và Chơn-thần thì tự nhiên phải biết nhìn Đấng Tạo-hóa hình hài của mình đồng thể chớ. Tâm hiếu tự nhiên mà xuất hiện vì nó có sẵn, mà hễ có sẵn tâm hiếu tức nhiên phải là Chơn-linh cao trọng thấu đáo được nguyên do đâu mình đến và là con của ai?

Đã hiếu rằng mình có hiếu với Đấng tạo sanh Chơn linh và Chơn thần như thế nào rồi, thì đến Hiếu với Đấng tạo sanh hình hài đã sẵn có rồi vậy. Nên, hiếu không thể dạy được: hoặc có hiếu, hoặc không có hiếu mà thôi.

15- HÒA 和

Chữ **Hòa** 和 là thuận-thảo gồm có hai phần:

– Bên trái của chữ, có chữ **Hoà** 禾 là cây lúa (lúa là nguồn sống để nuôi sống thể hài, là vật-chất; tức nhiên người cũng như vật “phải uống ăn nuôi sống thân phàm”

– Bên phải là chữ **khẩu** 口 là cái miệng (miệng để ăn uống, đồng thời cũng là cơ-quan phát ra tư-tưởng, lời nói, là tượng-trưng tinh-thần. Miệng là cơ-quan để lập ngôn đó vậy).

Bài Diển-văn của Đức Hộ-Pháp có giải rõ:

“Phép của Trời có một, là thương khắp cả chúng sanh, nên định cho phẩm-vị hữu-hình và thiêng-liêng có một, nghĩa là phải tương đắc cùng nhau, đặt định quyết phép

công-bình lành thắng, dữ đọa.

“Mấy tạo bởi Chữ HÒA mà có, thì thể-giới Càn khôn cũng phải HÒA mới toàn-hảo, nhơn-loại cũng phải HÒA mới trường tồn, chẳng khác nào như xác thịt phải HÒA-THUẬN cùng linh-hồn mới mong đoạt Đạo.

“Lấy lớn mà định nhỏ, xem nhỏ mà tìm lớn, thì hải này nhờ HÒA-KHÍ mà thành hình, thì linh-hồn cũng phải tùng theo phép âm dương HÒA-HIỆP mới qui hồi cự bốn; linh-hồn bởi chữ HÒA-KHÍ mới có đến, thì tức nhiên phải nương theo HÒA-KHÍ mới có về.

“Tuy pháp bữu của các Tôn-giáo đã đoạt đặng văn nhiều, chớ cơ mẫu-nhiệm chỉ có CHỮ HÒA là đủ:

“Thân thể cho mạnh-mẽ tinh-vi, đừng để sa-dà vào lục-dục thì là thuận cùng trí-lự khôn-ngoan.

“Khí-lực cho cường-thạnh thanh-bai, đừng để đến đôi mê-muội bởi thất tình, thì trí-lự khôn-ngoan thuận theo linh-tâm mà nảy-nở.

“Linh-tâm phải định-tĩnh từ-hòa, đừng để đến đôi mờ-ám bởi tội-tình, thì thuận với lòng Trời, hiển-linh tại thể đặng đoạt phép huyền-vi:

- ▣ Thân là TINH
- ▣ Lực là KHÍ
- ▣ Trí là THẦN

“Nói rõ ra thì TINH là thân thể; KHÍ là diễn lực, nghĩa là trí-lự; THẦN là linh hồn; ba cái BÁU của mình ngày nào tương-đắc, nghĩa là HÒA-HIỆP cùng nhau, thì người mới mong đắc Đạo.

Cơ Đạo của Chí-Tôn đến lập buổi hạ ngươn Tam Kỳ

Phổ-độ này duy lấy một CHỮ HÒA làm tôn-chỉ.

“Có HÒA mới có HIỆP, có HIỆP mới có THUƠNG, mà sự THUƠNG-YÊU là chìa khóa mở cửa Tam thập lục thiên, Cực-lạc thế-giới và Bạch-Ngọc-Kinh y như lời Chí-Tôn đã dạy, chỉ nghĩa là phải Từ-bi Bác-ái mới đắc Đạo vô-vi, phải HÒA-HIỆP mới có CƠ QUI NHỨT.

“Chí-Tôn đã định khai Đạo đặng thị chứng cho các Tôn-giáo biết nhìn nhau trong đường hành thiện, trừ tuyệt hại tranh đấu thù hiềm, làm cho thế-giới đặng HÒA-BÌNH thoát cơ tự diệt.

“Thế Đạo của Chí-Tôn cũng phải nương theo CHỮ HÒA mới toan thành lập, Chí-Tôn định thành Hội-Thánh, đặng thay thế hình ảnh của Người, thì cũng từng theo phép tạo-hóa cá-nhân mà gây nên ảnh tượng:

- ▣ *Cửu-Trùng-Đài là thi hài ấy là TINH*
- ▣ *Hiệp-Thiên-Đài là Chơn-thần ấy là KHÍ*
- ▣ *Bát-Quái-Đài là Linh-hồn ấy là THẦN*

“Nếu cả BA mà không tương-hiệp, thì khó mong thành Đạo cho đặng.

“Nếu có một quyền hành nào tại thế này mà làm cho thân thể Chí-Tôn phải chia phui manh-mún, thì là Đạo Ta là giả Đạo, tất nó phải bị tiêu-diệt trong một lúc ngắn ngủi chi đây.

“Còn như quả là Chí-Tôn vì thương-yêu con cái của Người, chính mình đến lập Đạo đặng giải thoát cho chúng-sanh, thì những mưu chước của tà-quyền ngăn cản bước Đạo của Thầy khó mong nghịch mạng với Chí-Tôn, ắt là không mong bền vững” (PCT/ 67)

Lời Thầy vẫn luôn thân thiết rằng:

“Thầy vui muốn cho các con thuận-hòa cùng nhau hoài, ấy là lễ hiền cho Thầy rất nên trân-trọng. Phải chung lo cho danh Đạo Thầy. Đạo Thầy tức là các con, các con tức là Thầy, phải làm cho nhau đừng thể lực, đừng ganh-gỗ nghe! Các con giữ phận làm tùy ý Thầy muốn, ngày kia sẽ rõ thấu ý muốn của Thầy”

16- HIẾU 孝 – TÌNH 情

Làm một kiếp con người trong cuộc thế này có hai món nợ vừa khó đền trả cho đồng cân, mà cũng vừa mâu thuẫn nhau, rất khó liệu cho vẹn toàn.

– Một là giữ câu hiếu thảo với cha mẹ.

– Hai là trọn nghĩa vợ tình chồng

TÌNH 情 là một sự cảm mến thân thiết nhau. Nếu kể sự dài và lâu phải nói đến tình cảm vợ chồng. Chữ này hợp bởi bộ **Tâm** 忄 là tấm lòng với chữ **Tinh** 青 là cái tinh túy, tốt lành. Hai món nợ này khó đi đôi choặng. Là một vấn đề khó giải quyết xưa nay. Hãy nghe:

“Thất-Nương Diêu-Trì-Cung là vì HIẾU khi hay cha mẹ mắc tội nơi Phong-đô, liền bỏ Cung Diêu-Trì xuống đó để độ rồi nên bị Thiên-đình bắt tội. Đã hai kiếp sanh khổ vì Tình, vì Hiếu, sau khi Thất-Nương được đặc ân của Ngọc-Hư-Cung xá tội liền tình-nguyện đến Âm quang để độ rồi các Chơn-linh thất thế đặng trả nghĩa cho Thầy. Trước khi đi làm nhiệm vụ, trong một kỳ đàn, Thất Nương Diêu trì-Cung có đến từ-giã và để lời than với Đức Hộ-Pháp và gặp-gỡ một vài Chúc-Sắc Hiệp-Thiên-Đài.

Bài thi ấy như vậy:

*Hai kiếp đeo đai mối nợ tình,
Cái thân vì khổ bận cho thân.
Niềm duyên đổ ngọc lan phòng nguyệt.
Nỗi Hiếu rơi châu tước mộ phần.
Giữ Đạo mong chờ ngôi độc tịch.
Bán mình quyết cứu độ song thân,
Nước non càng ngắm càng thêm chạnh.
Chạnh lắm khi mang mảnh xác trần*

Ngài Cao-Đức-Trọng khi tả lại cuộc đời của Đấng Nữ-Tiên có nói rằng:

“Bản Tể tả cảnh khổ trên đây để các bạn nhập tâm ghi nhớ. Thất-Nương là vị Phật thứ bảy trong hàng Cửu vị Nữ-Phật còn tránh không khỏi khổ. Đó là bài học của tâm-hồn trí não. Nếu tránh được khổ thì trên con đường lập công chúng ta rất may duyên sẽ gặp đấng Đức Chí-Tôn, mà Người trông ngóng hằng ngày.

Cái hạnh-phúc nơi cõi tạm này không chi bền-bĩ, thấy đó liền mất đó. Cái kiếp sanh của con người trong ba vạn sáu ngàn ngày nghĩa là một trăm năm, ngày giờ này thử xem ai sống được tới chừng đó.

Trong thời-kỳ loạn-lạc này, năm tuổi cũng một kiếp, mấy mươi tuổi cũng một kiếp. Ba vạn sáu ngàn ngày đã mất giá-trị rất nhiều mà con đường thẳng khổ lại vẫn không bờ bến. Nay được may duyên núp dưới bóng Từ-bi, chúng ta hãy tìm hạnh-phúc thật, là cái hạnh-phúc về mặt thiêng-liêng, muốn đặng vậy cả Chúc-sắc Thiên-phong mỗi người tùy theo phẩm-vị mình phải lo cho tròn bốn phận khi lìa khỏi xác, mới mong qua khỏi Thất thập nhị địa và Tam thiên thế giới. Chúng ta nên lấy đó làm quý trọng và nên

nhìn hạnh-phúc cõi trần toàn là hạnh phúc giả. Ai đã đau khổ tâm hồn? Ai đã chua cay tình thế? Ai đã từng đổ giọt lệ đắng tự an-ủi lấy cõi lòng tan-nát đều dư hiểu lời của Bản-Tăng nói, nên Bát-Nương có nói:

“Muốn tìm hạnh-phúc thật phải lướt khỏi khổ, tìm đến Chí-Tôn mới mong trọn vẹn”

17- HỌC 學

Phân tích chữ **HỌC** 學 thấy có hai phần: phần trên là hình ảnh người Thầy hai tay cầm roi đứng dưới mái nhà đang dạy trẻ, phía dưới là chữ **tử** 子. Điều này chứng tỏ sự giáo huấn ngày xưa rất nghiêm khắc.

Nay nói về việc học Đạo:

Đức Phật Quan-Thế-Âm Bồ-Tát giảng dạy rằng:

“Thiếp xin hỏi Chư Hiền-hữu: – Các bậc Tu-hành muốnặng thành Đạo phải làm thế nào?”

Bạch:

– Trước phải lo trau-giồi đức tánh và biết sửa mình.

Đầu tiên muốn sửa mình thì phải học hỏi, phải không?

Học hỏi đặng dụng vào đâu?

Cho mình hiểu Đạo trước rồi dìu-dắt chúng-sanh sau; thì ắt phải kiên chí, nhẫn-nhịn mới mong đoạt kiến thức; có kiến-thức thì mới bác-lãm, mới có tư-tưởng cao sâu; hễ có tư-tưởng cao sâu mới mong đặng văn-chương quán thể. Hễ có văn-chương quán thể mới mong cảm hóa lòng người đặng, phải không?

– Phải!

– Thì phải lo lập nền móng trước chớ sao! Phải có trí-

thức tài-tình mới mong đoạt Đạo. Phải tài tình mới đủ lực-lượng diệt vô minh. Trong Đạo Thấy ngày nay, Thấy đã chọn những kẻ ấy để dìu-dắt chúng sanh qua khỏi mê tân, đảo bi-ngạn.

– Thiếp hỏi những kẻ ấy là ai há?

– Chính là Chu Hiền-hữu đó.

Vì các cô nên Thiếp mới đến ngày hôm nay mừng cho chu Hiền-hữu đó, nên có mấy lời thức tỉnh.

Xin Chu Hiền-hữu miễn chấp nghe!”

■ (Ngày 8-6-Giáp-Tuất 1934)

Bà Đoàn có dạy cho mỗi người một phương thức học rồi:

*Học cho thấu máy linh cơ Tạo,
Học cho toàn trí xảo văn minh,
Đem tài hay nhập nước mình,
Làm cho dân hưởng Thái bình giàu sang.*

18- HOẶC 或

Chữ này có hai phần: chữ hoặc 或 là thay đổi. Nếu ghép chữ hoặc này với bộ vi 匚 thành ra chữ Quốc 國 có nghĩa là đất nước này thay đổi thể chế luôn. Còn nếu đất nước có vua thật sự thì bên trong bộ vi có chữ vương.

Hào Tứ của Quẻ Càn có câu “*Hoặc được tại nguyên*” 或躍在淵 tức nhiên có thể nhảy trong vực. Được là nhảy, nhưng ở thế của Cửu Tứ Quẻ Kiến là thời kỳ tiến lên được, nhưng không nên vội tiến mà phải đợi đúng lúc, đúng thời tiến sẽ có lợi hơn.

Hào này đã rời khỏi hạ quái rồi, mà lên gần đến Cửu

Ngũ tức là gần ngôi Vua, dù thế nào cũng tiến mà thôi. Tóm lại người trí làm việc gì cũng biết tùy thời. Chữ **Biết** rất cần trong Đạo-học

Nếu thêm bộ tâm vào phía dưới thành ra chữ “**Hoặc** 惑 là một nghi-từ có nghĩa là nghi ngờ.

Thánh ngôn dạy về “**BIẾT**” như vậy để khỏi nghi hoặc nữa: phải **Biết** cho đến nơi đến chốn mới gọi là **Biết**:

*“Cơ lập Đạo là nhiệm-mẫu vô giá: **Biết** Đạo, **Biết** ta, **Biết** người, **Biết** thế, **Biết** thời, **Biết** vinh hư, **Biết** tôn vong ưu liệt rồi mới có **Biết** hổ mặt thẹn lòng, **Biết** sự thế là trò chơi, **Biết** tuồng đời là bể khổ, **Biết** thân nô lệ dẫn kiếp sống thừa, **Biết** nhục vinh mà dạy trở trên con đường tấn thoái. Có đâu đường đời còn giành xé, hại lẫn nhau, mong chiặng tâm Tiên nơi **Phật**.” (TN II/ 68)*

Có cả thầy 12 chữ **Biết**. **Biết** cho thấu lý là gần **Phật**, gần Trời đó vậy!

19- KIẾN 乾

QUÊ KIẾN SỐ 1 TƯỢNG NGÔI CHÍ-TÔN:

1-Ý-nghĩa:

Quẻ Bát thuần **Kiến** còn gọi Bát Thuần Càn. Trước khi nói đến quẻ Bát-thuần, xin định nghĩa và phân-tích chữ **KIẾN**. **Kiến** là kiện, tức là tráng kiện, mạnh mẽ, tính của Dương, là ngôi **Chí-Tôn**.

Chiết-tự chữ **Kiến** 乾 thấy có hai phần: phần bên trái có hai chữ thập (thập là mười) chữ **thập** 十 ở trên tượng-trưng “*thập phương chư Phật*” chữ **thập** dưới là “*Thập điện*

Diêm cung” giữa là chữ **nhật** 日 (nhật là Mặt Trời. Người đứng đầu là Anh Cả nhơn sanh là Thượng Trung-Nhật) chỉ không gian Vũ trụ mà vạn-loại đang sống. Phần bên phải là chữ **KHÍ** 气 (khí là sự sống, viết đủ nét là 氣 cũng gọi là khí sanh-quang. Nguồn sống của Trời đất.)

Như vậy Kiến có nghĩa là Trời, tức nhiên gồm các cõi vô hình cũng như hữu hình, nơi nào có khí sanh-quang của Thượng-Đế tức là có sự sống, mà sự sống tức là Đạo.

Nơi nào khiếm ánh linh quang của Thượng-đế ắt phải chịu u-ám, tối tăm, gọi là cõi Phong-Đô, Địa ngục.

Xưa Vua Phục-Hi là một nhà thông-minh huệ trí, ngẩng lên thì ngắm Thiên-văn, cúi xuống thì xét lý Âm Dương, chẵn lẻ, vì có đó mới vạch thành nét: Một nét liền tượng Dương — một nét đứt tượng Âm — (Đây cũng là do theo lý tính của người mà phân biệt Âm Dương, Nam Nữ). Chỉ một Âm, một Dương làm đầu mối cho muôn ngàn sự vật trong cõi đời này. Cả thế-giới hữu hình lẫn vô hình, chính hai ngôi này làm khởi thủy, như cha và mẹ trong gia-đình; vạn-vật là đực cái, trống mái.

Người dân-tộc Campuchia hay Chàm họ cũng biết đến hai ngôi này, họ cũng lấy vật Tổ để thờ gọi là Cái “*Linga*” tức là hình ảnh “*chày đặt lên cối*” cũng là hình ảnh Âm Dương, nhưng suy-nghĩ của họ còn nằm trong thời ấu-trĩ, tức là còn bán khai, chưa tiến-hoá.

Dịch-học gọi là Lưỡng-nghi (Lưỡng nghi tức là hai ngôi Âm Dương), cũng gọi là Kiến Khôn.

Hai ngôi tác-dụng lên nhau thì có biến-hoá. Sự biến-hoá ấy giống như một tế-bào cứ tăng gấp đôi lên: một sinh hai, hai sinh bốn, bốn sinh tám. Khoa-học gọi là theo luật

song tiến-số. Dịch-học gọi là Lưỡng-nghi sinh Tứ tượng, Tứ tượng biến Bát Quái; Bát-Quái biến hoá vô cùng mới thành ra Kiển-Khôn thể giải.

2-Thành lập nên quẻ Kiển ☲

Biến-hoá lần này là qua hai giai-đoạn: thêm âm, thêm dương lên ngôi Dương thành ra hai nét dương ☰ gọi là Thái-Dương số 1, lấy Dương làm gốc, cho một âm đặt lên dương nữa sẽ có dạng là ☲ gọi Thiếu-âm số 2.

Bấy giờ đến ngôi Âm biến-hoá cũng như trên, lấy âm làm gốc, thêm dương lên sẽ có một dương một âm ☴ gọi là Thiếu-Dương số 3, tiếp-tục thêm âm sẽ có hai âm ☶ gọi là Thái Âm số 4. Lưỡng-nghi sanh Tứ-tượng là lần biến-hoá ở giai đoạn này, tức nhiên hai nghi sinh được 4 tượng là *Thái dương số 1, Thiếu-âm số 2, Thiếu dương số 3, Thái-âm số 4*. Gọi là tượng, tức là tượng hình, mỗi **tượng chỉ có hai vạch** thôi.

Vạn-vật biến-hoá không ngừng, thế nên Tứ tượng cũng biến-hoá theo qui-tắc như trên. Tức nhiên lần này Tứ tượng biến Bát-Quái, gốc Tứ-tượng vẫn đặt ở dưới, Ví như:

Thái-dương qua hai lần thêm dương, thêm âm lên trên thành ra lần đầu có 3 nét dương tạo thành quẻ KIỂN☲ Kiển vi Thiên (Kiển là trời) là quẻ số 1.

Lần sau thêm lên nét âm thành quẻ ĐOÀI ☲ tức là có một Âm trên hai Dương. Đoài vi Trạch số 2. Trạch là hồ, đầm, ao...

Thiếu-Âm cũng qua hai lần thêm dương, thêm âm thành ra quẻ LY ☲ Số 3, Ly vi hoả (ly là lửa), tiếp theo là quẻ Chấn vi Lôi số 4, CHẤN ☳ là sấm.

Thiếu-Dương cũng qua hai lần biến sẽ có quẻ số 5 là **TỐN** ䷂ Tốn vi phong (Tốn là gió). Quẻ số 6 là **Khảm** vi thủy, **KHẨM** ䷜ (Thủy là nước).

Thái-Âm qua hai lần biến-hoá như trên, sẽ cho ra hai quẻ là **CẤN** ䷂ số 7 và **KHÔN** ䷁ số 8

Bát-quái đã thành hình, theo thứ-tự là: **Kiến** 1, **Đoài** 2, **Ly** 3, **Chấn** 4, **Tốn** 5, **Khảm** 6, **Cấn** 7, **Khôn** 8.

3- **Bát thuần** 八 純 là gì?

Bát là tám, thuần là tinh ròng, là không có pha trộn. Bát thuần ở đây là chỉ tám quẻ ròng một thứ kết hợp với nhau. Trong giai-đoạn này là chỉ bàn qua các quẻ kép mà thôi, tức nhiên do hai quẻ đơn cùng tên đặt chồng lên nhau. Như: **Kiến** đặt lên **Kiến** thành ra **Thuần-Kiến** ䷀

Tương tự là **Thuần-Đoài** ䷛ **Thuần-Ly** ䷝ **Thuần-Chấn** ䷲ **Thuần-Tốn** ䷌ **Thuần-Khảm** ䷜ **Thuần-Cấn** ䷂ **Thuần-Khôn** ䷁

Như vậy chỉ có 8 quẻ được gọi là Thuần nên chính nó có đủ đức tính của quẻ mà nó mang tên và danh gọi không đổi. Ngoài ra đối với các quẻ khác là sự hợp quẻ, cho nên tên gọi của nó là do nghĩa của hai quẻ kia mà thành. Thí-dụ:

Kiến vi *Thiên* đặt lên **Đoài** vi *Trạch* sẽ có một tên mới là **Thiên Trạch Lý** ䷗

4- **Nhận xét:**

Trong 8 quẻ đơn thì chỉ có **Kiến** là đứng đầu hết là số 1. Gọi là **Kiến** tam thiên tức nhiên là quẻ **Kiến** vi thiên, có 3 nét liền.

Nếu là quẻ kép thì nhân lên 8 lần thành ra 64 quẻ

(8 x 8) Bát-thuần Kiên vẫn đứng đầu là số 1.

Tính chất con số 1:

Số 1 là số đầu tiên sau số 0, tức là cái nguồn sanh hoạt trước nhất để biến vi hữu tướng. Số 1 chỉ về Thái-cực tức Dương, có tính cách chuyên nhất và cầm quyền vi chủ, chỉ cơ động, thái quá. Do lý Thái-cực sanh ra nên nó nhiệm-mầu hiện biến. Nó thuộc về ngôi Phật, chủ quyền cai trị và giáo-hoá vạn-linh.

Số 1 thuộc bản thể Hư-linh sản xuất nên có quyền thống trị Càn-khôn. Quyền vi chủ có 1 mới hoàn-toàn.

Số 1 tượng ngôi Đức Chí-Tôn Ngọc-Hoàng Thượng Đế Giáo-Chủ nền Đại-Đạo về phần vô-vi.

20-KHẢO 拷

Khảo 考 có nghĩa là thí nghiệm. Nhưng nếu có thêm bộ **thủ 扌** là cái tay nữa tác động vào là đánh tra, làm cho đau đớn, khổ sở. Là một sự thử thách lớn với người tu thường gọi là khảo thí, như câu:

*Khảo thí lọc lừa tường hắc bạch,
Chung tâm hiệp sức thoát cơn nguy.*

■ (Đức Nguyệt Tâm Chơn nhưn)

Sự **khảo Đạo 拷道** đó được Thất-Nương Diêu Trì Cung giải-thích khi được câu hỏi; Bà nói:

“Em tỏ sơ mỗi khi trong mình mấy anh có điều chi khác hoặc đau lạ kỳ hơn kẻ khác, xin mấy anh không nên phiền muộn, ấy là các Đấng chuyển đặng đa!”

“Sửa tâm luyện tánh, tẩy sạch phách hồn cho tinh chuyên, trong mấy điều sửa đó, phải chịu hành xác chút

định: ấy là phận sự của kẻ chỉ giáo; còn phải chịu cho vị Giám-khảo hỏi nữa nghe!

“Trong ban khảo hạch lại chia ra làm hai ban khác nhau:

– Một ban khảo thí tinh-thần, một ban khảo thí vật-chất.

Phải biết phân biệt, hai ban này có lộn Quĩ-Vương nữa đã, vì Đức Chí-Tôn cho lộn chúng nó (xin Cô giải nghĩa giùm khảo về tinh-thần và khảo về vật-chất)?

– Khảo về tinh-thần là làm cho trí não mờ-mệt, biếng nhác, hay quên, quao-quọ, bị kẻ khác sỉ-nhục tên tuổi mình.

– Khảo về xác thịt thì đau té, có khi phải chịu chúng dọi đầu, gia-đình lộn xộn xào-xáo chẳng yên. Đó là Em kể sơ qua, phải dễ đâu!

“Hữu duyên đặc ngộ, vô duyên muôn kiếp bất tương phùng”.

Biết Đạo-mẫu, dẫu nhà triệu phú muốn nài đổi cũng chẳng thèm; thanh thì bán, trước thì phú. Có phân cây mới tốt, mà phân vẫn là chất trước.

“Phép này dễ học hơn hết!

“Hễ mỗi lần xác phách muốn làm điều chi thì mấy anh tự hỏi coi điều này Ông Trời làm dạng chẳng?”

Bà Đoàn có thơ:

“Cây trăm thuốc bắc qua bến khổ,

“Hoa bốn mùa thơm chỗ nhộp nhơ”.

Nhưng đây là về cá nhân, ngày nay là ngày cuối của thời Hạ nguơn thì đến ngày lọc lừa của Thượng đế. Thánh giáo của Chúa nói rằng “Ngày phán xét cuối cùng” cũng

gọi là Đại khảo. **Thế nào là Đại khảo?**

(Đại là lớn, *khảo* là duyệt, là thử thách). Đại khảo là một cuộc thử thách nặng nề. Người Đạo mà thiếu đức tin, thiếu tinh thần đạo đức, không nắm vững giáo lý, giáo pháp của Đạo Thầy thì rất dễ bị lung lạc, sa ngã, rồi khủng khiếp hơn nữa là phá Đạo, hại Đạo, phản Đạo... làm mất danh thể Đạo. Nhưng Đại Khảo cũng là một sự thanh lọc Thánh Thể của Chí-Tôn: Thánh ra Thánh, phàm ra phàm không cho lẫn lộn. Mục đích để lập lại đời Minh đức, Tân Dân hầu nền Đại-Đạo mới phổ truyền ra khắp toàn cầu Thế giới như lời Thầy đã dạy:

“Nam Bắc cùng rời ra ngoại quốc.

“Chủ quyền Chơn Đạo một mình TA”

Sau đây là Thánh Giáo ngày 13-10-Đinh Mùi của Đức Lý Đại Tiên giảng dạy:

*“Cơ Đạo ngày nay sắp đến ngày quyết liệt, cả thầy Nam Nữ phải để tâm cho lắm. Cầu nguyện Thầy và các Đấng ban ơn lành cho mọi giữ vững đức tin trong kỳ **đại khảo** này: Chư Đạo Hữu phải giữ trai giới cho được 10 ngày đổ lên y như Tân Luật, thì mới mong sống sót. Trận đại họa này không riêng cho Thánh-Địa tại Việt-Nam Quốc mà chung cho cả địa cầu, Thảm! Thảm! Thảm!”*

Hạ Nguơn là Nguơn mặt kiếp, Nguơn điều tàn, phải hiểu lý Đạo ẩn tàng trong hai chữ Hạ Nguơn: Hạ là dưới thấp, sau cùng là chữ Hạ gồm ý nghĩa: Tệ, Suy, Tàn, Hoại, là diệt chủng đó. Hạ Nguơn là Nguơn tiêu diệt. Vậy chư Đạo Hữu cố tâm tìm hiểu những lời dạy dỗ tiên tri của Thầy và Lão cùng các Đấng đã giảng dạy từ ngày khai Đạo tới giờ, những lời tiên tri đó ngày giờ tới sẽ ứng hiện từ từ,

nạn tiêu diệt đã tới... Họa... Thảm! Cả Thế giới ngày nay còn trong vòng mê mịt, cả vinh hoa phù phiếm trong Đạo trở lại chuộng hư danh, lấy thế làm cứu cánh nên mới bày ra trò mị sanh chúng. Ôi! Tu thành hay không là nhờ tâm Đạo, chơn tâm, chơn tánh Thầy ban cho không lo trau-luyện, lại ham lợi chác quyền mền phẩm tước đến đôi làm nhẹ thế Thánh-danh Thầy, nạn cân đai áo mao, đời cũng như Đạo đang là trường mộng ảo gạt người xa lẫn cội phúc là cái nguơn thì chơn tâm.

Thầy hằng thương con đại mới mở Đạo Kỳ Ba mà vớt chúng sanh. Hại thay! Thảm thay! Đám sanh linh vẫn ngơ ngơ, ngạnh ngạnh, dám đem tên tuổi Đạo Thầy mà đổi chác lợi quyền. Họa, Họa! Thảm. Thảm... Ôi! Lão vì lòng Từ-bi giảng dạy khuyên răn đủ lẽ, mà chúng sanh vẫn còn mê muội, theo Đạo mà chẳng tâm lý Đạo, lại chuộng hư danh, nên Đạo Thầy mới ra nông nổi. Ngày giờ nhật thức, buổi Hạ nguơn cận kề cái chết, tâm thần mê mịt thì làm sao khai khiếu linh quang được mà mong sống sót. Ôi! Đời Đạo phải chịu nạn tai. Khổ! Khổ! Khổ! Nhơn sanh nào hay biết, cả một đám lũ nhố lao nhao, ham vui thích lạ, nào hay đâu họa sâu đeo đẳng bên lưng, bước Đạo đã ngập ngừng, cánh hồng toan trở bước. Đại khảo... Khảo... Khảo...

(THĂNG)

21- KHÍ 氣

Sự hanh Thái là tượng cho Khí Âm Dương giao hòa nhau trong trời đất làm cho vạn vật cùng hít thở.

Vậy Khí là gì?

Chữ khí 氣 thuộc bộ **mễ** 米 và âm **khí** 气, tức nhiên

đây là cách nấu gạo hay nếp gọi là mễ, đun lên cao độ cho nó bốc hơi thành khí. Trong cái kỹ-thuật nấu ấy người ta hứng lấy chất hơi ngưng đọng lại, cái KHÍ ấy gọi là Rượu dùng vào việc cúng kính, cũng là một trong ba bửu: Bông (Tinh), Rượu (Khí), Trà (Thần) dâng về Thiêng liêng là Tiên TỬu.

– KHÍ 氣 là nguyên-ủy của vạn-vật hữu hình.

Khí này đã bao trùm Vũ trụ ngay từ lúc còn trong trạng thái đầu tiên chưa động tĩnh: lớn nhất không gì ra ngoài nó gọi là đại nhất. Nhỏ nhất thì không nơi nào, vật nào mà vào được bên trong của nó, gọi là tiểu nhất.

Để mô tả cái Khí bao trùm vũ-trụ là cái khí đầu tiên tức là Nguyên-khí, từ đó sinh ra vạn-vật và con người đó là chí đại. Đến như chí tiểu thì trong mỗi vật dù là chỗ nhỏ đến đâu nó cũng chỉ là một dạng khí hoá, khí này gọi là Vô cực. Nó là cái làm cho “vật là vật” “người là người”. Từ đó người xưa đánh giá cấp bậc khí-hoá ở mỗi vật hay ở mỗi người.

Khí ở trên trời đến lúc sẽ thanh tịnh, quang minh, dầu rằng cái “Minh đức” vẫn luôn luôn ẩn tàng, nhưng lúc nào cũng “kiện vận bất tức” Nghĩa là đi mãi mà không ngừng nghỉ. Kinh nói: “Thời thừa lục Long. Du hành bất tức” là do đó.

Ôi! Thiên khí giáng xuống, địa khí thăng lên, tạo thành quả Địa-Thiên Thái, sự vận-hành và dụng sự của nó không bao giờ ngơi nghỉ cho nên không cần đợi đến lúc hạ xuống mới có. Ở đây người xưa muốn nói rằng Thiên-khí phân bố ở khắp nơi, hoá sanh vạn-vật; nhưng cái thể, cái vị của nó vẫn tôn quý cao thượng. Thiên-khí rất quang minh,

ban ngày nhờ nhật, ban đêm nhờ nguyệt đem lại nguồn sống cho muôn loài.

Phật-Mẫu ban sơ đến Hiệp-Thiên-Đài làm MẸ của chữ Khí tức là khí sanh vạn-vật.

*“Ngài lấy nguồn-pháp trong chữ KHÍ biến thành Càn Khôn vũ-trụ, chữ Khí tương-quan trong Hiệp-Thiên-Đài, nên Phật-Mẫu trước đến Hiệp-Thiên-Đài thuộc Pháp tức là Toà ngự của Người, rồi sau mới lập Cửu-Trùng-Đài. Người đến gọi mình là Bạn của chúng sanh, tự xưng Thiếp, đem Bí-mật từ thử chưa ai nghe đối với Chí Tôn thể nào, nói rõ không kiêng phép Ngọc-Hư, vì để tạo gia nghiệp cho con cái của Người, thì Người có quyền nói, không ai cản được nổi. Buổi nọ, Đức Phật-Mẫu nói: Ngày nào Bà Thân của Đức Thượng-Phẩm qui vị là ngày ấy thành Đạo: trước ngày Vía ấy Đức Phật-Mẫu giảng Đạo có dùng tiếng “MẸ” con xưng hô cùng ta tức là ngày thành Đạo nhằm Lễ Trung-Thu. Trước kia Đức Lý Giáo Tông không nói rõ nhưng chúng ta cũng hiểu là: **Cao-Đài đã thành QUỐC ĐẠO!**”*

Trong giây phút đây Cao-Đài đã được đưa vào Đạo-sử, toàn nhân sanh đều thấy Phật-Mẫu đến in ấn thiêng-liêng định thành nền Quốc Đạo của chúng ta vậy”

■ (Đức Hộ-Pháp thuyết 14-8 Đinh-Hợi)

22- KHỔ 苦

Khổ là sự đau đớn làm cho người sống trong thế gian này nhiều khi đến nỗi không chịu đựng được. Chính nghĩa ra khổ là đắng. Như *khổ qua* là mướp đắng.

Về lý Ngũ hành thì vị “*Khổ*” hay là vị đắng này là do lửa đốt cháy một vật thành than thì sinh vị đắng. Người

tu cũng vậy, muốn được thành công mỹ mãn thì phải chịu được một sức khảo thí của đời gọi là khổ. Chính cái ánh sáng minh triết có được từ một sức chịu khổ mà nên.

Có câu “*Thuốc đắng dã tật*” là vậy..

Phân tích chữ KHỔ 苦 thấy có hai phần: phần chính yếu là âm CỔ 古 là xưa, là một việc đã có từ lâu đời rồi mà miệng (khẩu 口) vẫn còn nhắc đến mười (thập 十) lần, tiếp diễn không dứt. Một bộ thảo 艸 là cỏ đặt ở bên trên, nghĩa chung chữ khổ là luật định của Vũ trụ không khác, tuy nhiên nếu người biết tu, tức là hoán cải cái khổ này cũng dễ như giọt sương trên ngọn cỏ mà thôi.

Đức Hộ-Pháp nói: Đức Chí-Tôn “Ngài đến bằng ơn-loại trong tay ru rằng: khỏi đau khổ tâm hồn của các con là tại các con đào-tạo chỗ không phải của Thầy, khổ là do quả kiếp mỗi đứa giục khổ cho nhau; muốn diệt khổ không gì khác hơn đập đổ các đẳng cấp tâm hồn, thống nhất ơn-loại, nhìn nhau là anh em đồng máu thịt, cùng một căn bốn cội nguồn hầu chia vui sót nhọc, biết tôn-ti nhau, kẻ trên không hiếp người dưới, không áp chế nhau; kẻ trí không hiếp ngu, hèn sang không phân biệt, mực thước tâm hồn, ơn-loại phải đồng phẩm giá, đồng quyền năng. Ngày giờ nào ơn-loại biết tôn trọng nhau, dầu sang hèn nhìn nhau là anh em cốt nhục, ngày ấy phương giải khổ không khó. Con nghe lời Thầy mà làm y như Thầy thì khổ ấy tự diệt. Nếu các con còn đau thảm thì dấm ngực nói: Khổ này do các con tạo, không phải do Thầy định tội đa nghe! Thầy đến chính đốn tâm lý loài người: tránh tranh đấu tiêu-diệt lẫn nhau thì không còn hỗn loạn với nhau, thì tức nhiên diệt khổ chỗ có chi đâu lạ “Cơ-quan giải khổ tâm hồn của Ngài là đó!”

Tuy nhiên, phương giải khổ về phần xác thịt cũng tối cần trong kiếp sống này đây:

“Chí-Tôn đến đặng hiệp con cái lại một nhà của Ngài, trong Thánh-ngôn Ngài còn quả-quyết đó. Ngài đến tạo ra Tân-Thế-giới làm cho nhơn-loại Đại-Đồng. Nếu sự tìm-tàng sắp xếp không đặng kết liễu thì Chí-Tôn sẽ thất hứa với con cái của Ngài mà chớ! Nhưng quả quyết rằng Ngài không bao giờ thất hứa, vì đã được 99 điều rồi Ngài đã thật hành vẹn hứa, không lẽ còn một điều nữa Ngài làm không đặng”

■ (TN I/81).

Đức Phật Thích-Ca đã tìm ra “Tứ Diệu Đế Khổ” nhưng chưa ai đánh đổ nó được. Thế nên con người sống đây là sống khổ. Một nhà thơ đã hóm hỉnh rằng:

Ba vạn sáu ngàn ngày là mấy?

Cảnh phù du xem thấy cũng nực cười.

Thôi công đâu chuốc lấy sự đời,

Tiêu-khiển một vài chung lếu lảo....

Nhưng “Tiêu-khiển một vài chung” để giải khổ không phải là thượng sách, trái lại biến chúng sanh thành hạ cấp thì hơn. Duy có Đại-Đạo ngày nay đánh đổ cái “TỨ KHỔ” này được:

Đức Hộ Pháp nói: “Giờ phút này người tu là đem thân làm nô lệ cho nhơn loại, rồi có vui sướng gì với kiếp sanh mà cần sống, giá trị cái sống của ta khác hẳn hơn thiên hạ tưởng tượng, mà tưởng tượng cái chết của ta là buổi nghỉ ngơi, buổi hết cực, cái chết ấy chẳng phải do mình, mà do nơi Đức Chí Tôn định là tới buổi Đức Chí Tôn nói các con đã làm xong phận sự Thầy cho con về. Giờ phút này chúng ta đương ở Đền Thánh của Ngài đây, đương phụng sự cho

Ngài đây, thì cái sống chết của chúng ta không còn giá trị gì đối với chúng ta nữa. Và trong Tứ Khố không còn giá trị gì đối với chúng ta nữa: Ấy vậy “**Tứ Diệu Đế**” tức nhiên bài học, bài thi, của đề mục khổ, duy có Đạo Cao Đài giải quyết nó, đánh mất nó, làm cho nó không còn giá trị chi nữa, tức nhiên chính mình và toàn cả con cái của Đức Chí Tôn hay tương lai Tôi nữa cũng vậy. Chúng ta trọn hiến thân làm Thánh Thể cho Ngài mà ta sống cho mình chứ không phải sống cho Ngài là không đúng; **sống không phải sống cho mình mà chính là sống cho Ngài vì chính mình đem trọn cái sống ấy dâng nạp cho Ngài, mà tưởng tượng ta khổ thì tức nhiên Đức Chí Tôn khổ còn gì.** Ông không có khổ, mà lại sống vinh diệu quá, ta lại gặp thời kỳ này may duyên gặp được một cảnh sống lạ thường, sống về Thánh chất, sống về Thiêng Liêng, sống về Càn Khôn Vũ Trụ, sống về Trời Đất, sống đường ấy mà gọi là khổ sao đặng!?

Ấy vậy Chơn Pháp thuộc về Thể Pháp của Thiên Đạo Cao Đài ngày nay có lẽ phù hợp với tinh thần hơn loại hơn các nền Tôn Giáo khác..”

23- LÊ 梨

1- Đoán tính tự (họ tên người):

Người mang quả Chấn có họ hoặc tên có chữ bộ mộc 木

– Đức Quyền Giáo-Tông **Lê-văn Trung** 梨文忠 họ Lê viết thành chữ Hán có dạng: 梨 tức nhiên cấu tạo bởi các phần sau: phía trên là Hòa 禾 (cây lúa) hợp với Dao 刀 và dưới là bộ MỘC 木 Quả nhiên họ Lê của Ngài có bộ mộc.

2- Đoán số mục:

Người mang quẻ Chấn có ảnh-hưởng các con số: 4, 8, 3.

– Quẻ Chấn số 3 là dương-số, lại là hướng cung Mão nên Chấn cũng là Càn; ba thành một, một mà ba. Vai trò này hết sức quan-trọng đứng vào Tam ngôi nhất thể. Số 3 cũng là Trời, “*thay mặt Thấy mà dạy-dỗ nhơn-sanh*” thế nên Giáo Tông là Anh Cả của nhơn-sanh.

Ngài hành-đạo vừa tròn 8 năm, không dư không thiếu một ngày. Phải chăng tất cả đều có quyền thiêng liêng đã đặt định trước. Tức nhiên:

– Ngày khai Đạo 15-10- Bính Dần (dl: 19-11-1926)

– Đức Ngài qui: 13-10- Giáp Tuất (dl: 19-11-1934)

Đức Hộ-Pháp làm bài Điều văn khốc Ngài có đoạn:

“Từ năm Bính-Dần (1926) là năm Đạo mở tại Nam Kỳ, đến nay Anh Cả chúng tôi là Lê-Văn-Trung, Đạo-tịch Thượng Trung Nhựt ra đảm nhiệm vai tướng rất lớn lao, quan hệ là Phổ độ diu dắt nhơn sanh vào đường Chánh giáo. Một mối Đạo rất cao thâm mầu nhiệm mà chính mình Đức Thượng-Đế đem gieo truyền trong nước nhỏ nhen như Việt-Nam ta đây, thiết tưởng sự khó-khăn chẳng nhỏ, mà Anh Cả chúng tôi trọn chịu 9^[1] năm trường, chẳng quản nhọc-nhăn, một tay chống vững Đạo thuyền, bền chí lướt qua khổ hải.”

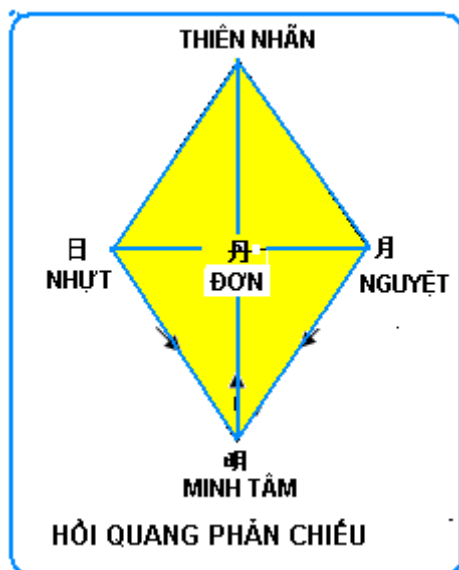
24- MINH 明 (8 NÉT)

Minh là sáng. Phân tích chữ Minh 明 thấy có hai phần: bên trái là chữ nhựt 日 cho ánh sáng ban ngày, bên phải là chữ nguyệt 月 cho ánh sáng ban đêm. Cả hai ánh sáng này gom lại là một nguồn sáng lớn

[1] 8 năm tròn, nhưng qua 9 cái mốc thời gian.

Cúng Tứ thời là luyện Thiên Nhân:

Phải trải qua các giai đoạn để được chứng ngộ:



* Khi ngồi Cúng đôi mắt hướng về Thiên-Nhân-Thầy. Mắt trái gọi là **nhật** 日 Mắt phải gọi là **nguyệt** 月 Mắt nhìn tâm động, nhận thức mọi vật nơi tâm, gọi là **minh tâm** 明 心 tức là hai ánh sáng qui về một điểm do sự hồi quang, luyện dần sẽ được điểm sáng hơn. **Minh** 明 là sáng đây gọi là “*Nhứt nguyên lương cực*” bởi vì trong chữ minh là một khối (nhứt nguyên) có hai phần âm dương (lưỡng cực). Ấy là chỉ con người đang sống trong thế giới Nhị nguyên, nghĩa là hễ có sướng thì có khổ, có vui tất có buồn. Chính vì lẽ đó mà con người phải tu để vượt lên trên sự sướng khổ, buồn vui ấy. Tuy nhiên Đức Hộ-Pháp cũng nói “*Vui cũng vui, buồn cũng buồn, nhưng đừng để nọc*”

vui buồn thấm vào chân tánh». Là có phần an nhiên tự tại.

* Khi ánh sáng phản chiếu lại ấy là giai đoạn kết **đơn** 丹 (đơn là điểm sáng màu hồng cũng gọi là Huệ nhãn, Tâm nhãn, Thần nhãn, Thánh nhãn) tùy theo trình độ tu tập. Chữ ĐƠN 丹 là do chữ nhật và nguyệt đặt chồng lên nhau đó là con mắt thứ ba chính là **Nhãn** 眼 đó vậy. Đây là điểm *Đơn nhứt Thái-cực*. Nghĩa là bấy giờ qui vào một điểm mà thôi.

Thế nên khi gọi là NHÃN thì chỉ có một. Do vậy mà Đạo Cao-Đài chỉ thờ một “*Con Mắt trái*” mà thôi. Mắt trái là Dương. Dương là chỉ ánh sáng tuyệt đối là Lương tri của con người.

Điểm Thái Cực này ở giữa hai chơn mày, do vậy mà người Ấn-Độ hay đánh một hột sáng hoặc điểm một chấm đỏ, giả làm con mắt thứ ba.

Cúng kiến thường là đạt được sự *minh tâm kiến tánh* hay là *hối quang phản chiếu* là đạt được sự sáng vậy.

Như thế hai con mắt đã biểu tượng bằng hai chữ nhật 日 nguyệt 月. Khi ngồi Cúng có ba trường hợp xảy ra:

1- Thứ nhứt: Nhật Nguyệt đặt liền nhau thành ra chữ **Minh** 明 minh là sáng. Nhìn vào cũng thấy rõ nhật là mặt trời, nguyệt là mặt trăng, tức là mỗi loại cho một thứ ánh sáng khác nhau, bây giờ ghép hai chữ liền với nhau thành chữ **Minh** 明 là sáng vô cùng. Đây là *luyện Tinh hoá Khí*.

2- Thứ nhì: Nếu chữ Nhật 日 đặt chồng lên chữ nguyệt 月 thành ra chữ **Dịch** 易 là sự biến hoá. Đây là cốt tuỷ Kinh Dịch. Dịch 易 là biến đổi. Giai đoạn này *luyện Khí Hóa Thần* tức là phần trung gian tạo nên sự

biến đổi cho hai giai đoạn 1 và 3. Có câu “*Lễ bái thường hành Tâm Đạo khởi*” là vậy.

3– **Thứ ba:** là Nhựt Nguyệt đặt chồng vào nhau sẽ thành chữ **Đơn** 丹. Chữ **Đơn** 丹 tức là *Đơn nhứt Thái-cực* là Tu đắc Đạo. Là *luyện Thân hườn hư*.

Nếu cứ mãi nhìn ra thì hoá ra vọng niệm. Nhưng đối với người tu thì chỉ hướng vào bên trong tâm hồn mà thực hiện câu Kinh Nhựt tụng:

“Làm người rõ thấu lý sâu,

“Sửa lòng trong sạch tụng cầu Thánh Kinh”

Thử hỏi cái lý sâu đó nó nằm nơi nào mà mong sửa lòng trong sạch? Tức nhiên ta phải biết quý trọng những gì mà Thượng-Đế ban cho, nghĩa là phải phát triển điểm Chơn linh hay là điểm Linh quang cho sáng suốt. Có thể, tức là không dám khinh thường cái Tâm, bởi khinh thường cái Tâm là tất nhiên khinh thường Trời. Nhưng Trời thì chẳng ai dám khinh hết. Bởi quyền năng của Trời là ban sự sống cho muôn loài, mà muôn loài luôn hướng về Trời để nhận sự sống ấy, là KHÍ; mà Khí tức là Đạo. Tức nhiên dù người hay vạn vật lúc nào cũng tìm Đạo là vậy.

Việc cúng kiến hằng ngày với mục đích là làm cho sáng đức tin, tức là sáng tỏ đức sáng của chính mình. Khi sáng tỏ được đức sáng thì tâm linh hoá nhiên khai ngộ.

Tại sao cũng là con mắt mà khi gọi Mục 目 khi gọi Nhãn 眼?

* **Mục** 目 là con mắt nhìn ra, cốt để thấy vật bên ngoài, khoa-học gọi đó là *cơ quan thị giác*. Mắt phải có hai mới thấy rõ sự vật. Gọi là lưỡng mục.

* **Nhãn** 眼 là mắt nhìn vào trong. Thường nói là con

mắt thứ ba. Trước hết chữ Nhân kết hợp bởi Mục 目 và Cấn 艮 là núi. Hình ảnh của Mắt khi nhìn ra bị núi chắn lại nên phải nhìn vào bên trong, tức là sự sáng bằng tâm linh còn gọi là con mắt thấu thị. Muốn có được con mắt thứ ba phải luyện, tức là hình thức cúng Tứ Thời, đó là luyện Tinh–Khí–Thần; mà trước nhất là luyện Thiên–Nhân (như các nhà thôi miên vậy). Nhờ cúng Tứ Thời thường nhật nên được phát huệ đó là cách thức luyện đơn của các Tiên gia qua hình ảnh trên đây của người Đạo Cao-Đài:

Ý nghĩa việc luyện: chữ Minh 明 ở đây nghĩa là nhật nguyệt hiệp lại mới có sự sáng, gọi là “*nhật nguyệt hiệp đồng minh*”. Nhật nguyệt chính là tâm và thận ở nơi ta, tâm là Ly ☲ người tu Tiên gọi là “*bổng*”, thận là Khảm ☵ gọi là “*diên*”. Khảm-Ly cũng là “*huyền tấn tổng trì môn*”, nếu hai thể được dung hòa ký hợp thì trí huệ tự khai.

Con người khi Khảm (thận) và Ly (tâm) giao hòa thì sống, phân tán thì chết “*Khảm Ly giao tắc sanh, phân tắc tử*”. Còn “*huyền tấn*” ở đây là âm dương, nhật nguyệt có hợp mới được sáng “*đắc kỳ minh*”. Muốn minh phải dùng phép tự quang khai Thiên nhân. Đây là phương pháp Cúng kiếng hằng ngày qua Tứ thời nhật tụng, mà ngày nay Đạo Cao Đài đã áp dụng đó là một pháp tu Tiên:

“Phép Tiên Đạo tu chơn dưỡng tánh”

Khi hai con mắt duy nhất chú vào một điểm Thần quang (Thiên Nhân Thấy) thì chơn khí không còn phóng tán. Khi Thần được yên thì vọng thức khó sanh. Phép tự quang là bước đầu của cơ sở để hồi quang phản chiếu vào trung huỳnh đặt nhãn tạng vào đấy thì hai khí: tâm thận

triều viên, Khảm Ly giao hội, thủy hỏa ký tế, long hổ qui triều. Khi mà nhật nguyệt hiệp thành Minh thì khí Trung hòa huân kết thành Đơn (đơn). Đơn ở đây là thể hỗn nhất hỗn dung không còn thấy được hình dáng của nhật nguyệt, đó là minh đức, minh linh, đạt đặc diệu lý vậy..

Chữ **Minh** 明 ở đây là một bí quyết tối thượng, là chìa khóa mấu nhiệm mở cửa bí mật cho nguyên căn, sớm đăng nhập Thánh siêu phàm, tạo Tiên tác Phật. Muốn được trường sanh, muốn thoát khỏi luân hồi sanh tử, đoạn dứt vòng xiềng xích nhân duyên, cần phải tìm lại nguồn đầu, nguyên căn sinh ra trời đất vạn vật, nhận lại bản lai diện mục của chính mình, nghĩa là tìm ra manh mối và phản dẫn về nguồn cội nguyên sơ để bảo toàn tánh mạng. Nguyên sơ là lúc chưa có Trời Đất, Vũ trụ này chỉ là một khí hư không, ngưng kết thành một khối hỗn nhiên, cực huyền, cực diệu. Khí ấy trong Vô cực hiện ra Thái cực. Kinh rằng “*Đại La Thiên đế. Thái Cực Thánh Hoàng*”

Trong nền Đại-Đạo, Sự cúng kính đặt hàng đầu tức nhiên hướng tinh-thần theo Thể-pháp của Thiên Đạo.

25- NIỆM 念

Niệm là nhớ, tưởng đến. **Niệm** 念 hợp bởi chữ nhơn 人 và kế đến là nhị 二 sau cùng là bộ tâm 心 tức nhiên là bạn đồng sanh với nhau lòng ta luôn nghĩ đến gọi là niệm, nghĩa là thường nhắc nhớ hay tưởng nghĩ đến.

Về vấn đề tâm linh, tâm ta luôn gợi đến một Đấng cao cả đó là cha mẹ thiêng-liêng là Trời đất, bởi hai đấng này có đủ sức hộ trì ta, ban phước và tha tội cho ta, nên khi gặp điều khó-khăn ta nhớ ngay đến Đấng ấy, đó là sự cầu-nguyện hoặc là “*niệm danh Thầy*”. Câu niệm là:

“Nam-Mô Cao-Đài Tiên Ông Đại-Bồ-Tát Ma-Ha-Tát”

Thánh-ngôn Thầy dạy (TNII/107)

Thầy 1

Thành tâm niệm Phật 2

Tịnh, Tịnh, Tịnh, Tịnh, Tịnh, 3

Tịnh là vô nhất vật 4

Thành tâm hành Đạo 5

Một bài Cơ chính Thầy giảng dạy chỉ có năm câu thật đơn-giản. Ấy là một bài cơ ngắn nhứt trong các bài.

A-Giải-nghĩa:

Câu 1 là *Thầy* tức là Đức Chí-Tôn Ngọc-Hoàng Thượng Đế hay là Đại-Từ-Phụ (ngôi Thái cực).

Câu 2: Người tu thường phải niệm Phật một cách chân thành, để không bị phân tâm, cho khỏi vọng niệm. Tức là tạo một sự cảm-ứng với Đấng Huyền-linh. “*Thành tâm niệm Phật*” ngày nay là niệm danh Thầy: một là để được giải thoát. Hai là những tội lỗi tiền khiên đều được bôi xóa.

Câu 3: Năm chữ “**Tịnh**” cho thấy phương tu cần phải “*bế ngũ-quan*” tức là quên đi những việc phồn-tạp, mà năm giác-quan trong người lúc thanh-tĩnh nó hay phóng túng, phải có cách giữ nó lại. Muốn tu sửa thì nên nhớ, người đạo-đức phải biết:

- **Mắt** (là cơ-quan thị-giác) người tu không nên thấy những gì không cần phải thấy (chánh kiến)
- **Lưỡi** (là cơ-quan vị-giác) không ham món ngon vật lạ, nói điều lành để tránh khẩu-nghiệp (chánh ngữ)

- **Tai** (cơ-quan thính-giác) không nghe những gì người đạo-đức không cần phải nghe (chánh định).
- **Mũi** (cơ-quan khứu-giác) không đòi hỏi những mùi hương lạ (chánh tinh-tấn).
- **Tay** (cơ-quan xúc-giác) làm việc chân chính, nhất là nên tránh các nghiệp sát (chánh nghiệp).

Trong Bát-chánh-Đạo người tu-hành nên gát bỏ những gì có thể làm cho mất thì-giờ, đồng thời tập thói quen tốt, mục-đích hướng tới điều: Chân-Thiện-Mỹ.

Câu 4: giữ sự thanh-tĩnh đến mức độ cao, giống như mặt nước phẳng không sóng gợn, thì cõi lòng không xao xuyên, bấy giờ trí-huệ mới sáng suốt và thông-công được các cõi vô hình, đó là sự cảm-ứng với huyền linh. Dầu một Tôn-giáo nào hay một bậc chân tu nào, vẫn lấy tâm thanh-tĩnh làm đầu mối cho việc tu-hành.

Câu 5: khi đã thấu-hiểu được chơn-truyền đạo pháp phải đem ra để truyền-bá cho mọi người cùng thực-hành hầu dứt giai-đoạn thời-gian, thâm ngấn con đường đến Tây phương hơn. Có làm được như vậy là đã thực-hiện được ngũ-nguyên rồi:

B- Nghiệm về lý: con đường tu của Đạo Cao-Đài.

Xét câu Ngũ nguyên

– “*Nam-mô Nhứt nguyên Đại-Đạo hoàng-khai*”:
Tức nhiên người Tín-hữu Cao-Đài phải làm sao cho mỗi Đạo ngày càng phát-triển, bành trướng mạnh-mẽ thêm. Có câu “*Nhơn năng hoàng Đạo, phi Đạo hoàng nhân*”. Sự hoàng dương chánh-pháp là làm cho mọi người biết tu hành là để cùng hướng thiện và hướng thượng. Làm cho nhơn-sanh bớt khổ cùng sống vui trong đời giả tạm này.

– **“Nhị nguyện Phổ-độ chúng sanh”**: Lời tâm nguyện của người tu là muốn cho chúng sanh bớt điều nghiệt chướng, cầu mong cho nhân-loại giảm bớt đau thương vì chiến-tranh tàn-khốc. Sự đau thương chất cao như núi, nước mắt chúng-sanh nếu góp lại nhiều hơn bốn biển. Lời Phật Thích-Ca than như vậy. Ngày nay nhân-loại quá đau thương, xin cùng nhau nổi tình thương lớn. Nguyện thế giới sớm hiểu Đạo Trời để được sự cứu rỗi.

“Tam nguyện xá tội Đệ-tử”: Lời cầu: xin Thiên liêng xoá bỏ tội-tình kiếp trước hoặc do vô minh mà đã gây ra, hiện tại không gieo thêm nữa để khỏi gặt hái đau thương; đồng thời chính mình cũng bỏ lỗi của người khác, tức là quên đi những thù hận, ích-kỷ, nhỏ-nhen, cuộc đời ngắn ngủi này có nghĩa gì đâu!

“Tứ nguyện thiên-hạ Thái-bình”: Nếu thiên-hạ được thái-bình là toàn cầu được thái bình, nhà nhà đều hạnh-phúc, thay súng đồng, gươm máy bằng phi đạn tình thương để không còn thấy cảnh nhà tan, cửa nát, chết-chóc hằng ngày nữa. Máu và nước mắt chúng sanh thôi chảy.

“Ngũ nguyện Thánh-thất an-ninh”: Thánh-thất đây chính là cõi lòng của mỗi người được bình-an, vui-vẻ. Thể hiện trong cảnh sum-họp gia đình, loáng ra xã hội, thế giới đều được hạnh phúc trong cuộc đời tạm này. Có giữ được cõi lòng thanh tịnh như thế ấy tức là giữ được Ngũ-giới cấm vậy. Thế nên sự tu hành bất cứ hình-thức nào hay từng theo một Tôn giáo nào, bậc nào cũng phải có sự xét mình nghiêm túc như vậy. Chắc chắn không còn mật pháp nào hay hơn, vì đó là căn-bản của người tu. Quan-trọng nhất là câu nguyện thứ năm, vì nó đã đi vào cõi lòng của người rồi. Một khi khí tịnh, thần an thì

không còn nghĩ đến sự xung-đột nào cả, người người đều nắm chữ “nhân” trong tay thì lo chi thể giới không hòa bình, nhân sanh không an-lạc?

Sự tu-hành có giá-trị ở sự Xét mình vậy.

Thầy dạy: “Phải thường hỏi lấy mình khi đem mình vào lay Thầy buổi tối, coi phân-sự ngày ấy đã xong chưa, mà lương-tâm có điều chi cần rút chằng? Nếu phận còn nét chưa rồi, lương-tâm chưa dặng yên-tĩnh, thì phải biết cải quá, rán sức chuộc lấy lỗi đã làm, thì các con có lo chi chẳng bị bức Chí Thánh. Thầy mong rằng mỗi đứa đều lưu-ý đến sự sửa mình ấy, thì lấy làm may-mắn cho nền Đạo; rồi các con sẽ dặng thông-dong mà treo gương cho kẻ khác. Các con thương mến nhau, dịu-dắt nhau, chia vui sớt nhọc nhau, ấy là các con hiến cho Thầy một sự vui vẻ đó”. (TNI/97)

Con người có 5 giác-quan: đó là ngũ quan hữu tướng. Phải có tư-tưởng tốt, hay là ý-tưởng mới có thể dùng nó mà Xét mình được; chính đây là lục quan vô hình, còn gọi là giác-quan thứ sáu.

Đức Hộ-Pháp cũng dạy rồi: “Hôm nay là ngày mở cửa thiêng-liêng và đưa nơi tay các Đấng Nguyên-nhân ấy một quyền năng dặng tự giải thoát lấy mình, hai món Bí pháp ấy là:

1- Long-tu-phiến của Đức Cao Thượng-Phẩm

2- Kim Tiên của Bản-Đạo, hiệp với ba vòng vô vi tức nhiên diệu quang Tam giáo hay là hình trạng của Càn khôn Vũ-trụ, mà đó cũng là tượng ảnh Huệ-quang-khiếu của chúng ta đó vậy. Con người có ngũ-quan hữu tướng và lục quan vô hình, mà phải nhờ cây Kim-Tiên ấy mới có đủ quyền-hành mở lục-quan của mình dặng”

Mà Kim-Tiên là gì? Là tượng hình ảnh của điển lực điều-khiển Càn-khôn Vũ-trụ, mà chính đó là điển-lực, tức nhiên là sanh-lực của vạn-vật đó vậy. Với nó mới có thể mở đệ bát khiếu – Trong thân con người có thất khiếu và còn có một khiếu vô hình là Huệ-quang-khiếu – Vì nó là điển lực nên nó mở khiếu ấy mới được”.

Nói rõ ra cây Kim Tiên tức là cây roi Tiên có chín khúc (cửu khúc Kim Tiên). **Số 9 đây là nói đến Bát-Quái Tiên-Thiên.** Có 4 lần con số 9. Mà $4 \times 9 = 36$ tượng trưng 36 cõi Thiên-tào.

Thêm cây quạt của Đức Cao Thượng-Phẩm tức là Long-Tu-phiến, nghĩa là cây quạt được kết bằng 36 lông cò trắng. Con số 36 này là kết quả của thành số vừa nêu trên, cũng là ý-nghĩa của hai quẻ Càn Khôn vậy.

Đây là hai **quẻ Càn ☰ Khôn ☷** Nhìn vào số nét trong mỗi quẻ ta thấy quẻ **Càn có 3 vạch**, quẻ **Khôn có 6 vạch**. Như thế thì số 36 là nói đến hai quẻ Càn Khôn nằm trong Bát-Quái Tiên-thiên, chính Bát-Quái này là cánh cửa để đi vào Đạo-pháp.

Tóm lại muốn “*rõ thấu lý sâu*” phải thấu hiểu Bát Quái một cách tinh-tường.

C- Phân-tích chữ “Tĩnh” qua 4 chiều không-gian:

Tĩnh 靖 là đối với động, là sự yên-lặng hoàn toàn, không nhiễm, không luyến bất cứ vật gì của đời, đại-khái như danh-lợi-tình; những thứ mà làm cho người đời say đắm: Vì ăn nên phải bị đọa, vì dâm nên phải bị đày, người đời cũng vì những thứ vật dục ấy khiến cho cõi lòng đầy động, nếu không biết giữ mình thì nó buông lung như ngựa không cương. Thử phân-tích qua bốn chiều không

gian để thấy sự mâu-nhiệm.

***Khởi đầu là TINH** 精 về mặt văn-pháp, Tinh có nghĩa là sự sống, khi sự sống có thì nó cùng đến, nói khác đi nó có mặt ngay khi sự sống bắt đầu; đó là TINH KHÍ.

Gốc chữ Tinh vốn là **trạch mễ** 擇米 tức là lựa gạo (chữ Tinh thuộc bộ mễ 米 mễ là gạo). Tinh còn có nghĩa là lựa gạo để lấy những phần thuần khiết, cho nên mới có bộ mễ, nói rõ hơn Tinh là phần gạo ngon nhất, sạch nhất, sau khi đã chọn lựa kỹ. Ngoài ra còn đọc là **thanh** 青 tức là màu xanh, đó là màu bất biến. Sách Nội-kinh nói Tinh là phần khí-chất được sạch nhất, ròng nhất, trong thủy-cốc nó đóng vai trò quan-trọng trong quá trình tạo thành chân-khí, nguyên-khí và huyết-khí. Riêng con người, chữ Tinh mang một nội-dung cao hơn nữa, đó là Tinh của Thiên Địa. Bởi Tinh là cái “**thiên chi nhứt, địa chi lục**” 天之一地之六

Thiên lấy nhứt sinh ra thủy, địa lấy lục thành thủy “Thiên nhứt sanh thủy, địa lục thành chi 天一生水地六成之”. Đây là quá-trình sinh thành của Ngũ-hành sớm nhất, vì vậy vạn-vật lúc mới sanh đều đến từ thủy. Ví như hạt của một trái cây lúc chưa chín đều có tính thủy (nước).

Một cái thai, một cái trứng, lúc chưa thành đều là thủy. Phàm con người có sự sống, cho đến côn-trùng, thảo-mộc, không loài nào không như thế.

Kinh Dịch nói: Nam nữ cấu tinh thì vạn vật mới hóa-sinh. Y-học cũng xác định: thường sinh ra trước thân (hữu hình) gọi là Tinh “*Thường tiên thân sinh thị vị Tinh*” 嘗先身生是胃精. **Tinh** còn mang một ý-nghĩa rất quan trọng trong việc giao-hợp giữa âm dương, giữa huyết khí,

giữa trai gái, mà kinh Dịch đã đề cập đến.

Phàm con đường sinh thành của vạn-vật không có con đường nào không do sự giao nhau của âm dương để rồi Thần được minh vậy. Cho nên cuộc sống của con người ắt phải do sự hợp khí của âm dương. **Tinh** của cha mẹ đã cấu hợp nhau tức là dịch đã nói “*Lưỡng tinh tương bác*” 兩精相剝. Sau đó thì hình thể và thần khí mới thành. Nơi hợp khí của Thiên Địa gọi là Nhân.

Hai **tinh khí** 精氣 của Thiên Địa, của trai gái, của Tiên-thiên, Hậu-thiên luôn giao nhau, đánh nhau đúng theo nhịp biến-hóa của khí Thái cực thì cuộc sống của con người sẽ có **Thần** 神. Vậy Thần là kết-quả hiển-nhiên của quá-trình khí hóa liên tục, tuần-huần giữa lưỡng tinh trong thân-thể con người. Vậy Tinh và Thần là kết-quả kỳ-diệu của sự vận-hành khí-hóa trong thân thể người. Sự vận hành này phải theo những chiều vãng lai, nghịch thuận tạo thành vòng âm dương. **Tinh là âm, Thần là dương** vậy. Đó là hiện thân của người mang đầy bản tính của Trời Đất.

“Con người đừng phẩm tối linh,

“Nửa người, nửa Phật nơi mình anh-nhì”

Nhìn qua hình vẽ trên, thấy sự biến đổi của chữ Tinh, nó ở vào Thái-cực, là tâm, là nguồn khởi đoan của con người và vạn-vật. Sự cấu-tạo tế-bào tinh-trùng của người cũng như vạn-vật có phần giống nhau: nghĩa là tế bào hợp bởi 1 nguyên-tử Dương và 9 nguyên-tử Âm. Thế nên cái sống hữu-vi này các nhu-cầu cần-yếu giữa người và vật đều giống nhau, từ cái đói ăn khát uống, cho đến sự truyền giống nữa. Nhưng người khác hơn vật và được gọi là người là nhờ có đạo-đức điều-khiển cho mọi hành-động.

Có được vậy mới xứng đáng là «*tối linh*» vậy.

Thế nên ngày Vọng Thiên cầu Đạo, Đức Chí-Tôn dạy ba vị mỗi người cầm 9 cây nhang khấn vái, xin Đạo là tượng cái TÍNH của con người đó vậy.

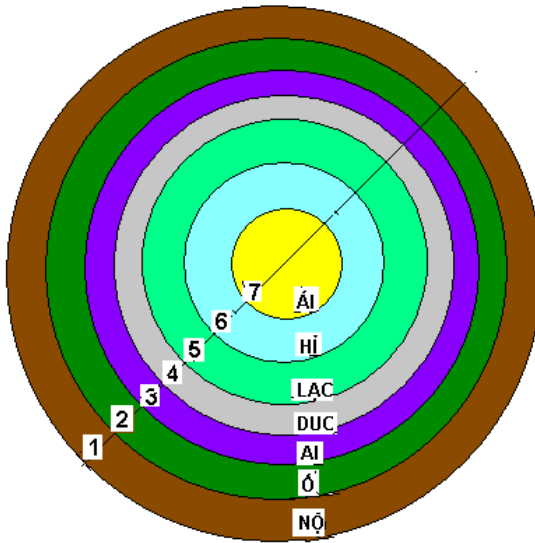
***Tính** 性 là người đạo-đức phải biết tập sửa **Tính** 性 tốt, nó phải hướng thượng và hướng thiện, bởi dấu sắc là biểu hiệu sự đi lên: *Tinh sắc Tính*.

Sự kết cấu chữ Nho gọi là “**Tính tự tâm sanh**” 性自心生 (đây là lối chiết tự: tức nhiên chữ **Tính** 性 do bộ **tâm** 忄 hợp với chữ **sinh** 生). Cũng là ý-nghĩa rằng bốn nguyên: Tính của người do tâm mà sinh ra.

* Chữ **Tình** 情 thì nằm ngang; ai cũng có tình cảm, tuy nhiên người có đến thất tình, người tu phải biết chuyển-hóa cho thất tình trở thành thất khiếu sanh quang (chữ tình 情 cũng do lối chiết tự, tức nhiên do bộ tâm 忄 hợp với chữ tinh 青, còn đọc là thanh, nghĩa là phải có một thứ tình cao-thượng).

Chữ Tình cốt ở chữ Tính mà ra. Nhưng Tính thời tịch-nhiên bất động thuộc về phần thể. Tính là nguyên-lý sở-dĩ sinh ra người, cái bản nguyên về tinh-thần của người, bản chất của người hoặc vật. Tình thời cảm nhi toại thông thuộc về phần dụng, nên Tính thời khó thấy mà Tình thì có thể thấy được. Tình thiên địa cốt ở nơi vạn-vật sinh ra, mà tình vạn-vật cốt ở nơi ứng với thiên địa. Tỷ như gặp Xuân Hạ thì vật gì cũng sinh trưởng, gặp Thu Đông thì vật gì cũng ẩn tàng; Đó chính là tình cảm-ứng của thiên địa vạn-vật. Thấy được tình thiên địa thời thấy được tình của Thánh-nhân, nên không cần nói **Thánh nhân chi tình** 聖人之情 Vì Thánh nhân với thiên-hạ cũng

như thiên địa với vạn-vật. Duy người có thẩm nhuần triết-học thì mới nhận ra được. **Tình** có đến 7 mối ràng buộc lấy người từ khi mới lọt lòng mẹ nên gọi là **thất tình**.



BẢY TÌNH CỦA CON NGƯỜI

Nhưng thật ra Tình cũng xuất hiện cùng lúc với “*Thiên nhất sinh thủy, địa lục thành chi*” nữa kìa. Vì khi một chơn-hồn đến thế này dù được tự-do lựa chọn trong cái nhân duyên hay cưỡng bức vì oan-nghiệt đi nữa, cũng được cấu-hợp bởi thất tình do Chơn-thần sản-xuất.

Phật-Mẫu tạo Chơn-thần này cũng như cho mặc vào 7 lớp áo để đến thế-gian. Sự cấu-tạo con người quan trọng là bởi Chơn-thần.

“**Chơn thần** là đệ nhị xác thân tạo hình bằng nguyên khí của bảy tầng Thiên. Bỏ Tạo-Hóa-Thiên là từng thứ

chín, linh hồn đến từng thứ 8 trụ thân quyết định đến thế gian này làm việc gì, kể từ từng thứ 7 mới tạo xác thân. Ta chia 7 từng làm 7 phách, Đạo Giáo nói là 7 cái thi hài hữu tướng, 6 cái thuộc về khí chất, cái thứ 7 là xác thú này đây. Bảy từng có liên quan lạ lùng với thất tình 七情.

- Từng thứ 7, 6, 5 là ba tình: Ái, Hi, Lạc 愛喜樂
- Từng thứ tư là Dục 欲
- Từng thứ ba là Ai 哀
- Từng thứ nhì là Ố 惡
- Từng thứ nhất là Nộ 怒

Tới từng chót, thì xác thịt là hiện tượng của Nộ giác. Ấy vậy, Bần-Đạo chỉ rõ rằng ba tánh đức Trung-Hiếu-Nghĩa do ở tình Ái phát hiện đó là cái tình độc nhứt có liên quan mật thiết với Chơn linh. Ta thấy con nít sơ sanh, thi hài chưa biết vi chủ, nó chỉ sống với Chơn-linh mà thôi. Khởi đoan nó chỉ biết Thương mến những kẻ gần gũi như cha mẹ; còn Chơn thần để gìn-giữ nó, cho nó biết tìm cái sống, bảo-tồn sanh mạng. Thật ra theo Đạo pháp con nít từ 12 tuổi mới bị chịu ảnh hưởng của xác thịt, còn dưới 12 tuổi xác thịt chưa có quyền. *“Cái Chơn Thần buộc phải tinh tấn trong sạch mới nhẹ hơn không khí, ra khỏi ngoài Càn khôn dặng. Nó phải có bốn nguyên chí Thánh, chí Tiên, chí Phật, mới xuất Thánh, Tiên, Phật dặng. Phải có một thân phàm tinh khiết mới xuất Chơn thần tinh khiết. Nếu như các con còn ăn mặn, luyện đạo rủi có ấn chứng thì làm sao mà giải tán cho dặng?”*

Hồn dặng tương-hiệp cùng xác phải nhờ Chơn thần. Chơn-thần lại là bán hữu-hình tiếp vô-vi mà hiệp cùng hình thể, cũng như Đạo tiếp Thánh-Đức của các Đấng

thiên-liêng mà rưới chan cho nhơn-loại”.

Thầy đã nói: “Ấy là Đạo. Bởi vậy một Chơn-thân Thấy mà sanh hoá thêm chư Phật, chư Tiên, chư Thánh, chư Thần và toàn cả nhơn-loại trong Càn-khôn Thế-giới, nên chỉ các con là Thấy, Thấy là các con”.

Bảy tầng Thiên có liên-quan với thất tình.

* Bắt đầu từng thứ 7 thì kết vào tình HỈ (mừng) * Qua từng 6 thì kết vào tình ÁI (yêu thương).

* Từng thứ 5 kết vào tình LẠC (vui).

Đó là ba thứ tình-cảm tốt HỈ-ÁI-LẠC được duy trì cho thêm cao-thượng hợp đức của người tu.

* Qua từng 4 kết thêm tình DỤC (muốn).

Chính tình này nguy-hiểm nhất, nó xây chuyển và quyết định sự đạo thăng của cuộc đời, bởi nó có thể dục lên hoặc dục xuống. Nếu hướng thượng thì gấm ghé ngôi Tiên phẩm Phật, hướng hạ thì con đường đạo đầy, thoái-chuyển.

* Còn lại ba tình AI, Ỗ, NỘ thì lần-lượt xuất hiện ở từng thứ 3, 2 và 1.

Chính từng nộ-giác là xác hài này đây, cho nên người đời rất dễ giận-hờn. Còn ba tình-cảm cao-thượng lại lần lượt vào trong, vậy người tu là phải biết bỏ giả tầm chơn, khổ công luyện tập sửa đổi tánh tình hằng ngày là vậy. Ở nơi người, đạo nhân-luân là trọng, nếu không biết tự-trọng thì nhân-quả buộc ràng khó tránh khỏi. Chính 7 dây oan-nghiệt buộc ràng mà nhiều Chơn-linh bị đạo chưa bao giờ thoát qua được cửa luân-hồi sanh tử. Chử Tình lắm trái-ngang và nhiều rắc-rối, một Chơn-hồn muốn

được nhẹ-nhàng siêu-thoát thì phải biết Tĩnh tâm, tịnh thần mới mong nhập vào Đại ngã.

***Tĩnh 靖 cũng là Tịnh 靖** vậy. Tịnh là sự yên-lặng hoàn-toàn. Qua bốn chiều không-gian thì chữ **Tịnh 靖** ở dưới cùng như nước lắng đọng trong lòng giếng. Nhưng nếu được “*giếng Nhân-nghĩa*” thì hạnh-phúc cho cuộc đời, bằng trái lại gặp giếng cạn hoặc đục cũng không ơn ích gì!

Bà Đoàn-thị-Điểm có dạy phương tu trong **Nữ Trung Tòng Phận** (Câu 1249-1252) rằng:

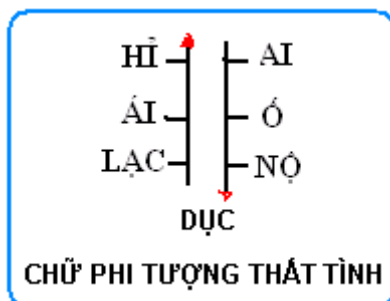
Bế ngũ-quan không kiên tục tánh.

Diệt lục trần xa lánh phàm tâm.

Mệnh Thiên giữ vững tay cầm,

Đạo phương tự diệt giải phần hữu sinh”

Chữ “Phi” tượng Thất tình



Chữ 非 có nghĩa là không (o). Nếu chia làm hai phần bằng nhau, thì mỗi bên có 3 điểm: xem như âm dương, cao hạ, tức nhiên 3 tình: Hi-Ái-Lạc là ba thứ tình hướng thượng (dương) được đề cao, ba tình Ai-Ớ-Nộ là ba tình hướng hạ (âm) cần phải sửa đổi. Duy tình Dục này đứng ở giữa, nghĩa là nếu biết đạo-đức thì nó dục lên,

thiếu đạo-đức nó dục làm điều quấy. Vậy người tu là biết xét mình để “*sửa lòng trong sạch*”. Nếu dưới chữ phi có chữ tâm thành ra chữ **Bi** 悲 là buồn, gọi là **phi tâm**. Tất nhiên người được gọi là phi tâm là một Đấng cao cả như Phật Quan-Âm gọi là Đấng Đại-từ, đại-bi, tức nhiên Bà là vị Phật có lòng quảng-đại, Bà buồn trước nỗi buồn của chúng sanh, Bà cứu khổ cứu nạn trước khi chúng sanh kêu cứu, còn chúng sanh Bi là chỉ biết riêng đau khổ thôi.

Ngày nay Bà là một Đấng được Đức Chí Tôn chọn làm Nhị Trấn trong Tam trấn Oai nghiêm để nêu cao đức: BI-TRÍ-DŨNG hầu đem lại thái-bình cho nhân-loại.

D- **Nghiệm về SỐ:**

Các câu trên có các số chữ ứng vào các con số thật là huyền-diệu. Thử giải lý một vài con số tượng-trưng: Cả thầy có 5 câu ứng với Ngũ-hành.

Câu 1: có 1 chữ “*Thấy*” ứng với ngôi *Thái-cực*

* 4 câu sau ứng vào *Tứ-tượng*.

Câu 2 có 4 chữ, **câu 3** có 5 chữ, ấy cũng là phương tu của Đạo Cao-Đài, Tân-luật đã qui định về đạo Nhơn luân:

– *Nữ thì Tứ đức* (Công, Dung, Ngôn, Hạnh) với Tam tòng là tòng phu, tòng phụ, tòng tử.

– *Nam phải giữ Tam cương Ngũ thường* (Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín) là nguồn cội Đạo.

Câu 4 có 5 chữ, **câu 5** có 4 chữ ấy là về Đạo-pháp là:

– Hễ nhập môn rồi phải trau-giồi tánh hạnh, cần giữ *Ngũ giới cấm và Tứ đại điều-qui*.

Tóm lại: Nếu so-sánh với các lời dạy trên thì:

- Câu 1 có 1 chữ, ứng ngôi **Thái-cực**.
- Câu 2 (4 chữ) là gái gìn **Tứ đức** (tứ Âm)
- Câu 3 (5 chữ) là Nam giữ **Ngũ thường** (thuộc Ngũ hành âm)
- Câu 4 (5 chữ) là tu-hành thì giữ **Ngũ giới-cấm**. (Ngũ hành dương)
- Câu 5 (4 chữ) phải biết tôn-trọng **Tứ đại điều-qui** (Tứ dương)

Những con số ứng hiệp trên tạo thành một Bát quái Đồ Thiên, đồng thời còn ngụ cả một nguồn Giáo-lý cao siêu của nền Đại-Đạo.

Tại sao có lời dạy nghiêm-mật ấy?

Bởi “Đạo Thấy là nền Đại-Đạo do chính Thấy đến lập là Đấng Chí-Tôn Ngọc-Hoàng Thượng-Đế, tá danh Cao-Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma-Ha-Tát. Ngài đến giáo Đạo tại Nam-phương, xưng mình là Thấy, kêu cả toàn Môn-đệ là con cái của Ngài”.

Thầy dạy: “Phải chung lo cho danh Đạo Thấy. Đạo Thấy tức là các con, các con tức là Thấy, phải làm cho nhau đặng thể lực, đừng ganh-gổ nghe. Các con phải giữ phận làm vừa ý Thấy muốn. Ngày sau sẽ rõ thấu ý muốn của Thấy”

E– Lý Dịch trong lời dạy:

Trước nhất thấy rằng đây là một bài Cơ của Đức Chí-Tôn giảng dạy ngắn nhứt, giản-dị nhứt và cũng sâu sắc nhứt. Câu “giản-dị nhi đắc Thiên lý” đúng vào trường hợp này vậy.

Nếu đếm số chữ thì chỉ có 5 câu ứng với Ngũ hành.

Câu đầu chỉ có một chữ “*Thấy*”, số 1 đó là ngôi Thái-cực Thánh Hoàng, vi-chủ là Thấy, là Thượng-Đế. Vì:

“Thấy là Chúa cả Càn-khôn thế-giới, tức là Chúa tế sự vô-vi, nghĩa là chủ-quyền của Đạo, mà hễ chủ-quyền của Đạo nơi nào thì là Đạo ở nơi ấy.”

Câu 2 và 3 hiệp lại bằng $(4 + 5) = 9$. Cũng như câu 4 và 5 hiệp lại $(5 + 4) = 9$. Tức hai con số 9 (99) gọi là “**cửu cửu**”.

Sấm ký Đức Trạng-Trình:

*Cửu Cửu Càn-Khôn dĩ định.
Thanh-minh thời tiết hoa tàn
Trúc đảo Dương đầu Mã vĩ,
Hô bình bát vạn nhập Trạng-an.*

Có nghĩa rằng: Trời đất định rằng chín lần 9 là 81, vào Tiết Thanh-minh sức Dịch đã gần như phai tàn. Đến đầu năm Dê (dương đầu) và cuối năm Ngựa (mã vĩ) 1954 có tám vạn binh của cụ Hồ tiến vào kinh đô chấm dứt ách nạn Việt Nam phải chịu 81 năm nô lệ của thực dân Pháp

Tất nhiên con số 9 có một giá-trị nhiệm mầu trong lý Dịch, phi thời-gian. Nay là buổi cuối Hạ-nguơn Tam chuyển sắp bước vào Thượng-nguơn Tứ chuyển, Đức Chí Tôn mở Đạo đồng thời “*bày tất cả bữu-pháp*” để chuẩn bị cho mùa hoa Đạo nở. Đó là định-luật: Hoa bên ngoài tàn rụng đi để cho Hoa Đạo nở kết thành khối yêu thương lớn.

Lại nữa, về lý Dịch thì khi các quẻ kép đặt theo chiều xuyên tâm đối có tổng-số là 99.

Ví dụ Bát-Thuần Kiến là 11 hiệp với Bát-Thuần Khôn 88 sẽ có tổng số là 99. Tương-tự như vậy có đến 32 cặp âm

dương đều có tổng-số là 99 như thế (sẽ bàn sau). Về đất nước thì Đảo Phú-Quốc có 99 hòn tất cả, Tây ninh – Sài-gòn cách 99 km, có phải là sự ngẫu nhiên chăng?

4 câu sau gọi là Tứ-tượng, nhưng hiệp lại chỉ còn hai về ứng với Lưỡng-nghi, từ đó mới trở về Thái-cực là 1 chữ (Thầy).

26- NGỌC 玉

NGỌC 玉 là dạng chữ VƯƠNG 王 nhưng có thêm một chấm ở phần dưới, nếu nét chấm ấy đem đặt lên trên đầu của chữ, sẽ thành ra chữ CHỦ 主 (chúa), hoặc cho nó biến đi tức là hòa nhập vào bên trong thì thành ra chữ VƯƠNG.

Thế nên khi nói **Ngọc** 玉 là chỉ chung vàng bạc, ngọc ngà, đá quý, là của cải quý báu ở trong đời.

Thầy hỏi: – *Của cải ấy gồm những gì?*

Vàng bạc chỉ là loại kim khí tầm thường. Hồng là một chất màu; Còn Lục là chất do loài vật cấu thành ra. Các con xem của ấy là quý giá thật sự sao?

Xét từ nơi sản xuất ấy, đều không đáng kể. Các con nên tìm sự giàu đức tính của Trời. Chỉ có cách đó mới gọi là vĩnh cửu. Của quý ấy không ai cướp được cả.

Danh vọng thường hay chống lại với đức hạnh. Nó rất ngăn ngại và thường thành tựu nhờ nơi sự gian trá.

Danh quyền nơi Trời là bền chắc như đá và danh quyền ấy mới chịu đựng nổi bao sự thử thách.

(Trung bạch: Mấy con phải làm sao mà tìm phẩm tước của cải và danh vọng của Trời?).

– Thấy trả lời: “TU”.

– **Tu là chi?**

Thánh ngôn dạy rằng: *“Tu-hành vẫn trái với thể tục, mà trái với thể tục mới đặng gần ánh Thiêng-liêng”*.

Tu để đến được với Trời, là Đức “**Ngọc Hoàng giảng thể Giáo Đạo Nam phương**” Ngài đã đến nói:

THI

*Ngọc ẩn Thạch kỳ ngọc tự cao
Hoàng Thiên bất phụ chí anh hào
Giáng ban phúc hạnh như đồng lạc
Thể tạo lương phương thể cộng giao
Giáo hóa như sanh cầu triết lý.
Đạo truyền thiên hạ ái đồng bào.
Nam như tỉnh cảm sanh cao khí
Phương tiện tu tâm kế diệt lao.*

Ngài xưng vừa là Thầy mà cũng vừa là Cha của nhân loại:

Đêm 17-12-1925: một Đàn Cơ do ba ông: Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang, cầu:

*“Ngọc Hoàng Thượng Đế viết Cao-Đài
Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.*

Muốn TA truyền Đạo, kể từ bây giờ phải gọi TA bằng THẦY và TA gọi lại là các con”, nên mới có câu *“Thầy là các con, các con là Thầy”*.

Ngày 9 tháng giêng năm Giáp Thân (dl: 2-2-1944):

Thầy nói: *“Kỳ này là chót, Thầy lập nơi đây một Trường thi công quả và cho các Đấng khảo đủ phương diện. Thấy*

đau đớn thấy các con còn đặt mình chung cùng danh lợi. Đây cũng đến kỳ Tận Thế, đổi cựa thay tàn, tuyến bức đại hiển cứu thế. Các con cũng còn nhớ những lời Thầy dạy lúc mới lập Đạo, Thầy tưởng cũng nên lập lại một lần chót cho các con nhớ: **“Thầy là các con, các con là Thầy. Chư Phật, Thánh, Tiên cũng là các con, các con là Phật, Thánh, Tiên tại thế”**. Vậy các con hiểu Đạo thì các con tập tánh sao cho ra vẻ, cho đúng in như các Đấng vậy. Thầy đã cho các con biết trước: **“Thầy cho các con đắc Đạo tại thế”**. Nay muốn tâm lên cao thì phải lập công cho cao, chí cho bền, đi cho vững, leo núi chớ than mệt, thuyền ra khơi đừng lo biển rộng, dầu sóng gió thế nào cũng vẫn tươi cười dặm lướt qua khỏi bể. Nghe cùng tuân lời các Đấng dạy răn. Thầy khuyên các con đừng sanh nạnh cùng nhau, co đầu cứng cổ, e phải bị tội lỗi đa nghe!” Thầy đã nói: **“Ấy là Đạo. Bởi vậy một Chơn-thần Thầy mà sanh hoá thêm chư Phật, chư Tiên, chư Thánh, chư Thần và toàn cả Nhơn-loại trong Càn-khôn Thế-giới, nên chỉ các con là Thầy, Thầy là các con”**.

Thầy đến độ kẻ vô Đạo:

Đàn Cơ ngày 23-11-Bính Dần (Thứ hai 27-12-1926):

“Thầy dặn rằng: Thầy đến chẳng phải lập một nền Đạo mới, mà đến nhắc nhở các con rằng: Ngày Tận tuyệt đã hầu gần, Quỷ vương sắp đến. Thánh ngôn các Đạo đã khai từ thuở tạo Thiên không đủ kèm thúc nhơn sanh đang trọn lành. Đời càng ngày càng trở nên hung bạo, nhơn loại giết lẫn nhau, cả hoàn cầu giặc giã, binh chương biến sanh, Thiên tai rập đến. Ấy là các điều Thầy đã nói tiên tri rằng: Ngày Tận Thế đã đến. Thầy đã tạo Thánh giáo trọn đủ Pháp luật. Thầy đến chỉ độ kẻ vô đạo chớ không phải sửa

Đạo. Con hiểu à!”

■ (ĐS. II. 123–125)

27- NGHĨA 義

Phân tích chữ **Nghĩa** 義 thấy có hai phần:

Phần trên là chữ **Dương** 羊 là con dê, phần dưới là chữ **ngã** 我 là ta (c'est-à-moi). Dê là một trong ba con vật người xưa thường đem ra tế Thần linh, tế cả Trời đất nữa, như Đàn Nam-giao còn dấu tích, hình ảnh nơi Cung Đình Huế còn đó. Ba con vật đem tế sống như vậy gọi là Tam sanh: Trâu, Dê, Heo. Mỗi một vật này nó phải chịu hy sinh mạng sống thay cho giống loại của nó mà cúng tế, đó là một việc làm có ân nghĩa vậy: tức là tinh thần Hiến dâng. Còn chữ Ngã là ta đặt ở dưới sự hy sinh, tức là tinh thần phụng sự. Thế nên khi hai chữ này đặt lên nhau thành ra chữ **NGHĨA** 義 là một đức tính cao đẹp, nó gồm đủ tính cách Hiến dâng và Phụng sự. Đức Hộ-Pháp nói:

Tại sao ta có Nghĩa? Tại sao Nghĩa lại hiện tướng trên tánh đức của một Chơn-linh cao trọng?

Nơi cõi Hu-linh mỗi người có một gia-tộc, một đại nghiệp, Anh em đông biết bao nhiêu. Bản-Đạo xin nhắc lại câu này cho toàn cả hiểu điều yếu trọng: Chẳng phải vì sự tình cờ mà chúng ta được chung đứng trong lòng của Đức Chí-Tôn ngày nay đây. Biết đâu trong 24 chuyển thuyền Bát-Nhã chở các Nguyên-nhân hạ trần dựng làm bạn và độ rỗi các Hóa nhân và Quỷ-nhân, lại không có chúng ta ngồi chung trong đó. Đã từng chia đau sốt khổ cùng nhau chẳng những trong thế giới này mà trong các thế giới khác nữa. Đã từng chung sống cùng nhau, cái thâm tình vĩ đại đã nhiều.

Nếu cả thầy không nhớ lời này của Bản-Đạo, đến khi linh hồn xuất ngoại rồi sẽ ân hận biết bao nhiêu, mà chừng ấy đừng trách Bản-Đạo không chỉ trước. Không thương yêu nhau cho trọn nghĩa là lỗi tại mấy người đa! Chớ không phải tại Bản-Đạo không nói!

Ban sơ, nơi cõi Hư linh, thọ nhứt điểm linh đến thế này tạo ngôi vị, làm bạn với biết bao nhiêu Chơn-linh khác, đầu nguyên do của mình là Thảo mộc hay Thú cầm cũng phải có nhiều bạn, chừng nào đạt đến địa vị mới biết bạn nhiều. Người Nghĩa ta có nhiều ở mặt thế này, lo tìm người Nghĩa đặng tương liên cấu hiệp tâm tình trong cảnh khổ não, truân chuyên chịu hình thử thách này.

28- NGỤC 獄

Ngục 獄 là nhà giam: gồm có bộ **khuyển** 犴 là con chó, thêm phía sau là chữ **khuyển** 犬, ở giữa là **ngôn** 言 là lời nói. Hễ là tù rồi thì người ta đối xử như con vật, con chó, có miệng cũng không nói được gì. Người giữ ngục hầu như cũng mất tính người! Nhà tù là để trừng giới kẻ trái pháp-luật. Ngày nay quả thật nhà tù là địa ngục ở trần gian, hình như không thiếu một hành động dã man nào mà không có! Nhà tù là nơi giam cầm kiên cố và người tù bị đối xử tệ bạc. Theo Hán Việt thông thoại, nhà tù do ông Cao-Đạo đời cổ dựng ra. Vì có những chuyện vượt ngục, thoát tù, cho nên nhà tù làm kín đáo, không khe hở để không thể thoát, cho nên gọi là nhà ngục 獄.

Câu “*nhứt nhứt tại tù thiên thu tại ngoại*” 一日在囚千秋在外 không ai còn lạ gì! Tức nhiên ví một ngày ở tù mà bằng ngàn năm ở ngoài vậy. Chữ TÙ 囚 cũng tượng hình cho thấy người (chữ nhân 人) bị nhốt trong bốn bức

tường kín thì có gì là vui sướng, thanh thoi?.

Cái cảnh ngồi ngục được Đức Thanh Sơn Đạo Trưởng viết trong “*Thập Thủ liên hoàn*”, trích một bài:

*Đai cân đã có vẽ chi chưa?
Hay phận tù lao kiếp sống thừa?
Đạp đất gập ghình chôn trẻ dại,
Ngựa thời điên đảo trí già xưa.
Ngồi hang thương kẻ mang da chó,
Ngự điện ghét quân đội lột lừa.
Cái nhục giống nòi kia chẳng rửa.
Xoi hang mạch nước ý chưa vừa.*

Nhưng ngẫm lại thì quả địa cầu 68 này chính là cái “*ngục*” lớn mà các Chơn-linh đến thế này học hỏi, ai nấy đều phải chịu giam trong cái nhục thể này, cũng gọi đây là “*khám tù nhân thế*”. Vậy khi khổ thì ai cũng oán than, mà cái chết thì ai cũng sợ, tìm mọi cách để sống. Nhiều khi chính họ cũng không biết cần sống để làm gì? Mà cũng không biết sự chết sẽ đi về đâu? Chơi vui và chơi vui.

Thuyền Đạo đã chực bờ mà sao chưa bước xuống?

Khác xa với Đời Văn-Vương lấy Thánh-đức trị dân, nơi giam cầm rất sơ-sài, như muốn cầm tù kẻ phạm pháp thì vẽ một vòng tròn bắt kẻ có tội đứng trong đó để suy nghiệm việc sai trái của mình mà tự sửa cải.

Thầy dạy, vào thời xa xưa “*Nước Hạng, người Trọng-Sơn, sạch mình cho đến đôi cho ngựa uống nước rồi vãi tiền xuống sông mà trả; trong sạch đến đôi của trời đất cũng không nhe bợn, con hiếu à! Con hiếu ý bài thi này chẳng?*

*“Ấm mã đầu tiên Hạng Trọng-Sơn,
“Chung-qui hữu phúc hạnh tao-phùng.*

“Hậu lai mặt tín đa phi-thị.

“Hữu ngoại thành tâm tái vận cung”.’

Sao? Nói cho Thầy nghe.

Chư Nhu đặt tọa vị hầu Thầy.

(M... N... cắt nghĩa trái Thánh-ý).

– Không đâu con! Con có hiểu hai câu này chẳng?

“Hôn Lưu-Khoan trách dân Bồ-Tiên thị nhục,

“Hạng Trọng-Sơn khiết kỷ ẩm mã đầu tiên.”

Nghĩa là đời Hôn, người Lưu-Khoan làm quan, hễ dân có tội thì đánh bằng roi lát cho biết nhục vậy thôi. Thầy muốn dạy con, phải ở và dạy nội gia-quyển con cho chánh-đáng, phải lấy lòng trong sạch đối-đãi với người, dầu việc nhỏ mọn cũng vậy. Con khá đọc Thánh ngôn và cắt nghĩa Thánh-ý Thầy cho mọi người biết. Hạnh ngay thật là nét yêu dấu của Thầy, con nghe!” (TN II/10)

29– NGUYÊN 元

Ngươn hay là Nguyên là gì?

Về mặt chữ: **Nguyên** 元 hợp bởi chữ ngọt 丩 là cao chót vót, thêm vào nét nhứt 一 ở trên để chỉ cái lý duy nhất, cao cả như nước nguồn đổ ra trăm sông, ngàn mạch, như một chủng-tử lưu truyền theo mỗi loại. Nguyên là bao gồm cái nguồn phát xuất đầu tiên.

Theo dạng chữ thì chữ ngọt 丩 giống như một cái Đài cao mà từ xưa các bậc tiền bối thường lập nơi thanh vắng và tinh-khiết để cầu Thần, Thánh, Tiên, Phật. Nét nhứt ở trên chỉ sự chí diệu, chí linh, tối đại, tối cao, duy tinh, duy nhất. Nói rộng ra Nguyên bao gồm cái nguồn

phát xuất đầu tiên do đức háo-sanh của Đấng Tạo-đoan để mỗi loại được cái sống lưu truyền với cái giác, cái linh huyền nhiệm mà lưu tồn. Nguyên tượng cho mùa Xuân, ở người là đức *Nhân*.

Có thể nói **nguyên** 元 gồm chữ nhị 二 và bộ nhân 儿

Tương tự thì chữ **Nhân** 仁 gồm chữ nhị 二 và bộ nhân 人

Chữ **Thiên** 天 cũng gồm chữ nhị 二 và bộ nhân 人

Ý nghĩa chữ Ngươn

Ngươn Hội là chỉ những khoảng thời gian dài. Theo Nho giáo của Trần Trọng Kim thì một ngươn là 12 Hội, một Hội = 30 Vận, một Vận = 12 Thế, một Thế = 30 năm.

Đức Hộ-Pháp nói: *“Mỗi chặn đường tiến-hóa được gọi là ngươn: Có Thượng-ngươn, Trung-ngươn rồi Hạ ngươn. Hạ ngươn rồi trở lại Thượng-ngươn nữa, vậy là một vòng tròn không lối thoát? Nhìn qua là một cuộc luân-hồi tưởng chừng theo một vòng tròn, nhưng đúng ra là theo đường tròn ốc; như vậy mới gọi là tiến-hóa hay là dục tấn. Nhơn-loại hiện nay đang sống vào thời Hạ-ngươn Tam chuyển và đang tiến lần vào Thượng-ngươn Tứ chuyển: Mỗi chuyển của địa-cầu là một bước tăng tiến. Mỗi chuyển có 36.000 năm, chia làm ba ngươn; mỗi ngươn có 12.000 năm. Chiều theo pháp Phật mỗi chuyển như vậy tính từ:*

- *Thượng-ngươn, còn gọi là khai ngươn thì thuộc quyền của Phật,*
- *Trung-ngươn, thuộc quyền Tiên,*
- *Hạ-ngươn, thuộc quyền Thánh.*

Nhận-định Bí-pháp Thiêng-liêng của Chí-Tôn, nhờ

có người dạy, lớn học hành lập thân danh, thành nhơn rồi tự trị lấy mình.

- Phật thì dạy.
- Tiên đào luyện
- Thánh thì trị.

Hạ-nguơn thuộc Thánh, nhơn-sanh tranh-đấu cho sự sống còn, ấy nguơn tranh-đấu mà triết-lý cốt là trị, được sản xuất cơ-quan bảo-tồn cho loài người. Nay, Hạ-nguơn Tam chuyển hầu mãn, khởi Thượng nguơn Tứ chuyển, địa-cầu chúng ta lạc-hậu quá nhiều. Đã ba ngàn năm xa xuôi, đã thua Thủy-đức, Kim-đức và Mộc-Đức Tinh quân, trong số bảy địa cầu. Người ta đã bảy chuyển, mình mới tới đệ Tứ chuyển, vì vậy nên Chí-Tôn mượn các Đẳng Chơn-linh ở các địa cầu kia, đến làm bạn với chúng ta. Chẳng những hóa-nhân mà đến nguyên nhơn, Chí-Tôn cũng mượn họ đến tại địa-cầu này làm bạn giáo-hóa chúng ta, không biết số bao nhiêu; theo Phật pháp thì được 24 chuyển thuyền chở họ đến độ chừng 100 ức: Phật-Tổ độ 6 ức, Lão-Tử độ 2 ức, còn lại 92 ức, đến Hạ nguơn này cũng chưa thoát khổ, vì thế Chí-Tôn mới đến khai Đạo Cao-Đài.

“Cả cuộc biến-thiên đó không đi ngoài cuộc biến dịch thiên hình vạn-trạng, tương khắc tương sanh, từ mâu thuẫn xung đột đến tiến-bộ ôn-hòa, qua mỗi nguơn hội có khác.

Tam nguơn của Trời đất:

– **Thượng-nguơn:** là nguơn Tạo-hóa ấy là nguơn Thánh đức, tức là nguơn vô tội (*cycle de création c'est-à-dire cycle de l'innocence*).

Thượng nguơn là thời kỳ sanh hóa, con người còn sống theo thiên-lý hỗn-nhiên chơn chất nên gọi là đời Thánh đức.

– **Trung-nguơn** là nguơn Tấn-hóa, ấy là nguơn tranh đấu, tức là nguơn tự diệt (*Cycle de progrès ou cycle de lutte et de destruction*)

Trung nguơn là thời kỳ mâu-thuẫn tiến-bộ, nhưng rất tiếc là tiến-bộ về vật-chất thấp hèn nặng hơn về tiến-bộ tinh thần cao-thượng, tạo khổ cho nhau nhiều hơn là xây dựng hạnh-phúc chung cho nhau, tranh-đấu nhau rồi thúc đẩy nhau đến chiến-tranh tàn-khốc mà Đạo giáo gọi là nguơn tranh đấu.

– **Hạ-nguơn** là nguơn bảo-tồn, ấy là nguơn tái tạo, tức là nguơn qui cố (*cycle de conservation ou cycle de reproduction et de rénovation*).

Hạ nguơn là thời-kỳ biến dịch tuần-huòn vạn-vật qui nguyên-cổ. Nếu sanh thì thiên sanh, vạn sanh; nếu diệt thì tận diệt không sao tránh khỏi (hiểu như vậy chúng ta nên chọn con đường nào trong hai lẽ sanh và diệt tức là lẽ sống hay chết. Tưởng cả thầy đều chọn đường sanh tức là con đường sống, chớ không ai chọn con đường chết”

Đức Hộ-Pháp cũng cho biết tiếp:

“Mỗi nguơn niên, theo ta hiểu biết cái đại nghiệp của Căn khôn Vũ-trụ với triết lý nhà Phật, thì cả tinh-thần lẫn vật-chất của vạn linh đều thay đổi mới. Theo cái triết lý ấy thì ngày nay là ngày các chơn hồn đặng quyền Chí Tôn ân-xá nếu không nói rằng hưởng được một sự tấn hóa đặc ân hơn nữa! Bản-Đạo không cần nói, buổi buộc thì khó, buổi mở thì dễ, Đức Chí-Tôn Ngài đến để hai chữ Ân xá thì chúng

ta đoán hiểu được».

30- NGUƠN NGỌC 元玉

Chữ: **Nguồn-Ngọc** 元玉 được cắt nghĩa và giải rằng:
«Đời nhà Nguồn có báu Ngọc vô giá.

Diễn-tích: Vua Nguồn khai ca nhiều trận, chú Hầu khiếp vía, Bắc-vương kiên oai, cống sứ cho Trung-Quốc một hột Ngọc-diệp, trong đời ít có. Khi đem phơi ngọc ấy ngoài nắng, tất nhiên chiếu nhiều màu, thiên ám địa hôn; người khát nước, ngậm vào miệng, dường như ngậm búng nước lã, mà hết khát. Còn nhiều điều quý nữa, song kể không hết. Bởi cơ đó, nên có câu: “**Nguồn-Chiêu-Đế hữu báu ngọc**”, nay trích trong câu văn ấy, mà lấy hiệu Nguồn-Ngọc”.

Ông Cao Quỳnh Diêu (Bảo-Văn Pháp quân) có hiệu là Mỹ-Ngọc. Các con của ông đợi khi các ông đi vắng mới bắt chước xây bàn cầu vong linh người em đã qui từ lâu về nói chuyện và xin danh hiệu, được người em giải thích như trên. Vị này nói tiếp: “*Đặng cái hiệu và lời giải ấy, khi ông thân tôi về, tôi thuật lại cho ông nghe; Ông cắt nghĩa rành lại, tôi mới hiểu rõ rằng, cả dòng họ Cao Quỳnh, danh hiệu đều do nơi bộ Ngọc; chừng ấy, tôi mới có chút đức tin là vì nơi đó.*”

31- NHẠC 樂

Nhạc là Âm nhạc, còn đọc là **Lạc** có nghĩa là vui. Túc nhiên trong lòng tự nhiên có sự thanh thần, vui vẻ thì tiếng đồn mới thoát ra du dương, nhẹ nhàng, thanh thoát. Người nghe cũng vậy nhờ tiếng nhạc đủ sức thu hút, tâm hồn mới trầm lắng mà phấn khởi tinh thần.

Đức Hộ-Pháp nói: Nhạc nó sản-xuất trong tinh thần, mà tinh-thần là gì? – Tinh-thần mới thật là Đạo!

Tại sao Nhạc là Lễ?

– **Lễ**, ngoài đời mấy Em đã ngó thấy một bằng cớ hiển-nhiên, là khi mấy Em đồn, hòa cùng nhau. Tuy vậy, ngón đồn của mấy Em mỗi đứa một khác nhau, hay dở mỗi đứa một đặc biệt không giống nhau, nhưng mà cái nhịp trường canh mấy Em phải theo nó mà thôi, nếu không tưng nó thì mấy em chẳng hề khi nào hoà Nhạc cùng kẻ khác được.

– **Trong khuôn-khố hòa với nhau ấy là Lễ**. Vì có cho nên Qua giảng tiếp cho mấy Em hiểu: Lễ và Nhạc do âm thanh đó vậy.

– **Chỉ có dân-tộc Việt-Nam** về văn-hóa Nho-Tông của chúng ta mới có đặt một cái Nhạc là đều do nơi âm thanh và điều Qua đương nói với mấy Em, cái kinh-dinh của các sắc dân nơi mặt địa-cầu này, cả các quốc-dân xã hội đều nhận điều đó. Nước Trung-Hoa hay các sắc dân chịu ảnh-hưởng cái văn-minh tối cổ của Nho-Tông chúng ta mới có Nhạc, âm-thanh ấy là Lễ. Bằng cớ hiển-nhiên, chính Qua đọc một tờ Nghị-luận tại Liên-Hiệp-Quốc, họ luận rằng: Nếu cả thấy các sắc dân-tộc nơi mặt địa-cầu này mà đặt giữ-gìn cho còn Lễ cũng như nước Tàu đã được Lễ tối cổ của họ, cả những điều nghịch hằn cùng nhau, khỏi hằn cùng nhau giữa Hội-Nghị của Liên-Hiệp Quốc chẳng hề khi nào xảy ra, nếu có xảy ra là tại họ vô lễ cùng nhau mà chớ! Do nơi vô-lễ ấy, mà nhân-loại chịu thống-khổ hai phen Đại-chiến hoàn-cầu, mấy Em nghĩ: Họ vô-lễ cùng nhau cho đến mức họ đập bàn ghế ra khỏi Hội Nghị của quốc-tế, là tại họ thiếu Lễ, mà LỄ là NHẠC.”

Sứ-mạng làm sao cho thiên-hạ nghe để Hoà, vì:

– **Nhạc** làm cho phong-hóa, luân-lý tốt đẹp, dịu dàng, mà không phải một mình nước Pháp, mà các liệt quốc Âu-Châu đều cũng nói.

– **Giờ phút này** Qua Thánh-linh cho mấy Em đi các nơi cốt-yếu đặng mấy Em đem cái ngôn-ngữ điều hòa, lấy một ống tiêu mà Trương-Lương đã làm cho tan vỡ một đạo-binh hùng-tráng của Hạng-Vô, đánh tan-nát cơ nghiệp của Sở, thâu đạt cơ-nghiệp ấy đem lại cho nhà Hớn, duy có ống tiêu Trương-Lương mà thôi.

– **Giờ phút này** Qua giao cho mấy Em một sứ-mạng làm sao cho thiên-hạ nghe ống tiêu Thiêng-liêng đặng tinh-thần nòi giống mấy em đứng dậy định tương-lai vinh quang cho mình. Với cái giọng ngọt dịu của mấy em, làm cho thiên-hạ thức-tỉnh, diệt tiêu bớt hung-hăng bạo ngược. Trái lại đem đến một con đường hòa-huân, cao quý, tốt đẹp, êm-dịu; đem lại cái đạo-đức tinh-thần chiến thắng để cứu-vãng sanh mạng loài người. Bởi giờ phút này họ đang đi đến con đường diệt-vong mà chó!”

Vì diệu Nhạc là Âm thịnh sắc tướng:

– **Từ thứ Đạo Cao Đài** dùng Lễ-Nhạc và ai cũng cho âm thịnh sắc tướng là tà mị, mà căn bản của Đạo Nho là Lễ Nhạc, mà chính Đạo Tam-Kỳ là Nho-Tông Chuyển Thế thì phải truy tầm nguyên lý của nó mà xác nhận cho đúng nghĩa là thế nào.

– **Đòi phen chúng ta không hiểu** được cho uyên thâm khi dâng lễ cho Chí Tôn lúc “**Nhạc Tấu Quân Thiên**”, hết lớp trống qua lớp đờn bầy bài thì lâu quá có khi phải chồn chân rồi nản chí, chính Bản Đạo cũng vậy, vì nghĩ rằng

Chí Tôn tư-vị quốc dân Việt-Nam nên tiên định chi chi cũng làm gương mẫu cho toàn Đại-Đồng Thế Giới mà có Lễ Nhạc này luôn luôn khi dâng lễ, thì ý nghĩa ấy ắt cao trọng lắm là phải.

– **Bởi có cho nên** khi mới khai Đạo, Bản Đạo đến tại Thánh Thất Thủ Đức của ông Thơ tạo lập, Bản Đạo không tin nên hỏi Đức Lý Giáo Tông.

Nguyên-lý:

– Kể từ phối-thai Càn-khôn vạn-vật này, Chí Tôn là khối Sanh quang, biến thành hai khối Sanh khí, hai khối ấy tụ lại thành một khối lớn tương hiệp nhau mới nổ sanh tiếng “**Âm**”. Người ta gọi là “**Âm**” hay nghe tiếng “**Ni**”. Đạo Phật sửa lại thành “**Um**” (úm ma ni bát rì hồng). Nhờ tiếng nổ ấy Bát hồn mới vận-chuyển biến sanh vạn vật và loài người. Tiếng ấy bay ra nghe đến đâu thì khí Sanh quang đến đó, tức là có sự sống đến, bằng chẳng nghe được thì nơi ấy tiêu diệt nghĩa là chết mất mà thôi.

Vì sao phải đồn bảy bài?

Đức Chí-Tôn dạy:

- Thấy thích nghe những bản ấy.
- Vì nó có ý-nghĩa của sự Tạo thiên lập địa, là buổi mới có Trời đất.
- Đảo ngũ cung có ý-nghĩa là qui trở lại, tức là qui cố: đó là Vạn thù qui nhất bốn.

Nếu lấy những bài đó hiến lễ thì Thấy tư-vị dân-tộc Việt-Nam sao?

Đức Chí-Tôn phán dạy rằng:

- Trên thế-gian này chưa có nền Âm-nhạc cổ nào để

rước Thấy mà đủ ý-nghĩa như âm-nhạc cổ của Việt-Nam

– Nên Thấy chọn nó làm tiêu-biểu cho toàn cầu,

– Cho nhân loại noi theo”

■ (18-5-Bính-Dần 1.926)

Nhạc 樂 là cái gì đặt bên trên âm-thanh. Thanh 聲 là một tiếng kêu nào bất cứ. Khi tiếng kêu đó có văn-vẻ, tiết-điệu thì gọi là Âm 音. Khi âm đó đưa tới Đức gọi là Nhạc.

Con vật mới biết Thanh mà chưa biết Âm (tạm nói theo thông lệ). Người thường chỉ biết Âm mà chưa biết Nhạc. Chỉ có bậc quân-tử mới biết được Nhạc tức là cái đức của âm-thanh. Cái Đức đó là Hoà. “Nhạc dữ thiên địa đồng hoà” 樂與天地同和

32- NHO 儒

NHO là nguồn đạo-lý phát xuất từ Đức Thánh Khổng-Phu-Tử là người sáng lập nên Đạo nhân-luân làm giềng mối trật-tự, kỷ cương, từ trong gia-đình loáng ra ngoài xã-hội không đâu là không cần ích đến.

NHO 儒 là gì? Nhìn dạng chữ ta thấy rõ hai phần đủ nói lên cái lý Âm dương không xa lìa nhau. Bên trái là bộ nhân 人 nhân là người, bên phải là chữ nho hay là **nhu** 需 nhu là sự cần yếu, nhưng trong chữ nhu này có thể còn thấy hai yếu-tố kết-hợp nữa: Trên là chữ vũ 雨 là mưa, dưới chữ nhĩ 耳 là mây; như vậy chữ nhu là ý nói rằng của này mây có quyền sử-dụng, như nước mưa mà trời đã ban thí cho nhân-loại vậy.

Tóm lại, kẻ được gọi là Nho-sĩ hay thông-nho là kẻ ấy rất cần-ích cho mọi người. Bởi trong chữ Nho nó cấu

tạo tất cả là ba yếu-tố, như vậy chứng tỏ đây là con số 3 tròn đầy: thể hiện con người đứng trong Tam-tài: Thiên, Địa, Nhân; chỉ có người đức-hạnh hoàn-toàn mới xứng đáng là bậc “*Thông Nho*”, cho nên kẻ ấy phải hiểu biết: Trên thông thiên-văn. Dưới đạt địa-lý. Giữa quán nhân-sự.

Nay Đạo Cao-Đài được lập tại nước Việt-Nam, Đức Thượng-Đế đến lấy “*Nho-Tông chuyển thế*” mà cốt tủy của đạo Nho là lấy Nhơn-Nghĩa làm đầu; vì thế người Cao-Đài Phải:

- Hằng ngày thực-hành theo chủ-nghĩa Đạo Nho tức là tròn Nhơn-đạo “*Lễ bái thường hành tâm Đạo khởi*”
- Còn việc tu-luyện thì theo Tiên-Đạo: luyện Tinh, Khí, Thần. “*Phép Tiên Đạo tu chơn dưỡng tánh*”.
- Con đường trở về đạt ngôi Phật-Đạo.

Tại sao có chuyện như vậy? Bởi nay Tam-Kỳ Phổ Độ, tôn-chỉ là Qui nguyên Tam-giáo phục nhất Ngũ chi.

Qua lời dạy của Đức Hộ-Pháp, Giáo-Chủ Đạo Cao Đài trong quyển “phương tu Đại-Đạo” rằng:

“Phép Tu chẳng phải luyện nội tinh-thần theo đạo hạnh mà thôi, mà cái thân thể mình đây cũng phải tùy từng phù hợp Đạo-tâm, thể Đạo chơn-chánh bởi gương mình, hễ chúng sanh ngó Đạo nói mình, xem mình cho là Đạo mới phải”

Thế nên: “Người Tu-hành mục-dịch đem cái ân cho người chớ không phải đợi người làm ân cho mình; nghĩa là mình phải lo sự âm no cho bá tánh tức là lo cho ta, bởi Đức Chí-Tôn đã dành phần cho ta một nhiệm vụ đặc biệt là ta phải Phụng-sự cho vạn-linh để giải khổ cho loài người trong lúc họ đang lâm nạn kêu cứu; khi ta làm xong

phận sự thì không còn ai chối cãi rằng ta không phải là ân nhân của xã-hội, chừng ấy ta không muốn về Tây phương họ cũng lập bàn hương-án để đưa ta đăng đên ơn cứu tử”.

Rồi từ bước đi lên trên nấc thang tiến hóa, cho đến cái Đạo ở Đại-học là làm sáng cái đức sáng, làm mới con người và dừng ở chỗ chí thiện. Có câu *“Đại-học chi Đạo Tại minh minh-đức, tại Tân-dân, tại chí ư chí thiện”.*

“Khuôn luật của Đạo Cao-Đài là lo về phần Thế đạo tức là Nho-Tông chuyển thế. Mà Nho-Tông chuyển thế tức nhiên Đạo của Tổ phụ chúng ta từ ngàn xưa để lại. Ấy vậy những yếu-lý của Nho-Tông mới có thể làm mục thước mà định chuẩn thẳng trong khuôn khổ cái sống đương nhiên của mình đang, chúng ta đã ngó thấy Nho Tông của chúng ta là một nền Tôn-giáo xã-hội, đặc điểm của nó là Đức Chí-Tôn đến lập trường Nho-tông trị thế.

Thế nên, tinh-ba của Nho-Tông là gì?

Phải chăng cái chiến-thuật của nó là “Tu thân, Tế gia, Trị quốc, Bình thiên hạ” tức nhiên cái tôn chỉ cao thượng của Đức Mạnh-Tử là câu trên: “Đại học chi Đạo, tại Minh Minh đức, tại Tân-dân, tại chí ư Chí thiện”.

Nhưng thế nào là tu thân?

Từ trước, vấn đề tu thân đã bàn qua nhiều rồi, nay dẫn từ thượng cổ tới giờ, đức Thánh-nhân lấy hai chữ “tu thân” làm căn bản. Hai chữ tu thân đã có từ lâu, nếu chúng ta xem lịch-sử của Nho-Tông thấy nó đã xuất hiện từ đời Huỳnh-Đế, có trên không biết mấy ngàn thế-kỷ trước Thiên-Chúa giáng sanh.

Vậy rất là tối cổ, phương pháp tu thân dù thời đại nào cũng có, chỉ hướng của các Tôn-giáo là phải tu thân lấy mình,

dầu cá nhân, dầu xã hội hay toàn thể hơn loại cũng vậy, tâm đức con người bao giờ cũng có sự mâu thuẫn. Hễ họ nghe thấy điều nào hay, điều nào thiện động họ nhìn một cách chơn thật, nhưng họ không làm. Còn biết chê cái dở, cái ác mà họ lại làm; hai cái đó nghịch cảnh với cái Tâm, không có một vị Thánh nào ở thế gian tìm nguyên lý nó cho động.

*Bởi vậy tâm lý con người hay xu ác mà xa thiện, vì có cho nên các vị Giáo-Chủ lập nên Tôn-giáo dạy phải làm thế nào gọi là tu thân. Dầu cá nhân hay toàn thể hơn loại cũng phải lấy hai chữ “**Tu thân**” làm gốc và chính nó khởi đường cho sự lập đức là “**tại minh minh đức**” vậy.*

Nếu cả thấy đều biết nỗi khổ của hơn loại mà làm phương Tu thân, lập đức thì cái giá trị của thiên hạ thực hiện một cách dễ-dàng và chính những tâm hồn ưu-ái vì Đạo, vì Thấy và vì nhân-loại phải đem cái đức thiêng liêng ấy rải khắp cả thiên hạ thì mới cứu khổ được”.

33- NHÂN

Nhân là Người, giống khôn nhất trong loài động vật.

Tiếng đối lại với mình; như tha nhân 他人 người khác, chúng nhân 眾人 mọi người, vô nhân ngã chi kiến 無人我之見 là không có phân biệt mình với người... thấu được nghĩa này, trong đạo Phật cho là bậc tu được nhân không 人空. Thánh nhân khi chế tác thành chữ đều có dụng ý rất tinh vi: nghĩa là bắt chước theo tượng hình của trời đất mà chế ra VÃN, ứng dụng theo hình thanh mà chế ra TỰ.

Chữ Nhân 人 là người, ứng dụng theo thuyết Thiên địa Âm dương và sách Lễ ký nói: con người là đức lớn của

trời đất, sự giao hợp của âm dương, sự hội tụ linh khí (quỷ thần) của non sông đất nước và tinh túy của năm chất: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ. “*nhân giả thiên địa chi đức, âm dương chi giao, quỷ thần chi hội, ngũ hành chi tú khí dã*”.

Chữ nhân 人: cách cấu tạo theo thuyết âm dương:

- Một phết bên trái (丿) biểu thị cho Dương
- Một nhấn bên phải (㇏) biểu thị cho Âm.

Chữ nhân do cả hai thành phần vừa nêu trên hợp lại, tức là do âm dương phối hợp mà sinh ra. Như lời Kinh Hôn phối:

*Cơ sanh hóa Càn khôn đào tạo,
Do Âm dương hiệp Đạo biến thiên.
Con người nắm vững chủ quyền,
Thay Trời tạo thế giữ giềng nhân luân.*

Như vậy con người được tạo hóa sanh ra tất cả đều bình đẳng, đầy đủ cả thể xác và linh hồn, nhưng ý-thức tâm linh mỗi người không giống nhau. Có người sinh ra là hiểu biết ngay, có người cần phải học hỏi mới hiểu biết được. Vì thế Thánh nhân là người “*Thế Thiên hành hóa*”: Trên thể lòng Trời, dưới phù Chánh Đạo, nên mới lập ra qui tắc, phương pháp, lễ nghi để làm mực thước cho con người chu toàn nhân đạo, đó là đạo làm người: trung-hiếu, nghĩa-nhân, hòa-ái, kính vì. Khi con người chu toàn nhân đạo có thể góp phần vào việc giúp đỡ hoàn chỉnh cái Đạo của Trời Đất, nâng đỡ cho dân sinh: lập đức, lập công, lập ngôn để lại cho đời, thì người đó đã đạt đến bậc Đại nhân.

Có nhiều chữ NHÂN, tuy đồng âm nhưng dị nghĩa:

1- **Chữ 人** là người, có hai nét là do Âm Dương hòa hợp; nét trái là chân Âm, nét phải là chân Dương. Nếu chữ nhân 人 (người) hợp với chữ nhị 二 (là hai) thành ra chữ **thiên** 天. Trong chữ Nhị thì nét nhứt trên chỉ trời, nét nhứt dưới chỉ đất, giữa là chữ nhân đặt vào, như vậy chỉ có người mới được dự vào chuyện của trời đất để hoàn thành Tam tài: Thiên-Nhân-Địa. Người là sản phẩm hoàn hảo nhất của Thượng Đế.

Đức Hộ-Pháp có lời dạy rằng: *“Con người là một động vật ở nơi mặt địa cầu này. Chúng ta nó thấy hiện hữu phải vận hành, phải xao động, bởi nó là động vật, nó phải hoạt động, nếu không hoạt động là chết”.*

2- **Nhân** 仁 Nhân là gì? –Là lòng nhân, hào hiệp, phóng khoáng. Theo phép Lục thư thì chữ **nhân** 仁 do hai chữ: Nhân là người 人 và nhị 二 là hai, ghép lại mà thành, là nói lòng nhân của người, biết thương người mền vật, thể hiện đức hạo sanh của Thượng Đế. Nếu đem chữ Nhị 二 và nhân ghép lại thành ra chữ **nguyên** 元 là đứng đầu tất cả. Phép lục thư có nói:

“Nguyên dĩ Nhị dĩ nhân. Nhân dĩ nhân dĩ nhị”

元 以 二 以 人. 仁 以 人 以 二

- ▣ Chữ nguyên 元 lấy chữ nhị và chữ nhân ghép lại.
- ▣ Chữ nhân 仁 thì lấy chữ nhân 人 và chữ nhị mà nên.
- ▣ Ở trời gọi là **nguyên**, nên quẻ Càn có 4 đức: Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh; mà chữ nguyên đứng đầu.
- ▣ Ở người thì chữ **Nhân** đứng đầu trong năm thường: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín.

Người linh hơn vạn vật là ở đức Nhân “*nhân sở dĩ linh ư vạn vật giả nhân dã*” 人所以靈於萬物者仁也

3-Nhân 因 là đầu mối của sự việc, là hột giống.

Cấu tạo chữ Nhân gồm chữ Đại 大 ở trong và bao quanh ngoài là bộ Vi 匚. Đấy cho thấy điểm khởi đầu nó quan trọng dường nào. Chữ đại 大 là lớn về vật thể. Ví như hột xoài, có lớp vỏ bao, phần trong là chủng tử, là giống, chính nó khi gieo xuống đất để được một cây con mới ra đời. Suy ra chữ “*Nhân quả*” nhà Phật cho biết rằng Phật rất sợ quả nên không gây nhân. Còn chúng sanh cứ nhắm mắt gây nhân, rồi khi gặt hái kết quả xấu thì mới kêu la.

Kết luận: Phật sợ nhân, chúng sanh sợ quả, là thế.

4- Nhân 姻 là chỉ về hôn nhân, nhân duyên. Có bộ Nữ 女 (gái) đứng trước chữ nhân thứ ba 因. Điều này cho thấy rằng trong việc hôn nhân thì vai trò chính là Nữ-phái. Thế mà hầu như ít ai chú ý dạy riêng về phần học vấn, đạo đức, nhân cách cho nữ phái. Nay là thời Hạ nguơn thì đạo đức đã suy đồi trầm trọng, ảnh hưởng ngoại lai rất nhiều, nhưng chỉ ảnh hưởng cái bóng dáng bên ngoài, xấu xa như nhuốt, mà điều tốt nếu có cũng bị khuất trong cái lỗ lảng, tẻ hại. Nếu rác bên ngoài đang thời kỳ kêu cứu, thì rác trong tư tưởng giờ cũng tương đương. Những nhà đạo đức sẽ kêu cứu cùng ai? Trách nhiệm về ai?

Đức Hộ-Pháp đã than dài:

“Ôi! Kiếp sanh tại thế mang xác thịt, hỏi sống được mấy lát? Nội một giấc thức, giấc ngủ là thấy sự chết sống của kiếp con người, mang thi hài bóng dáng này là giả. Cảnh thiệt không phải ở đây, mà cảnh thiệt ở nơi chỗ khác kia, sao không tìm cảnh thiệt là cảnh tồn tại, lại chạy theo bóng? Ước

ao cả thầy biết điều trọng hệ bí-mật đó mà Thương-yêu lẫn nhau, Thương lún Thương càn đi, rồi ngày kia coi có lầm chẳng? Bản-Đạo quả quyết, Ấn Hộ Pháp, Bản-Đạo nắm trong tay, nói chẳng hề sai chạy. Bản Đạo mong ước cả thầy con cái của Chí-Tôn, đừng tưởng mang thi hải này mà Nam Nữ phân biệt đa nghe! Biết đâu trong đám Nữ này, có kẻ đã làm Cha, làm Anh của người nào đó. Giả cuộc đừng coi trọng hệ, cả thầy nên hiểu và từ đây noi theo lẽ thiệt, đừng mơ sự giả, đó là điều mơ vọng ước ao của Bản Đạo hơn hết”.

34- NHỮ 乳

Nhũ là vú, tức là phần nằm trên ngực của người đàn bà dùng cho con bú. Chữ nhũ 乳 gồm các phần sau: Có hai phần: phía trên bên là bộ trảo ㇏ là móng vuốt và dưới là chữ khổng ㇏ (cái lỗ), nghĩa là trong vú có nhiều lỗ, chính là nơi phát xuất những tia sữa cho trẻ con bú; nhưng lỗ này không tính vào Cửu khiếu trong châu thân con người, vì đó là mạch sữa, ứng duyên mà phát sinh, rồi cũng ứng duyên mà tàng ẩn. Tinh huyết của mẹ biến thành giọt sữa. Khi con còn mắng sữa, nhờ sữa mẹ mà nuôi lớn nên người. Con gái hể đến tuổi 16 thì đôi nhũ bắt đầu phát sinh, nhưng đến tuổi 49 (7 x 7) thì đôi nhũ bắt đầu suy giảm, mạch sữa cũng bắt đầu đóng kín và kinh nguyệt cũng bắt đầu ngưng hẳn.. Vú người con gái là do khí Tiên Thiên và Hậu Thiên (Hà đồ -Tiên Thiên và Lạc thư -Hậu thiên) phát sinh ra. Sữa là nguồn sống từ mẹ truyền cho con

Thánh giáo của Bát Nương cho hay Đại Từ Phụ trở pháp về quyền cầm mạng của nhơn sanh và Lục Nương cho biết về sự chuyển pháp làm cho các Đấng vui mừng:

*“Điều Trì Từ Mẫu đẹp dạ không cùng, nhưng vì cái
mừng ấy mà làm cho Người đồ lụy ngâm bài than này:*

*Vú mẹ chưa lìa đám trẻ con,
Độ sanh chưa rõ phận vương tròn.
Quyển cao Ngự Mã là vinh bấy,
Phận mỏng Hiệp Thiên biết giữ còn.
Lọt điểm Thánh tâm trần tục khảo,
Vẻ tươi bợn thế nét dò đôn.
Thà xưa ví bằng nay gịn vậy,
Lòng Mẹ ngại ngừng con hỡi con!*

*Nhị ca ôi! Bài thi làm cho cả Cung Điều Trì đều đồ
lụy. Mấy anh nên lấy nó làm phép hằng tâm, thì bước vinh
diệu thiêng liêng không lạc nẻo.”*

35- NHỰT 日

Xét kỹ **Đức Quyển Giáo-Tông Lê văn Trung**
Thánh danh Thượng Trung Nhựt, Ngài là Người nắm
chữ **Kiên** 乾 trong tay rồi. Chữ Kiên phân tích ra thì phần
bên trái có trên một chữ thập, dưới có một chữ thập, giữa
là chữ nhựt. Như vậy có phải Ngài đã mang chữ **Nhựt**
日 nơi mình có đủ uy-tín để làm Anh Cả của nhân-loại
và toàn cầu không? Ngài là Quyển Giáo-Tông **Thượng**
Trung-Nhựt. Để rồi Ngài mới “*thông công cùng Tam*
Thập Lục Thiên, Tam Thiên thế giới, Lục Thập thất Địa
cầu và Thập Điện Diêm Cung dựng cầu siêu cho cả nhân
loại” được chứ! Nhưng mặt trời chỉ có một; có nghĩa là
trời không hai mặt, đất chẳng hai vua, người không hai
lòng. Nhưng đây là những mơ vọng vì “*Chữ Nhựt*” mà ông
Thái-Ca-Thanh đã bỏ Đạo và tách khỏi Tòa-Thánh để về
quê lập lên phái Minh-Chơn-lý, rồi chính ông Thượng

Chánh Phối-sư Thượng Tương Thanh viết thư khuyên ông Ca nên trở lại Tòa-Thánh cùng chung lo việc Đạo, nhưng trớ trêu thay, ông Ca không trở lại mà ông Nguyễn Ngọc Tương lại tiếp tục ra đi để mở ra phái “*Ban Chính-Đạo*” Bến Tre cho đến ngày nay.

Lời thư ông Tương khuyên ông Ca như vậy:

*“... Anh sẽ thấy rõ các sự Anh đã làm trong một năm rưỡi nay, đối với đạo-đức ra sao, thế nào, xa đạo-đức bao nhiêu dặm, chứng ấy Anh hết lăm nghe Cơ Bút Hậu giảng nữa. Biết được sự thiệt rồi, mau mau tự nhiên Anh sẽ bãi hết các cuộc Anh đương gầy, **giải chức Thái Đầu sư mới của Anh. Vì Anh sẽ thấy rõ chữ NHỰT trong Đạo hiệu Thái-Ca-Thanh của Anh.** Đó là một cái lắt-léo của Cơ để cho Anh biết mà phân biệt chơn giả đó. Trong lòng Anh thiệt hết giận rồi, tự nhiên Anh cũng sẽ thấy rõ ràng là không có Thần hay Tiên Thánh nào xúi Anh thêm nghịch, dạy Anh chia lìa, đốc Anh truyền rao nhục mạ Tây-Ninh rồi lại gia phong cho Anh và các vị theo giúp Anh, hối đốc lập dựng Thánh Thất Cầu Vỹ mà làm Toà Thánh để nhóm Hội-Thánh Tây Ninh, mượn nhà Anh mà làm Hiệp-Thiên-Đài, Anh sẽ thấy rõ ràng là cơ cám dỗ nường cái hơi phiền-phức của Anh và chư vị kia mà phát hiện những sự ấy đáng giúp cho mấy Anh Em được thoả tình tư tưởng”...*

Có lẽ vì ông Thái-Ca-Thanh thích được chữ Nhựt của Đức Lê văn Trung là THƯỢNG TRUNG NHỰT, nên ông tách ra lập Chi phái ở Cầu Vỹ (Mỹ tho) và lấy danh là **Thái Ca Nhựt** ngay, mà khiến ông Tương phải hết lời khuyên nhủ. Nhưng Thầy đã nói rồi, Trời không hai mặt, đất chẳng hai vua, người chẳng hai lòng, qua bài Thi:

Mặt NHỰT hỡi mô thấy xẻ hai?

Có thương mới biết Đấng Cao-Đài,

36- PHÁP 法

Chữ Pháp 法 nghĩa là phép, là phương pháp; cũng có nghĩa là một sự mẫu nhiệm (huyền pháp, tâm pháp...) Phân tích sẽ thấy có hai phần: bên trái bộ thủy 氵 là nước, tức nhiên những chữ nào bắt cứ mà có bộ thủy này đều có liên quan đến nước. Bên phải chữ khứ 去 nghĩa là dùng nước để khử trừ. Như nước pháp mà trong Tôn giáo dùng vào việc Tắm Thánh, Giải oan gọi là Ma-Ha-thủy nên có câu *“Ma Ha thủy năng hủy oan khiên giải trừ nghiệt chướng chi đọa”*. Một âm là khứ chỉ việc đã qua như quá khứ, khứ hồi. Bộ thủy có 3 nét ứng với Tam tài, chữ khứ có 5 nét là lý Ngũ-hành; cộng 3 và 5 là 8 là một Bát quái vô hình, tức là một yếu-tố để chứng tỏ đây là Hư vô Bát-Quái.

Pháp là chủ của vạn-linh:

Kinh Phật-Mẫu có câu:

*“Thiên-cung xuất vạn-linh từng **Pháp***

“Hiệp âm dương hữu hạp biến sanh”

“Bởi do nơi Pháp, vạn-linh mới chủ tướng biến hình, do nơi Pháp mới sản-xuất vạn-linh, cả huyền-vi hữu hình Đức Chí Tôn tạo Đạo do nơi Pháp, chúng ta biết Pháp thuộc về hình thể của vạn linh, vì có cho nên Đạo giáo minh-tả rõ rệt Tam châu Bát bộ thuộc về quyền Hộ Pháp”.

Quyền-hành của Hộ-Pháp:

1- Sao gọi là Tam châu? *“Trong Tứ Đại Bộ châu ở phần thiên-liêng thì Hộ-Pháp nắm ba châu: Đông-thăng thần châu, Tây Ngưu hạ châu, Nam-thiệm bộ châu, đều thuộc về quyền hạn của Hộ-Pháp; còn Bắc Cù Lư châu để*

cho các phần chơn hồn qui vị họ định phận tại nơi đó, định nơi cư trú tại đó. Họ có một quyền-năng vô định chẳng cần chỉ giáo, để đặc biệt một châu cho qui-vị ăn-năn tu họcặng đoạt vị. Ba bộ châu kia do quyền-hạn của Hộ-Pháp giáo-hóa, duy có Bắc Cù Lư châu Ngài không thường ngó tới lắm, để cho họ tự-do làm gì thì làm: khôn nhờ đại chịu.”

2- Bát bộ là gì? – Là nơi Bát phẩm chơn-hồn chỗ có chi đầu! Tám hồn là: vật-chất-hồn, thảo-mộc-hồn, thú cầm hồn, nhơn-hồn, Thần-hồn, Thánh-hồn, Tiên Hồn, Phật-hồn. Tám bộ ấy thuộc quyền HỘ PHÁP THIÊN-VỊ nơi Đức Chí Tôn gọi đến tạo cơ-quan tận độ chúng sanh không còn ai khác hơn Hộ-Pháp. Chính Hộ-Pháp trách nhiệm ấy.

Đạo phục của ĐỨC HỘ-PHÁP:

Bộ Tiểu phục thì toàn bằng hàng vàng (màu Đạo), đầu đội Hồn-Nguơn-Mạo màu vàng, bề cao một tấc ngay trước trán chính giữa có thêu ba Cổ pháp của Tam giáo là Bình Bát vu, cây Phất chủ, Bộ Xuân thu, ngay trên ba Cổ pháp ấy có **chữ Pháp** 法. (PCT)

Hộ-Pháp là người của cung Hồn-Nguơn-Thiên (số 11), thế nên trên bàn thờ của Hộ-Pháp có cả thầy 11 cúng phẩm, đúng ra đó là quả Bát-Thuần-Càn, chứng tỏ Ngài là người đã thay Trời tạo thế trong buổi Tam-Kỳ Phổ-Độ này, từ đó những vấn-đề có liên-quan cũng phải đúng vào con số biểu-tượng là 11, mới đúng thời, đúng lúc đó vậy. Chiếc Mào của Ngài đội có tên là “Hồn-Nguơn-Mạo”. Bề cao một tấc trước trán (số 1).

Số 1 là số đầu tiên sau số 0, tức là cái nguồn sanh hoạt trước nhất để biến-vi hữu-tướng. Số 1 chỉ về Thái-cực tức Dương, người mang số này có tánh chuyên nhất và cảm

quyền vi chủ. Số 1 là số động, nó vốn là lý Thái-cực suy ra nên nó huyền-diệu, nhiệm-mầu, hiện biến. Ngôi số 1 thuộc về ngôi Phật chủ quyền cai trị và giáo-hóa vạn-linh.

Tại sao phải đặt trước trán?

– Bởi Đạo là lấy chính trung, nên chỉ đặt ở trán là điểm giữa của mặt. Lại nữa chính giữa “*có thêm ba Cổ pháp của Tam giáo*” là Xuân thu, Phật chủ và Bình Bát vu.



Nay đứng đầu của Tam-giáo thì có ngôi “*Chuông Pháp của ba phái là Thích, Đạo, Nho. Nghĩa là mỗi phái là một vị, mà ba Đạo vẫn khác nhau; nội dung, ngoại dung đều khác hẳn, luật-lệ vốn không đồng chỉ nhờ luật-lệ làm cơ qui nhứt*”.

“*Mỗi Chuông-Pháp phải có ấn riêng:*

- ▣ *Thái Chuông-Pháp thì Bình-Bát-vu,*
- ▣ *Thượng Chuông-pháp thì cây Phất-chủ,*
- ▣ *Ngọc Chuông-Pháp thì bộ Xuân thu.*

Hiệp một gọi là Cổ pháp. Ba cái Cổ-pháp ấy vốn của Hộ Pháp hằng kính trọng. Nơi Mão Tiểu-phục của Người phải có ba Cổ-Pháp ấy” (PCT)

(xem thêm về Cổ-Pháp).

Đức Hộ-Pháp là Người của Cung Hồn-Nguơn Thiên, nên kinh Đại Tượng có câu:

*Hồn Nguơn Thiên dưới quyền Giáo-chủ,
Di-Lạc đương thâm thủ phổ duyên.
Tái sanh sửa đổi chơn truyền,*

Khai cơ tận độ Cửu tuyến diệt vong.

“Hộ-Pháp là thể các Đấng trọn lành, Người lại giao quyền cho Thượng-Phẩm lập Đạo, đặng dìu-dắt các chơn hồn lên tột phẩm-vị của mình, tức là nâng-đỡ binh vực cả Tín-đồ và Chức-sắc Thiên-phong ngồi an địa-vị, cũng như chư Thần, Thánh, Tiên, Phật điều-đình Càn Khôn thế giới cho an-tĩnh”.

“Chơn đi hia, trên chót mũi hia có chữ “PHÁP”.

Chữ **Pháp** 法 thấy có hai phần ấy là Âm Dương tương hiệp. Với nền Tôn-giáo, chỉ duy các Chức-sắc Đại Thiên phong mới được phép mang hia hoặc giày vào châu lễ Chí-Tôn, nhưng các giày hay hia này chỉ dành riêng sử dụng trong lúc châu lễ Chí Tôn mà thôi. Trước mũi hia có chữ **“Pháp”** 法 chỉ nghĩa rằng Ngài Chưởng-quản *“Chí Pháp”* là một trong ba chi *“Pháp-Đạo-Thế”*.

B- PHẦN TỪ NGỮ



1. ÂM DƯƠNG 陰 陽
2. BÁC-ÁI 博 愛
3. BÁT ÂM 八 音
4. CAO-ĐÀI 高 臺
5. CÀN KHÔN 乾 坤
6. ĐÀI-ĐẠO TAM-KỲ PHỔ-ĐỘ 大 道 三 期 普 渡
7. CẦU NGUYỆN 求 願
8. CỬU-TRÙNG-ĐÀI 九 重 臺
9. CHUNG ĐÌNH 鍾 鼎
10. ĐẠI-ĐỒNG 大 同
11. ĐẠO TÂM 道 心
12. LONG TU PHIẾN 龍 鬚 扇

1- ÂM DƯƠNG 陰 陽

E: Yin and Yang

F: Yin et Yang

Giải thích chữ Âm Dương bằng chiết tự.

– Chữ **ÂM** 陰 bên trái có bộ Phụ 阝 là núi đất; bên phải phía trên là chữ Kim 今 có hình như cái nóc nhà, bên dưới chữ Vân 云 ý nói bị che khuất nên tối tăm. Do đó Âm là chỉ phía mặt trời bị che khuất. Bởi, phía có mặt trời chiếu vào thì sáng sủa ấm áp, cây cối phát triển; còn phía ánh sáng mặt trời bị che khuất thì tối tăm, lạnh lẽo, cây cối không phát triển.

– Chữ **DƯƠNG** 陽 gồm 2 phần: Bên trái là bộ Phụ 阝 là núi đất, bên phải có chữ Nhật 日 là mặt trời

đứng trên đường ngang, ý nói mặt trời đã mọc lên khỏi đường chơn trời, bên dưới là chữ Vật 勿 vẽ hình giống các tia sáng rọi xuống. Do đó, chữ Dương có nghĩa là phía có ánh sáng mặt trời chiếu vào, nên sáng sủa.

Như thế nghĩa của Âm Dương lúc khởi đầu của nó là sự Tối Sáng; suy ra các nghĩa khác là hai cái tương phản nhau mà có cùng nguồn gốc như: lạnh – nóng, đêm – ngày, nữ – nam, ác – thiện, xấu – tốt, đục – trong... Và hai Khí do Thái Cực biến hóa sanh ra cũng được gọi là hai Khí Âm Dương, vì hai Khí này có đặc tính trái ngược nhau mà không tương hại. Tương khắc mà tương hòa, tương sanh mà tương diệt là vậy.

Tại sao gọi Âm Dương mà không gọi Dương Âm?

Bởi Dương có tính phát tán, còn Âm thì tụ hội, cho nên Âm luôn bao bọc Dương, cũng như một trái cây: phần mềm là Âm, còn hột cứng nằm bên trong là dương, là hột giống để gieo trồng lại cho lần sau. Cũng như nói “*vợ chồng*” chứ không nói chồng vợ. Trong gia đình được hạnh phúc hay không là do bàn tay người vợ hiền. Nếu trái lại thì hạnh phúc bị đe dọa. Người đàn bà là cái nôi ấp áp cho một gia đình hạnh phúc. Thế nên, khi người con trai lớn lên đến tuổi trưởng thành thì có vợ, vợ là người để bảo vệ cái gia sản tinh thần cũng như vật chất cho người chồng, làm quân bình cho cuộc sống.

1– Đạo là Dịch: Không một ai phủ nhận, nhưng khi vào nghệ thuật như Âm nhạc Việt-Nam, hay nói chung là Nhạc Dân tộc cổ truyền thì không thể thiếu tinh-thần Dịch lý để điều-hoà từ Âm thanh đến tiết tấu. Càng không thể không biết Dịch, khi Thánh-nhân chế tác các loại đòn đã áp dụng Dịch-học vào nghệ thuật một cách

sâu sắc. Xưa Vua Phục-Hi là một nhà thông minh huệ trí, ngẩng lên thì ngắm Thiên-văn, cúi xuống thì xét lý Âm Dương, chẵn lẻ, vì cơ đó mới vạch thành nét: Một nét liền tượng Dương  một nét đứt tượng Âm  (Đây cũng là do theo lý tính của người mà phân biệt Âm Dương, Nam Nữ. Chỉ một Âm, một Dương làm đầu mối cho muôn ngàn sự vật trong cõi đời này. Cả thế-giới hữu hình lẫn vô hình, chính hai ngôi này làm khởi thủy, như cha và mẹ trong gia đình; vạn-vật là đực cái, trống mái. Người dân-tộc Campuchia hay Chàm họ cũng biết đến hai ngôi này, họ cũng lấy vật Tổ để thờ gọi là “Linga” tức là hình ảnh “*chày đặt lên cối*” cũng là hình ảnh Âm Dương, nhưng suy-nghĩ của họ còn nằm trong thời ấu-trĩ, tức là còn bán khai, chưa tiến-hoá. Dịch-học gọi đây là Lưỡng-nghi (Lưỡng nghi tức là hai ngôi Âm Dương), cũng gọi là Kiền Khôn. Hai ngôi tác động lên nhau thì có biến-hoá. Sự biến-hoá ấy giống như một tế-bào cứ tăng gấp đôi lên: một sinh hai, hai sinh bốn, bốn sinh tám. Khoa toán học gọi là theo luật song tiến-số. Dịch-học gọi là Lưỡng-nghi sinh Tứ tượng, Tứ tượng biến Bát Quái, Bát-Quái biến hoá vô cùng mới thành ra Kiền Khôn thể giải.

2-Thành lập nên quẻ KIỀN KHÔN

Biến-hoá lần này là qua hai giai-đoạn: thêm âm, thêm dương lên ngôi Dương thành ra hai nét dương  gọi là Thái-dương số 1, lấy Dương làm gốc, cho một âm đặt lên dương nữa sẽ có dạng là  gọi Thiếu-âm số 2.

Bấy giờ đến ngôi Âm biến-hoá cũng như trên, lấy âm làm gốc, thêm dương lên sẽ có một dương một âm  gọi là Thiếu-Dương số 3, nếu tiếp-tục thêm âm sẽ có hai âm  gọi là Thái Âm số 4. Lưỡng-nghi sanh

Tứ-tượng là lần biến-hoá ở giai đoạn này, tức nhiên hai nghi sinh được 4 tượng là Thái dương số 1, Thiếu-âm số 2, Thiếu dương số 3, Thái-âm số 4.

Gọi là **tượng**, tức là tượng hình, mỗi tượng chỉ có **hai vạch** thôi. Vạn-vật biến-hoá không ngừng, thế nên Tứ tượng cũng biến-hoá theo qui-tắc như trên. (Lưu ý là Âm Dương luôn đi liền nhau, chứ không bao giờ hai Âm hay hai Dương kề nhau) Tức nhiên lần này Tứ tượng biến Bát Quái, gốc Tứ-tượng vẫn đặt ở dưới, Ví như:

1-Thái-Dương qua hai lần thêm dương, thêm âm lên trên thành ra lần đầu có 3 nét dương tạo thành quẻ KIẾN  Kiến vi Thiên (Kiến là trời) là quẻ số 1.

Lần sau thêm lên nét âm thành quẻ ĐOÀI  tức là có một Âm trên hai Dương. Đoài vi Trạch số 2. Trạch là hồ, đầm, ao...

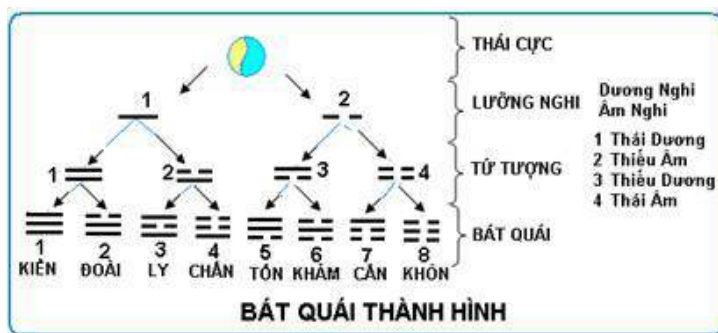
2-Thiếu-Âm cũng qua hai lần thêm dương, thêm âm thành ra quẻ LY  Số 3, Ly vi hoả (ly là lửa), tiếp theo là quẻ Chấn vi Lôi số 4, CHẤN  là sấm.

3-Thiếu-Dương cũng qua hai lần biến sẽ có quẻ số 5 là TỐN  Tốn vi phong (Tốn là gió). Quẻ số 6 là Khảm vi thủy, KHẢM  (Thủy là nước).

4-Thái-Âm qua hai lần biến-hoá như trên, sẽ cho ra hai quẻ là CẤN  số 7 và KHÔN  số 8

Bấy giờ tất cả được hoàn thành ra Bát Quái là Kiến, Đoài, Ly, Chấn, Tốn, Khảm, Cấn, Khôn.

Đây là bảng tóm tắt về Bát Quái:



Đặc tính của Dịch là Âm Dương luôn đi liền nhau, không bao giờ có trường hợp hai Âm hoặc hai Dương đi cạnh nhau. Nhất là Thiếu Âm là gốc của Dương nghi, thì hào Âm phải ở trên dương, vì Thiếu âm là Âm trẻ, tức là âm mới sinh, tương tự thiếu Dương cũng vậy.

Vì sao phải học DỊCH?

– Vì Càn Khôn là hai cánh cửa để đi vào Đạo Dịch. Kinh Cao-Đài ngày nay luôn hiển hiện hai chữ CÀN KHÔN. Lại nữa những phương pháp chế tác Nhạc cũng như tạo ra các Nhạc khí, nhạc cụ đều dùng đến cách án Tam tài, Bát phương, Bát hướng... đâu đâu cũng hiển hiện tinh thần Dịch-lý trong đó. Dịch là trọng yếu của môn Âm Nhạc Cổ truyền Việt-Nam đó vậy..

Đạo Cao-Đài là thể hiện của Dịch, từ nghi thức cúng kính thờ phượng, kinh kệ, đến cả lối kiến trúc Đền Điện, nhất là Đền Thánh là ẩn tàng một sự biến hóa vô cùng của Dịch. Là biểu hiện một “Kim-Tự-tháp” tức là dạng thức cái tháp hình chữ KIM 金. Dịch là Đạo vậy.

Nhất là Đông-y đã hiển hiện tinh thần Dịch lý một cách sâu sắc. Chuyện đơn giản như việc gói thuốc Bắc chẳng hạn: phải dùng giấy vuông, bốn cạnh, là Tứ tượng. Xếp theo đường chéo thành Tam Tài, bật một chéo nữa vào, ấy Lưỡng nghi; cho hai chéo còn lại vào giữa, là trở về Thái cực. Bấy giờ cột dây ràng qua bốn cạnh và cái gút dây nằm chính giữa gói thuốc là Ngũ hành.

Thế nên Ông Nguyễn Đình Chiểu có viết rằng:

“Đạo Y nửa ở Dịch Kinh,

“Chưa thông lý Dịch sao rành thuốc Y?”

Tính chất của Âm Dương:

Một Âm 陰 một Dương 陽 mà sinh sinh hóa hóa nên mới nói rằng “sinh sinh chi vị Dịch” 生生之謂易. Tức là sự sinh hóa của trời đất khởi đầu do cái Âm Dương Nguyên-Thủy làm nền tảng, làm gốc cho sự sinh, thì Kiên Khôn tức là cửa khép mở để vào toà lâu đài Dịch vậy.

Kiên là quẻ ba vạch liền ☰ (tượng bằng số 1)

Khôn là quẻ ba vạch đứt ☷ (tượng bằng số 0)

– Dương thì động, cứng rắn, phát tán.

– Âm tính thuận, co rút, âm-thâm.

Lý Âm Dương vô-cùng-tận vậy, nhưng chỉ có Hòa thì mới Bình gọi là Hòa-Bình. Hòa phải hiệp nên gọi là Hòa-Hiệp đó là cơ đặc Đạo vậy.

Nguyên-lý: Trời đất có Âm Dương, vạn-vật có thể phách, nhưn loại có xác hồn; sự sống của vạn-loại trong Càn Khôn thế giới chỉ nhờ có vật-chất và tinh-thần tương hiệp mới thành hình. Xác phải phù-hợp với hồn, cũng như vật chất phải phù-hợp với tinh-thần trở lại vô-vi, vô-vi

cùng hữu-hình phải tương-đắc...

Ngôi Âm và ngôi Dương ấy gọi là Lưỡng-nghi (tức là hai ngôi). Lưỡng-nghi là cơ Âm Dương phối-hợp thì bất cứ vật chi chi trong trời đất này cũng đều do Âm Dương mà sản-xuất, cũng gọi là Lý Nhị nguyên đó vậy.

Âm với Dương vốn là cơ động tĩnh, mâu-thuẫn nhau, tương-khắc mà lại tương-hòa. Hai cái lý đối-nghịch nhau để hỗ-trợ lẫn nhau chớ không phải để tiêu-diệt nhau.

Trời có sáng tối; Người có Nam, Nữ; Vật có cứng mềm; đất có nắng mưa; vạn loại có trống mái; cho chí đến loài cây cỏ mới nảy chồi thì ra hai lá đầu tiên, ấy là hình tượng của Âm Dương đó (gọi là song tử điệp).

Âm Dương vốn là cơ sản-xuất, nhưng trong Dương có Âm và trong Âm có Dương. Nho-gia gọi là “*Vạn-vật phụ âm nhi bảo dương, trung chí dĩ nhi Hoà*” 萬物負陰而抱陽 中至以而和 (Tất nhiên vạn-vật ôm-áp Âm Dương, đến mực trung thì gọi là hòa)

Khi nói đến TRUNG tức nhiên là nói đến CHÁNH, hai chữ trung-chánh này nắm cả then chốt của Đạo Dịch:

- Dịch khiến cho thiên-hạ không trung trở về chỗ trung.
- Dịch khiến cho thiên-hạ không chánh trở về chỗ chánh.

Trung Chánh mà lập lại đặng rồi thì cuộc biến-hóa của vạn-vật được thông vậy.

2- BÁC-ÁI 博愛

Bác 博 thuộc về bộ thập 十 và chữ chuyên 專 là chữ đi rộng khắp. Ái 愛 là yêu thương, bộ tâm 心 đặt ở giữa của chữ, chứng tỏ rằng tình thương sâu kín trong lòng, chứ không phải là thứ tình hời hợt. Tình yêu thương này xuất phát từ trong trái tim con người. Bác ái là tình thương lớn rộng, là con đường trở về đã vạch sẵn trong nguơn hội này:

“Bác-ái là để thi tiến-hóa,

“Nghĩa-nhân ấy định phép duy tân.”

Đức Phật Quan-Âm Bồ-Tát dạy về “đề tài Bác-ái”:

*“Các em có hiểu vì sao mà phải khai rộng cho đến lòng BÁC-ÁI chẳng? –Vì vạn-vật do Đức Từ-bi mà sanh hóa trong cả thế gian, vậy vạn-vật đồng nhứt thể. Tánh háo sanh của Đức Từ-bi cũng nhân đó mà vô biên vô giới, còn chúng ta lại là một loài trong vạn-vật, thì chúng ta cũng ở trong luật hóa sanh ấy. Vì vậy mà hễ giết một mạng sống thì đau lòng Đức Từ-bi, mà hễ đau lòng Đức Từ-bi thì Thiên sâu địa thẳm. Các em thử nghĩ người tục có dám phạm đến oai Trời chẳng? Cứ do đó thì ta đã rõ rằng: **Ta phải mở lòng Bác ái, thương xuống đến các vật yếu hèn.***

*– Một là tránh khỏi sa vào Luật quả báo, vì Luật Thiên-diệu chẳng hề vị ai. Tuy mắt thịt không bao giờ thấy được, chứ kỳ thiệt một mảy lành dữ không qua được. Các em có lẽ hiểu câu “**Thiên võng khôi khôi sơ nhi bất lậu**”. Ấy là một lẽ;*

– Còn một lẽ nữa là người sanh trong cõi trần, Đức Đại-Từ-bi ban cho một tánh tối linh hơn vạn vật; là có ý để thay thế cho Người mà điều-dắt loài yếu hèn hơn.

Các em thử xét, nếu cha phạm mà rui có một đứa con bất hiếu, thì có phiền không? Còn Đức Đại-Tử-bi rui có đứa con không lòng Bác-ái thì thế nào? Mà người có nên trái lòng Trời là Đức Đại-Tử-Phụ chăng?”

■ (TN II /86)

Dịch nói “*Chúng dĩ quả vi chủ*” 眾以寡為主 nghĩa là trong số đông thì lấy phần ít làm chủ. Hãy nhìn lại Tượng Ngũ Chi thờ trên Thiên Bàn, có 8 hình tượng của các Đấng Giáo chủ, duy chỉ một Đức Quan-Âm là Nữ, tức là Nữ Phật Tông. Trong ngươn hội Cao Đài, Ngài thay mặt Phật giáo, là Nhị Trấn Oai Nghiêm, tượng đức BI, là một trong ba đức BI-TRÍ-DŨNG. Tức nhiên nhân sanh nhìn vào đó để lãnh hội ba đức cao thượng ấy, là Tinh-Khí-Thần hiệp nhất. Duy có đức Bi chính là tinh thần BÁC-ÁI rất là trọng hệ. Tinh thần Bác-ái phải được làm CHỦ trong ngươn hội này như lời Thầy dạy: là Để thi tiến hóa.

Vì sao?

– Vì nhân loại ngày nay cái TRÍ quá mực thường rồi. Chính cái tài trí đó của những nhà Bác học, Nguyên tử học chế ra không biết bao thứ để giết người hằng loạt trong một nháy mắt thôi.

– Về DŨNG thì càng nguy hiểm hơn, giả sử như bao vấn đề khủng bố, ôm bom tự sát để giết người hằng loạt thì họ cũng có thừa cái Dũng rồi.

– Duy thiếu đức TỬ BI – BÁC ÁI mà thôi. Nếu họ có bác ái thì họ biết quý mạng sanh của chính mình, không hủy hoại một cách vô lối và cũng không bao giờ hủy mạng sống của người khác. Người có lòng Bác ái thì

cũng không sát hại sanh vật mà làm thức ăn cho rằng béo bổ... Chính vì lòng BÁC-ÁI khô cạn, Thấy mới đến ban cho nền Đại-Đạo hầu thức tỉnh nhân loại hãy biết dừng lại con đường tranh đấu là cơ tự diệt.

Sát sanh nhiều cũng là cơ tự diệt, vì động vật ngày nay mang nhiều mầm bệnh làm chết người.

Hãy biết giữ Ngũ giới cấm nhất là “*Tam bất Tà dâm*” để khỏi vương mang vào người một thứ bệnh hiểm nghèo mà chưa có thuốc nào diệt được thứ siêu vi trùng ấy.

Có bao giờ chúng ta nghĩ rằng tại sao các loại gia cầm, gia súc, động vật hoang dã... cho đến loài thủy sản, san hô... rất nhiều, rất nhiều thứ chết hàng loạt, hàng loạt mà lịch sử nhân loại chưa bao giờ có không? Nay là cơ Đại-Ân-Xá của Chí-Tôn, chúng được phóng thích ra khỏi vòng chết chóc dưới lưỡi dao oan nghiệt của con người: nào cắt cổ, nhổ lông, nào giết chóc đủ cách để phục vụ cho miếng ăn, phải qua giai đoạn băm xắt, nấu nướng rồi một phen vào bụng con người: là vào “*Nhứt Tỷ*” ở đó, ấy là nghĩa địa chôn xác thú vật; chịu cho đến khi con người thật sự ra “*Nhị Tỷ*” là nghĩa địa của con người, thì nó mới được thoát vòng oan trái. Nay chính vì dịch bệnh nên người phải quăng tất cả các súc vật bệnh vào lửa thiêu xác thì nó mới hóa kiếp mau mà thôi.

Vì sự khủng hoảng bởi khí hậu toàn cầu ấm lên mà làm cho băng Bắc cực tan nhanh khiến lũ lụt, ngập tràn xuống miền lục địa gây chết chóc, mất nhà cửa, của cải, nghèo khổ... Thế giới bây giờ thấy rõ nạn nuôi súc vật lấy thịt là một sự thiệt hại lớn, tốn kém nhiều, gây ô nhiễm môi trường nặng-nề, đang báo động và sau cùng kêu gọi “*ĂN CHAY TRƯỜNG*”. Sự kiện này lạ thường cũng như

hai quả bom nguyên tử rơi xuống Nhật bản vậy. Nhưng đối với Tôn giáo nó là một việc thường, là cơm ăn nước uống thường ngày mà thôi. Tuy nhiên dù trễ nhưng chưa muộn.

Hỏi vậy Đạo Cao-Đài có bắt buộc ĂN CHAY TRƯỜNG không? –Trên nguyên tắc thì không. Vì Tân luật được ban hành trong thời Đạo mới khai nên Luật không buộc mà Tân luật chỉ qui định:

TÂN LUẬT – Chương II: Người giữ Đạo

- **Điều Thứ Mười Hai:** Nhập môn rồi gọi là tín đồ. Trong hàng tín đồ có hai bậc: – Một bậc còn ở thế, có vợ chồng làm ăn như người thường, song buộc phải giữ trai kỳ hoặc 6 hoặc 10 ngày trong tháng, phải giữ Ngũ Giới Cấm và phải tuân theo Thế Luật của Đại Đạo truyền bá. Bậc này gọi là người giữ Đạo mà thôi; vào phẩm Hạ thừa. – Một bậc đã giữ trường trai, giải sát và Tứ đại điều qui, gọi là vào phẩm Thượng thừa.
- **Điều Thứ Mười Ba:** Trong hàng Hạ thừa, ai giữ trai kỳ từ mười ngày sắp lên, được thọ truyền bửu pháp, vào Tịnh thất có người chỉ luyện Đạo.
- **Điều Thứ Mười Bốn:** Chức Sắc cai trị trong đạo từ bậc Giáo Hữu sắp lên, phải chọn trong bậc người Thượng thừa mà thôi”.

Luật Hòa ước trên Tượng Tam

Thánh buộc trường trai

– Trên tay Đức Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm cầm bút lông (lông thỏ hoặc lông mèo là tượng thú, bốn chân) chỉ loài hạ thú..

– Trên tay của Đức Victor-Hugo cầm bút lông chim (tượng loài thượng cầm).

Chính đây gọi là Thiên Nhân Hòa ước, tức là loài người ký hứa với Đức Thượng Đế phải BÁC ÁI và CÔNG BẰNG với tất cả. Qua lời Kinh Sám hối rằng:

*Thượng cầm, hạ thú lao xao,
Côn trùng, thảo mộc loài nào cũng linh.*

Nó cũng muốn như mình đang sống,
 Nỡ lòng nào tuyệt giống dứt loài,
 Bền công Kinh sách xem coi,
 Vô can sát mạng thiệt thòi rất oan.

3- BÁT ÂM 八 音

Bát âm là tám thứ tiếng về Nhạc:

Bát 八 là tám. Âm 音 là âm thanh. Bát âm gồm có:

1. **Biểu** 瓢 là quả bầu, xưa dùng trái bầu để thật chín, khô vỏ, lấy hết ruột ra (tiếng sên)
2. **Thổ** 土 là đất (tiếng trống đất)
3. **Cách** 革 là da của con trâu lấy ra phơi khô, căng thẳng ra dùng bịt trống (tiếng trống da)
4. **Mộc** 木 là cây gỗ (tiếng mõ gỗ)
5. **Thạch** 石 là đá (tiếng đá)
6. **Kim** 金 là kim loại (tiếng chuông đồng)
7. **Ty** 絲 là sợi tơ (tiếng dây đàn).
8. **Trúc** 竹 là tre hoặc trúc (tiếng ống sáo tre)

Nhạc khí của dân tộc Việt-Nam dùng đến bát Âm này, mà Đạo Cao-Đài chỉ sử dụng Bát âm này mà thôi.

Đức Hộ-Pháp nói: “Bởi có nên dùng đến những vật Bát âm, nó đã chết đi rồi như cái trống chẳng hạn, tám da trâu ấy đã chết, mà với sự khôn ngoan loài người mà nó có tiếng kêu được tức là làm cho nó sống lại được, nghĩa là Bát Hồn ấy vận chuyển sống lại mà đánh lễ Đức Chí Tôn, vì có nên khi nghe NHẠC TẤU QUẦN THIÊN là có âm thanh sắc tướng, song hiểu xác ý: khi dâng lễ Chí-Tôn qui pháp định, thấy và nghe cả Bát Hồn vận-chuyển dâng cái

sống cho Ngài”.

Thế nên, trong các thời Đại-đàn dâng lễ Đức Chí Tôn có Đờn bảy bài, do Thánh-giáo Đức Chí-Tôn dạy về ý-nghĩa của bảy bài đàn ấy, bởi trong các bài đàn này là thể hiện đủ tám món nhạc khí của dân-tộc Việt-Nam. Chỉ duy hiển lễ cho Chí-Tôn Ngọc-Hoàng Thượng-Đế mới có bảy bài ấy mà thôi:

1. **Xàng xê** là khi trời đất mới sơ khai, chưa phân thanh trước, thuở còn hỗn độn.
2. **Ngũ Đối thượng** hay là bài thượng, là khí thanh bay lên làm trời.
3. **Ngũ đối hạ** hay là bài hạ, là lúc khí trước lắng xuống thành đất.
4. **Long đằng** là mặt nhật chiếu sáng, sức nóng làm cho nước bốc lên thành mây.
5. **Long ngâm** là lúc mây gặp khí lạnh nên tụ lại thành mưa, từ trên trời rơi xuống.
6. **Vạn giá** là muôn vật đã định rồi, ấy là lúc nước hợp với đất biến sanh, khiến sản-sanh ra vạn-vật, gọi chung là chúng-sanh.
7. **Tiểu khúc** là những vật nhỏ-nhút đều có định luật của nó, khi đất biến ra ngũ-hành sanh ra kim-thạch, thảo mộc, thú cầm đến loài người...

4- CAO-ĐÀI 高臺

CAO 高 (10 nét) là trái lại với thấp. **Đài** 臺 (12 nét) là cái đài, xưa nấu cầu chư Tiên thường cất một cái Đài cao bằng tranh lá, rồi lên đó thỉnh cầu cho được thanh khiết, yên tịnh, còn gọi là Thảo đài.

Cao-Đài là Tòa ngự của Đức Chí-Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế đến để dạy Đạo nơi Nam phương, tức là miền Nam của Việt-Nam này làm khởi điểm. Lấy danh của Đức CAO-ĐÀI gọi nơi Tòa ngự của Ngài là Cao-Đài.

Xét về số thì chữ CAO 高 (10 nét) ứng với Thập Thiên Can. ĐÀI 臺 (12 nét) ứng với Thập Nhị Địa chi. Như vậy chỉ riêng hai chữ Cao-Đài đã nói lên quyền năng tối thượng của Đấng Thượng Đế đến trong ngươn hội này.

Kinh Phật-Mẫu có câu:

*Thập Thiên Can bao hàm vạn tượng,
Thập Nhị Địa Chi hóa trường Càn khôn.*

Tại sao gọi là CAO-ĐÀI?

Có nhiều Hội-giáo đã lập thành có trót trăm năm trước khi mở Đạo đặng dạy lần cho Vạn-quốc rõ thấu chánh-truyền.

“Ngày nay Thấy mới đến lập một cái CAO-ĐÀI 高臺 nghĩa là Đền thờ cao trọng hay là Đức-tin lớn tại thế này (La haute Église ou plus grande foi du Monde) làm nên nền Đạo; lại mượn một sắc dân hèn-hạ nhỏ-nhút của hương Á-Đông là An-nam ta, đặng cho trọn lời tiên tri “**Đạo xuất ư Đông**” 道出於東 và cho trúng Thánh-ý chịu lụy hạ mình của Thấy lập thành Hội-Thánh, làm hình thể Thiêng-liêng của Thấy hầu cảm cho đặng dùi trống Lôi Âm giục giọng truy hồn, nắm cho chặt chày chuông Bạch Ngọc đặng trời hơi định-tánh làm cho cả con cái của Thấy thức tỉnh, nhìn Thấy mà trở về quê cũ” (PCT)

Chúng sanh niệm danh Ngài là “**Nam-mô Cao-Đài Tiên Ông Đại Bồ-Tát Ma Ha-Tát**” (12 chữ). Danh niệm này là qui cả ba Tôn giáo: Nho-Thích-Đạo gọi là Đại Đạo

Tam-Kỳ Phổ-Độ.

- **Cao-Đài** là tượng-trưng Nho-giáo,
- **Tiên-Ông** tượng trưng Lão-giáo hay Tiên-giáo.
- **Đại-Bồ-Tát Ma-Ha-Tát** tượng trưng Phật-giáo.

Như vậy Vị Giáo-chủ vô-vi của nền Đại-Đạo là Cao-Đài Tiên-Ông Đại-Bồ-Tát Ma-Ha-Tát, danh hiệu ấy cũng gọi là “*câu chú của Thầy*” ám chỉ rằng: Giáo lý Đại Đạo là “*Qui nguyên Tam Giáo phục nhứt Ngũ Chi*.”

Câu chú của Thầy có 12 chữ là gồm cả Tam-giáo.

Số 12 là số riêng của Thầy, theo lời Thầy giảng:

“Thập nhị khai Thiên là Thầy, Chúa cả Càn khôn thế-giới, nắm trọn thập nhị Thời Thần vào tay. Số mười hai là số riêng của Thầy” (TNI/12)

Ngày nay Đức Chí-Tôn dùng Câu Chú này có mục đích Qui Tam giáo Phục Ngũ Chi, tức là đem Tam-giáo Phật-Lão-Nho về một gốc, Ngài là Chí-Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế làm Giáo-chủ.

Trong bài cơ, đề ngày 5 tháng 8 Bính-Dân (Samedi 11 Septembre 1926) Thầy có giải-thích về ý nghĩa danh niệm ấy như sau:

“Các con nghe: Các con coi bậc Chí-Tôn như Thầy mà hạ mình độ rồi như sanh là thế nào, phải xưng là một vị Tiên-Ông và Bồ-Tát, hai phẩm chót của Tiên, Phật. Đáng lẽ thế thường phải để mình vào phẩm tối cao tối trọng; còn Thầy thì khiêm nhường là thế nào? Vì vậy mà nhiều kẻ Môn-đệ cho Thầy là nhỏ. Cười...”

Hạnh khiêm-nhường là hạnh của mỗi đứa con, phải noi theo gương Thầy mới độ rồi thiên hạ đặng. Các con phải

khiêm nhường sao cho bằng Thầy. Thầy lại nói, buổi lập Thánh-Đạo, Thầy đến độ rồi kẻ có tội lỗi. Nếu đời không tội lỗi đâu đến nhọc công Thầy.

Ấy vậy các con răn độ kẻ tội lỗi, là công lớn làm cho Thầy vui lòng hơn hết”.

Niệm danh Thầy để được giải thoát...

Đức Hộ-Pháp giải trong Con đường Thiêng-liêng hằng sống có nói: “Hồi thử tội tình của chúng ta đã làm trong kiếp sanh, Đức Chí-Tôn để trong phương-pháp nói rằng Tội tình các con đẩy dẫy nơi mặt địa cầu này mà đến giờ chót, các con biết kêu danh Thầy thì Thầy đến cứu, Thầy đem Bí-pháp giải thoát để trong tay các conặng các con đoạt chơn pháp giải thoát đó vậy. Kêu danh Thầy là “**Nam-Mô Cao-Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma-Ha-Tát**”.

Hôm nay Thầy đã đến với dân tộc Việt-Nam trước nhứt, có lời xác nhận rằng:

CAO-ĐÀI tá thế đến phạm gian.
Bạch-Ngọc, Huỳnh-Kim cũng chẳng màng.
Chịu lụy đòi phen xem quá tục,
Nghĩ không đổ lụy phải cười khan.
Cười khan mà khóc bởi thương bầy,
Chẳng mất một con nghiệt cả bầy.
Biết phận già không chờ chống gậy,
Nường theo con dại mới ra vậy.

5- CÀN KHÔN 乾坤

Càn Khôn còn đọc là Kiến Khôn. (Càn là trời, Khôn là đất). Ấy là trời cha đất mẹ cũng cùng nghĩa. Đây là hai quẻ đầu của Kinh Dịch nằm trong Thượng Kinh, tức

nhiên toàn bộ Dịch có 64 quẻ kép, chia làm hai thiên: Thượng Kinh gồm 30 quẻ, Hạ kinh 34 quẻ.

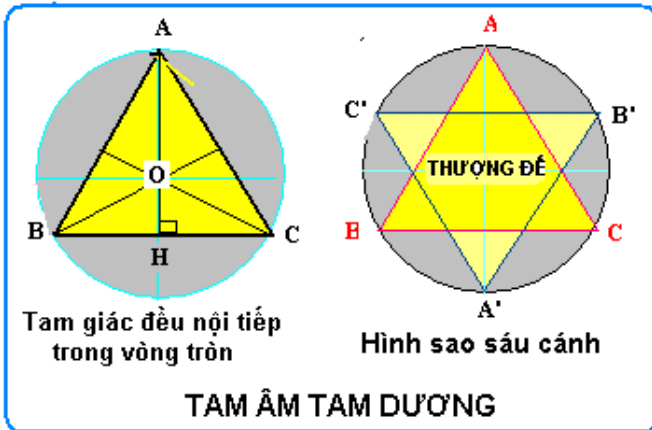
Chữ Kiển 乾 chia làm hai phần, chứng tỏ Âm Dương có đủ trong mỗi vật thể, dù vật thể vi thể nào cũng vậy. Bên trái có hai chữ thập 十 (mười) đặt trên và dưới chữ nhật 日 (ngày, tượng không gian). Bên phải là chữ Khí 气, viết đủ nét sẽ là 氣. Như vậy Đạo Cao-Đài cũng đồng quan niệm như các Thánh Hiền xưa rằng, có Thiên đàng, địa ngục; tức nhiên chữ Thập trên là “*Thập phương chư Phật*”, chữ Thập dưới là “*Thập Điện Diêm cung*” Ở giữa là chữ Nhật là không gian, là địa cầu mà chúng ta đang sống. Chữ khí là Khí Sanh quang tức là sự sống, cũng nghĩa là Đạo. Vậy thì nơi nào có Khí Sanh quang tức nhiên có sự sống của Thượng đế đến, nơi nào khiếm khí thì chịu tối tăm. Những hồn tội phải chịu cảnh âm-u như vậy mới gọi đó là địa ngục. Nay là buổi Đạo Trời khai mở, định cho quyền hành của Giáo Tông như sau:

PHÁP CHÁNH TRUYỀN: “Nóặng phép thông công cùng Tam Thập Lục Thiên, Tam Thiên Thế Giới, Lục Thập Thất Địa Cầu và Thập Điện Diêm Cung, đặng cầu rỗi cho các con”.

KHÔN 坤 là đất gồm có bộ Thổ 土 (là đất) và chữ thân 申 (là trải dài) vậy có nghĩa là toàn cả mặt địa cầu này đất và đất, nên gọi là quả đất.

Hai quẻ Càn Khôn biến tướng qua nhiều hình thức:

1– Hai quẻ Âm Dương này tạo thành một hình:



Với 3 nét của quẻ Càn ☰ ta xếp các cạnh liên nhau sẽ thành một hình tam-giác đều, đỉnh quay lên, còn lại với 3 nét đứt của quẻ Khôn ☷ nếu đặt liên nhau cũng sẽ tạo thành một tam-giác đều có 3 cạnh bằng nhau và 3 góc bằng nhau; đặt chồng lên tam-giác kia, đỉnh quay xuống dưới. Như vậy ta có được hình ngôi sao sáu cánh. Cả hai tam-giác này đều nội-tiếp trong vòng tròn. Tâm o của vòng tròn chính là tâm của tam giác là nơi hiệp các giao điểm của ba đường phân-giác, cũng là trung-đoạn hay trung tuyến của các tam giác trên. **Đây chính là ngã ba chờ Thầy (Thượng Đế) tức là Trung với Đạo, Hiếu với Chí-Tôn và Phật Mẫu.**

Chữ Trung 中 là chính giữa, nhưng nếu người tu hành biết đặt cái tâm vào nơi ấy thì thành ra là sự trung hiếu, trung thực, trung thành 忠

Từ một quẻ Càn hay quẻ một quẻ Khôn đã làm nên một tam-giác đều, ấy là một sanh ba, mà ba cũng là một,

đó cũng là lý: Một sanh ba, ba sanh vạn-vật, thuộc về cơ quan chưởng-quản. Rồi đến hai hình tam giác gát chồng lên nhau là chỉ Âm Dương hiệp nhất.

Quyển Chí-linh đối phẩm với quyển Vạn-linh. Chí linh là cơ qui nhứt, Vạn-linh là cơ tấn hóa; nên Chí linh đầu nhọn quay lên, mà Vạn-linh đầu nhọn quay về phía dưới. Chí-linh và Vạn-linh vốn đồng quyền nhau. Bấy giờ vòng tròn chính là Càn Khôn vũ trụ, tâm o là chỉ một quyền-uy tối thượng là Đức Thượng đế Chưởng-quản. Thế nên, Đức Hộ-Pháp là Giáo Chủ về hữu hình, vì Ngài nắm cả hai Đài Hiệp-Thiên và Cửu Trùng đó vậy.

1. Hai quả Càn Khôn tạo thành chữ Thập 十
2. Hai quả Càn Khôn tạo thành chữ điền.田
3. Hai quả Càn Khôn tạo thành chữ Trung 中

6- ĐẠI-ĐẠO TAM-KỲ PHỔ-ĐỘ 大道三期普渡

“Đức Chí-Tôn mở Đại-Đạo Tam-kỳ Phổ-Độ tức là Đạo Cao-Đài đăng mở một kỷ-nguyên mới, Qui Tam-giáo hiệp Ngũ Chi, lập thành một nền Tôn-giáo Đại-Đồng cho hiệp với trình-độ tiến-hóa của nhơn-loại và của quả địa cầu 68 của chúng ta, dọn đường cho Đức Di-Lạc ra đời”.

“Vì muốn độ 92 ức nguyên-nhân qui hồi cứu vị cho khỏi sa-đọa cõi hồng-trần. Ngày nay Đức Chí-Tôn mở Đạo không giảng trần bằng xác thân mà chỉ giảng bằng huyền-diệu Cơ-bút mới qui đăng cả Đại-Đồng Thế-giới”.

Khi Đức Hộ-Pháp còn sanh tiền Ngài có làm một huy-hiệu hình ngôi sao như thế này, sơn nền vàng, giữa có ảnh bán diện của Đức Ngài, đầu đội mào trắng, mặt hướng về phía hữu (nhìn đối diện), giữa ngôi sao là ba sọc

đỏ. Đặc biệt là mỗi cánh sao có mang một chữ của danh-hiệu:



Ý-nghĩa:

Qua hình ảnh trên cho ta một nhận-xét về lý Dịch trong danh-hiệu này:

– Các chữ xếp theo chiều nghịch với kim đồng-hồ; sự nghịch chuyển như vậy tức nhiên là trở về nguồn; chỉ con đường Đạo phải phản bốn huồn nguyên.

– Hai con số 3 của chữ “Đại” và chữ “Tam” xác định lý tam Âm, tam Dương của hai hình Tam giác gát chồng lên nhau thành ngôi sao sáu cánh. Mỗi một hình Tam-giác nói lên ý-nghĩa một sanh ba, ba sanh vạn-vật, tức nhiên:

- Chữ **Đại** 大 (3 nét) đặt ở cánh bên mặt B’)
- Chữ **Đạo** 道 (12 nét) đặt ở đỉnh, tức là đi nghịch chiều kim đồng-hồ (A)
- Chữ **Tam** 三 (3 nét) đặt ở cánh trái, tức là đối xứng nhau qua chữ Đạo ở giữa (C’)

- Chữ kỳ 期 (12 nét)
- Chữ Phổ 普 (12 nét),
- Chữ Độ 渡 (12 nét) tiếp tục xếp trên ba cánh còn lại (các đỉnh B, A' và C)

– 3 nét Dương của quẻ Càn tạo thành Tam giác đều, đỉnh quay lên.

– 3 nét Âm của quẻ Khôn tạo thành tam-giác đều, đỉnh quay xuống dưới.

Ý-nghĩa 1 sanh ba, 3 sanh vạn-vật, thuộc về cơ quan chuồng-quản. Hai tam-giác gát chồng lên nhau chỉ Âm Dương hiệp nhứt, đó là quyền Chí Linh đối phẩm với quyền Vạn-Linh:

– Chí-Linh là cơ qui nhứt (đỉnh A)

– Vạn-Linh là cơ tấn-hóa (đỉnh A')

4 chữ hàng trên: ĐPTN là “*Đảng phái thống nhất*” số 4 là tượng cho Tứ Âm, Tứ Dương.

5 chữ hàng dưới: GCPCT là “*Giáo-chủ Phạm Công Tắc*”. Số 5 tượng Ngũ hành, ngôi giữa.

Thế nên, Chí-Linh đầu nhon quay lên, mà Vạn-Linh đầu nhon quay về phía dưới. Chí-Linh và Vạn-Linh vốn đồng quyền nhau. Đạo chủ-trương Trời-Người đồng trị: Người trị xác, Trời trị hồn.

Màu vàng chỉ giống da vàng, Huỳnh-chung, lý Ngũ hành thuộc Thổ, nền Đại-Đạo phải có một triết-lý siêu tuyệt để dẫn đạo tinh-thần của toàn nhân-loại trên mặt địa cầu này, đó là “*Thiên khai Huỳnh-Đạo Ngũ chi Tam-giáo Hội Long-Hoa*” như Đức Chí-Tôn đã chọn:

“Một nước nhỏ-nhỏi trong Vạn-quốc,

“Ngày sau làm Chủ mới là kỳ”.

Ba sọc đỏ: nhứt là biểu-hiện ba miền Nam, Trung, Bắc của Việt-Nam. Ứng hiệp với câu:

“Nam Bắc cùng rời ra ngoại-quốc,

“Chủ-quyền Chơn-Đạo một mình Ta”.

Nền Chơn-đạo chính là tinh-thần Tam-Giáo Qui Nguyên Ngũ Chi Phục Nhứt đó vậy!

Đức Hộ-Pháp có **hình bán diện**, nói lên ý nghĩa về quyền-hành của Ngài là Giáo-Chủ nền Đại-Đạo về hữu hình mà thôi. Còn Quyền Chí Tôn là tối-thượng, cho nên chữ **Đạo** 12 nét đặt ở trên đỉnh của ngôi sao sáu cánh là chỉ ngôi Trời. Ba chữ còn lại là: **Kỳ** 期 (12 nét), **Phổ** 普 (12 nét), **Độ** 渡 (12 nét) cộng chung là 36 nét đó là:

“Ba mươi sáu cõi Thiên-Tào,

“Nhập trong Bát-quái mới vào Ngọc-Hư”

Lần-lượt rồi ta tìm đến các Bát-Quái ấy để rõ lý hơn.

Trong cửa Đạo Cao-Đài, hình ảnh tam-giác đều được biểu tượng bằng ba ngôi: Phật-Pháp-Tăng.

Phật tức là Đấng cầm quyền Chúa-tể Càn khôn vũ trụ là Đức Chí-Tôn Ngọc-Hoàng Thượng Đế hay còn gọi là Đại-Từ-Phụ.

Pháp là ngôi của Đức Phật-Mẫu Diêu-Trì cầm quyền-năng tạo khí thể của toàn vạn-linh sanh chúng là Mẹ của cả chúng-sanh.

Tăng là ngôi của Đấng đại-diện trong mỗi ngươn hội. Nay là thời-kỳ của Đức Di-Lạc-Vương Chương Quân. Tam-kỳ còn gọi là *“Tam-thiết Long-Hoa Bạch Vương Đại-hội Di-Lạc Cổ-Phật Chương giáo Thiên-Tôn”*.

Ngôi Phật, Pháp không đổi. Ngôi Tăng thay đổi tùy mỗi thời-kỳ. Nhưng chính thời kỳ này Đức Hộ-Pháp đến trước để dọn đường cho Phật Di-Lạc ra đời mà thôi.

Danh “Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ” có 6 chữ phân ra là 3 danh từ. Mỗi danh từ như vậy gồm đủ âm dương trong đó.

7- CẦU NGUYỆN 求願

Cầu 求 là xin, nguyện 願 là hứa. Là một sự ước mong được thông công với các Đấng thần linh mong được một sự hộ trì mà sức người không thể giải quyết được, nên phải cậy sự trợ giúp của Thế-giới vô hình, của các Đấng Thiêng-Liêng, để hưởng sự Huyền-diệu ấy.

Nay Đạo Trời khai mở, người Tín-Hữu Cao-Đài đều có một Đức-tin mạnh-mẽ nhứt đó là sự Cầu-nguyện. Vì cầu nguyện là một sự cảm ứng với Thiêng-liêng. Chính chỗ này không ai kiểm soát được, không ai thấy biết được, cũng là chỗ cao thượng của tâm-linh là vậy. Nhưng sự cầu nguyện muốn được linh ứng phải hội đủ điều kiện:

1. Không vị kỷ, muốn được cho mình mà hại người.
2. Phải hợp lý, nghĩa là cầu mong ngoài những điều thực tế, như cầu mong trúng số lớn...
3. Vì việc chung hơn là cá nhân vụ lợi.

GIÁ TRỊ CỦA SỰ CẦU-NGUYỆN:

Đức Hộ-pháp nói: “Sự cầu-nguyện có cảm-ứng với chánh-trị Thiêng Liêng tức là các Đấng vô hình đều rõ biết mọi sự hành tàng nơi cõi thế, triết-lý về hình thể của con người, thọ tinh Cha huyết mẹ sản xuất ra thì có sự cảm giác

Thiên- Liêng đối cùng nhau rất mật-thiết, cho nên một người con lúc đi làm ăn xa nhà, khi có bình-hoạn hay xảy ra điều gì tai biến thì thân-thể của người con sẽ có điểm máy động: giột thịt, máy mắt hoặc là ứng mộng thấy rụng răng và các điều khác, đó là về phần Tinh Khí hình thức của con người.

*Còn về phần linh tánh thì do nơi Đức Chí-Tôn ban cho Nhứt điểm lương tâm nó có cảm giác cùng Chí-linh, **cho nên Ta hữu sự thì thành tâm Cầu-nguyện.** Nên Đạo là một sự Cảm ứng rất mẫu-nhiệm vô cùng, có câu “**Nhân tâm sanh nhứt niệm thiên địa tất giai tri**” 人心生一念天地必皆知. (1) Nghĩa là khi người vừa sanh một niệm thì trời đất đều biết.*

Khi giảng về “Con đường Thiên-liêng hằng sống” Đức Hộ-Pháp có nói:

*“Bản-Đạo có những điều trọng-yếu căn dặn: Từ ngày Bản-Đạo giảng cái Bí-Pháp ấy, Bản-Đạo **văn cầu nguyện với Đức Chí-Tôn luôn**, bởi vì nó có nhiều điều khó-khăn, những điều mà mình ngó thấy bằng con mắt Thần, lấy cái nhân-khẩu của mình mà tả chẳng hề khi nào đúng chắc đặng. Bản-Đạo thú thật rằng mười phần có lẽ Bản-Đạo tả đặng năm hay bảy phần là nhiều, sợ còn kém hơn nữa.*

***Bản-Đạo chỉ có Cầu-nguyện với Đức Chí-Tôn cũng như hồi trước Tam-Tạng đi thỉnh kinh nơi Ấn-Độ.** Ngài là người Tàu mà kinh viết tiếng Phạn, muốn dịch ra rất khó lắm, lấy cả Kinh-Luật trong tiếng Phạn đem ra rất khó cho Ngài lắm, cho nên Ngài đại nguyện, Ngài làm thế nào Ngài rán sức âm tiếng Phạn ấy ra chữ Nho. Ngài chắc ý Ngài âm tiếng Phạn ấy chưa đúng, Ngài có hứa chừa nào mà tôi qui liễu, nếu trong Kinh-Luật Đạo Giáo mà tôi không minh tả ra đặng thì khi chết cho cái lưỡi tôi đen,*

nếu tôi tả trọn vẹn thì cho cái lưỡi tôi đỏ.

May phước Bắc Tông được hưởng một ân-huệ của nhà Phật đã ban ân riêng cho Đức Tam-Tạng, khi Ngài chết người ta vạch lưỡi của Ngài ra coi thì lưỡi của Ngài đỏ, vì có mà chơn-giáo của nhà Phật là Bắc-Tông có thể nhờ Đức Tam-Tạng đã minh tả ra trọn vẹn.

Ngày nay Bản-Đạo mỗi phen lên giảng về Bí-Pháp thì Cầu-nguyện với Đức Chí-Tôn cho sáng-suốt, mà biết vẫn còn thiếu kém không thể gì tả bằng con mắt Thân của mình đã ngó thấy đặng trọn một bài.

Nếu đoạt Pháp đặng, thấy đặng, có lẽ cũng chinh thêm, giùm giúp tay với Bản-Đạo mới toàn-thiện toàn-mỹ đặng”.

8- CỬU-TRÙNG-ĐÀI 九重臺

A- Phần đại cương:

[Viết theo tài liệu của Ngài Bảo-Văn Pháp-Quân
đề ngày 06-03-Canh Thìn (dl: 13 Avril 1940)]

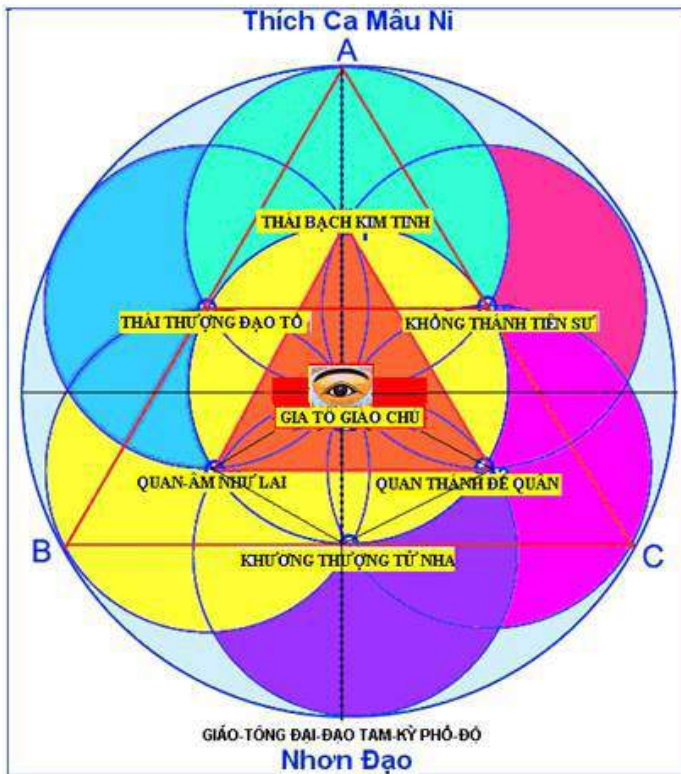
Kìa, chúng ta để mắt trông lên Bát-Quái-Đài, nơi Đại Điện, rồi để linh tâm nghiệm xét, thử hỏi: những bậc tiền bối ta xưa học hỏi, giới trau, rèn tập thế nào mà nên đạo nghiệp, đắc vị, rồi trải bước trên con đường Đạo làm sao? Vừa giúp nên Đạo, nên đời; những điều chi mà gọi rằng Người đắc quả? Ngày nay Đấng Chí-Tôn mới đem danh từ trạng thái ra đó, để làm gương cho ta soi sáng...

Cao ngự hơn hết là Thiên Nhân, vẫn là trạng thái điểm Linh quang trọn lành của ngôi Thái-cực, tức là căn cội của cả chơn hồn trong Càn Khôn Thế giới gọi là hồn Đạo, lại còn tôn chỉ cao thượng của Đại-Đạo. Ấy là ta trọng thờ Đấng Chí-Tôn kim viết:

CAO-ĐÀI

LÃO-TỬ THÍCH CA KHỔNG PHU TỬ
QUAN ÂM NHƯ LAI LÝ ĐẠI TIÊN QUAN THÁNH ĐẾ QUÂN
JÉSUS-CHRIST
KHƯƠNG THÁI CÔNG

Tóm tắt các Đấng vào trong đồ hình này:



Ấy là Thiên ý muốn sắp đặt ngay hàng giữa có đủ ngôi

thứ tùy theo đẳng cấp: Trời, Phật, Tiên, Thánh, Thần, cho ta rõ thấy trước mắt, hầu để tâm noi theo công trình tu-luyện. Công quả của các Đấng chủ trương trong mỗi phẩm vị ấy mà lần bước đoạt vị từng cấp. Ấy là Thiêng Liêng-vị. Còn hàng phẩm để cho chúng sanh tu luyện mà đoạt vị hiện tại lại có ngôi thứ sắp đặt riêng gọi là CỬU TRÙNG ĐÀI.

Qua đồ hình trên để giải thích rõ hơn về nghi thức thờ phượng trong nền Đại-Đạo ngày nay là có đủ: Tam Giáo và Tam Trấn và Ngũ Chi Đại-Đạo:

A- Tam Giáo là:

- Đức Thích-Ca Mâu-Ni Chưởng giáo Phật Đạo
- Đức Thái Thượng Lão Quân Chưởng giáo Tiên Đạo
- Đức Khổng Thánh Tiên Sư Chưởng giáo Thánh Đạo.

Đây là Tam giáo trong thời Nhị kỳ Phổ Độ vừa qua.

B- Tam Trấn Oai Nghiêm:

Nay qua Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Chí-Tôn lập Tam Trấn Oai Nghiêm thay quyền Tam giáo, tức nhiên Đức Ngài lấy tánh đức thiêng liêng của ba Đấng này, tượng cho ba đức: BI-TRÍ-DŨNG, để cho nhơn sanh noi theo mà tu hành cho hiệp đủ TINH-KHÍ-THẦN mới mong dẫn độ quần sanh trong buổi Hạ ngươn mạt pháp này

- Đức Quan-Âm thay quyền Phật giáo tượng đức BI
- Đức Thái Bạch Kim Tinh thay quyền Tiên giáo, đức TRÍ
- Đức Quan Thánh Đế Quân thay quyền Thánh giáo, tượng đức DŨNG (cầm đầu Nho-Tông

chuyển thế).

Có như vậy nền Đại-Đạo này mới chuyển cả toàn cầu, trấn phục Ngũ châu mà đưa Thế giới đến Đại-Đồng. Từ nội dung đến ngoại dung, tinh thần Đại-Đạo đã thể hiện một chương trình Dịch lý và hoàn toàn khoa học, chủ trương diệt trừ mê tín dị đoan, mới đáp ứng nhu cầu cùng sự tiến bộ của khoa học hiện đại. Có nghĩa là mỗi việc làm của chúng ta từ cách thờ phượng, cúng lạy đều có ý nghĩa, cũng đều do sự sắp xếp của Đức Thượng Đế, chứ không do một ai bày đặt ra, nhưng nếu có bàn tay phạm xen vào để sửa đổi là một sự biến thể rồi, đó chỉ là Thế pháp. Người hiểu được sâu sắc Thánh-ý Chí-Tôn rồi là nắm vững Bí pháp, thì dầu có sửa đổi cỡ nào chân lý vẫn là chân lý mà thôi. Hữu hình hữu hoại, nên chỉ ngày nay Đạo Cao-Đài thờ tất cả các Đấng bằng Linh vị, cũng là một lẽ trong nhiều ý nghĩa khác nữa.

Nhận xét chung trên đồ hình có bảy vòng tròn nhỏ xếp thứ tự và nội-tiếp trong một vòng tròn lớn, là Càn Khôn vũ trụ đó. Mỗi một vòng tròn nhỏ có tâm là tượng trưng một Đấng Giáo chủ, Dịch nói rằng “*các hữu Thái cực*”, tức nhiên mỗi người là một Thái cực, duy linh duy nhứt, đều là Đấng vô hình, không thờ cốt tượng. Chứng tỏ rằng Đức Chí-Tôn xem các Ngài là đồng quyền, đồng đẳng nhau. Lại nữa Đức Chúa Jésus-Christ là hiện thân của một Đấng Cứu Thế đem thân mình làm con tế vật hiến cho Chí-Tôn, bị đóng đinh trên Thập-tự-giá, được đặt vào ngôi chính, tức là tâm của vòng tròn, hiệp cùng Thượng Đế, biểu tượng cho nhân loại thấy rằng tinh thần PHỤNG SỰ phải đặt vào trọng tâm, tức là Tam lập: Lập đức, lập công, lập ngôn. Hơn nữa giao điểm của

hai trục là hình chữ Thập là hình ảnh của hai quẻ Càn Khôn hiệp nhất.

Ba Đấng: Thích Ca, Thái Thượng, Khổng Thánh là Giáo chủ Tam giáo làm thành một tam giác, đứng trên các đỉnh. Tâm là Đức Lý Thái Bạch, thời này đạt được nhờ LÝ.

Tam giác thứ nhì, đứng vào tâm của vòng tròn lớn, có ba đỉnh là: Thái Bạch Kim Tinh, Quan Âm Như Lai, Quan Thánh Đế Quân là Tam Trấn Oai nghiêm trong kỳ ba Phổ Độ, có tâm là Chúa Cứu thế, là nói lên việc phụng sự vạn linh; vì phụng sự vạn linh tức là phụng sự chí-linh, là phụng sự cho Trời.

C- Ngũ Chi Đại-Đạo: là hình ảnh các Đấng Giáo chủ đặt ở hàng giữa của đồ hình:

- **THÍCH CA MÂU NI:** Chưởng giáo Đạo Phật
- **THÁI BẠCH KIM TINH:** thay quyền Chưởng Giáo Đạo Tiên.
- **GIA TÔ GIÁO CHỦ:** Chưởng giáo Đạo Thánh (Thánh Tây).
- **KHƯƠNG THƯỢNG TỬ NHA:** Chưởng giáo Thần Đạo
- **GIÁO TÔNG ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ:** Chưởng giáo Nhơn Đạo (Hữu hình là Quyền Giáo Tông Lê văn Trung, vô hình là Lý Thái Bạch. Hiệp đủ Âm Dương. Cho nên thời này phải cần đến LÝ cũng như thời Nhị kỳ Phổ Độ. Đạt lý tức nhiên đạt Đạo vậy).

B- CỬU-TRÙNG-ĐÀI 九重臺

Cửu Trùng Đài là: Nhứt Phật, Tam Tiên, Tam Thập Lục Thánh, Thất Thập nhị Hiền, Tam Thiên đồ đệ.

Nếu ta muốn đoạt ngôi vị ấy, ta phải tòng bốn nguyên pháp của Tam giáo. Mỗi Tôn giáo đều có tôn chỉ riêng, đã dạy rõ trong Bài Khai Kinh là:

- Trung Dung Khổng Thánh chỉ rành,
- Tử bi Phật dạy lòng thành, lòng nhơn.
- Phép Tiên Đạo tu chơn dưỡng tánh,
- Một cội sanh ba nhánh in nhau.

* Chánh pháp của Nho vẫn là: Tam Cang Ngũ thường, Tam Tòng Tứ Đức dạy luân lý về Nhơn Đạo.

* Đạo: Tam bửu, Ngũ Khí dạy về cơ mầu của Tạo hóa.

* Thích: Tam Qui Ngũ giới dạy về đức nhân cho ra về Tử Bi.

Phàm hễ là người đã nhập môn cầu Đạo, cần nhứt là phải giỏi trau nền luân lý, tức là khởi luyện về Nho-Giáo trước hết. Người được thấu hiểu nhơn-luân rồi thì đoạt vị **Lễ-Sanh**. Lễ-Sanh vốn là người thông hiểu Lễ nghi, đủ biết khuôn phép, trong vẹn giữ ba giếng, ngoài hằng gìn năm mối; ấy là người vừa có tư cách, đứng đầu hàng Hạ thừa. Người đã đắc truyền Nho-Giáo rồi, thì từ đây khởi chọn một khoa học nào thích hợp với mình trong Đạo giáo mà dưỡng tánh tu chơn, luyện trau cho nền tài và cũng để tâm tập rèn lần hồi về Đức nhân của Thích giáo.

Hễ vẹn phận làm người, có tài có đức thì lần bước lên cấp **Giáo Hữu**, tức là người đã siêu phàm nhập Thánh vào Thánh Thể của Đạo. Nhưng vì trong chữ Giáo Hữu có nghĩa là dạy bạn, lại bạn của ta là nhơn sanh thì đủ hiểu rằng ta mới cội vào hàng Thượng đẳng nhơn sanh mà thôi. Lại hễ ta được nên người, có tài, có đức, đã thăng cấp Giáo Hữu

thì ta đã nhập vào hàng Trung Thừa rồi. Đấng Chí-Tôn lại do nơi khoa học, tức là tài trí của ta mà định Phái. Ấy là ký thác cho ta một trách nhiệm đặc biệt, đã chỉ giáo nơi Pháp-Chánh-Truyền Cửu-Trùng-Đài.

Lãnh một trách nhiệm đặc biệt trong Hội-Thánh, thì hàng Giáo Hữu đã khởi hành công quả xứng đáng của Đại Đạo, rồi lại tùy nơi sự sốt sắng trong đường công quả về trách nhiệm mà hạnh người, tài trí, đức Nhân của hàng Giáo-Hữu được luyện trau thường, tức là Đạo tâm tùy đó mà tấn hóa lần lên cho đến khi thăng lên **Giáo Sư**.

Người đã bước lên hàng Giáo Sư, tức là người đã đoạt Thần vị, chức trách của hàng Giáo Sư vẫn nặng nề khó khăn hơn là chức trách của Giáo Hữu. Song lại nhờ nơi sự công quả khó khăn hơn, nhọc nhằn hơn mà tâm trung phải lo lắng nhiều, làm cho nhóng bước lên, tấn hóa thêm về đường đạo hạnh của hàng Giáo Sư. Nghĩa là từ khi thọ lãnh trách nhiệm nặng nề ấy, mà buộc người trau luyện thêm cho nhuần nhả về hạnh người, tài trí và Đức nhân cho đến ngày có tánh cách ngang hàng với **Phối Sư** mà thăng cấp.

Người đã thăng chức Phối Sư tức là đoạt đắc Thánh vị, rồi cũng do công quả nơi trách nhiệm của Chí-Tôn đã sẵn dành tùy Pháp-Chánh-Truyền, thúc giục cho ta dõ dạc trong cả đôi đường Đời Đạo dặng lần lượt trau luyện mình hầu để bước lên phẩm **Chánh-Phối-Sư**, vốn là ba vị đứng đầu hàng Tam Phái: Thái, Thượng, Ngọc, trong 36 Phối Sư. Vì công trình lão luyện, nên có nhiều khi ba vị Chánh Phối Sư được thay thế **Quyển Đầu Sư** đồng phái với mình và mong mỗi ngày thăng ngay chức ấy.

Người được thăng chức Đầu Sư tức là người đã đoạt Tiên vị. Bước vào hàng Đầu Sư thì tinh thần của người đã

mãn đạt, lão thông cả Đường Đời và Đường Đạo, cho nên trách nhiệm của Đầu Sư rất là sâu xa cao thượng thuộc vào hạng Thượng Thừa. Trên thông công với các bậc tối thượng thừa và các đấng Thiêng Liêng tức là Đạo; dưới điều khiển cả Hội-Thánh Cửu Trùng Đài tức là Đời. Trong tay nắm Quyền Thống-nhất nghĩa là tùy sự qui định hay dở của Đầu Sư mà ra lẽ hư nên của Đạo trong mỗi việc.

Chương Pháp cũng đứng vào hàng Tiên vị, nhưng về trách nhiệm có khác hơn Đầu Sư, là duy có bình tâm định trí, chăm nom về Đường Đạo, nghĩa là giúp sự cố vấn cho Đầu Sư, lại là tai mắt của Giáo-Tông chờ chẳng để công trình chi về đường chánh trị của Đời như hàng Đầu Sư nữa.

Giáo Tông là hàng Phật vị, tức là đứng về hạng tối Thượng thừa, vẫn là người Chương Quản Đài Cửu-Trùng, vốn là Anh Cả của toàn chúng sanh. Người duy có an dưỡng tinh thần, để tiếp ân điển nơi Chí-Tôn và các đấng Thiêng liêng nơi Hiệp-Thiên-Đài, đem về cây tay Hội Thánh Cửu Trùng Đài ban bố cho chúng sanh cộng hưởng. Ấy là phương pháp trau luyện tận tâm bác-ái cho ra nét Từ-Bi, nên một đấng Trọn lành vậy.

Tóm tắt lại thì Cửu Trùng Đài vẫn là những đẳng cấp của Chí-Tôn sắp đặt, có đủ ngôi thứ để thúc giục đường về cho Vạn Linh sanh chúng. Nếu ai là người tìm hiểu, muốn tòng Đạo-pháp Tam Kỳ, thì do con đường tu luyện này, cứ để công trình trước lo gây nên Đạo nghiệp của mình tùy nơi ba tôn chỉ trong Tam Giáo, lo xong trách nhiệm trong mỗi đẳng cấp, tức là phương trau luyện cho đắc Pháp mà đoạt Vị. Điều cần nên biết nữa là: hễ ta đoạt **được phẩm vị** nào nơi **Đài Cửu Trùng** này, tức là ta đã đoạt vị ấy nơi **cảnh Thiêng Liêng** vậy.

Nền Đại-Đạo Tam-Kỳ gây nên thiệt tướng vẫn nhờ nơi sự ung đức Chúc Sắc Cửu Trùng Đài này tức là xác của Đại-Đạo..

Tuy là mỗi Đại-Đạo Tam Kỳ vẫn do nơi Đấng Chí Tôn khai sáng là điều đã quyết định, nhưng nơi Thiên Thơ về phần đào tạo Chơn Truyền và Luật pháp. Chí-Tôn lại giao phó cho cả Chúc sắc tiền định trong Đài Hiệp-Thiên chăm nom lo lắng về đó. Ấy cũng là phương pháp của Chí Tôn sắp đặt cho Chúc sắc trong Đài được được giải quả và dồi dào thêm Đạo nghiệp của mình hầu nâng cao địa vị hơn nữa.

9- CHUNG ĐỈNH 鍾鼎

Chung là cái chuông, đánh lên có âm thanh vang xa cho mọi người nghe thấy. Nơi chùa tiếng chuông làm cảnh tỉnh người sống và thức tỉnh hồn người chết. *Đỉnh* là cái vạc, cái đỉnh. Ban đầu nhà giàu có dùng cái đỉnh để nấu thức ăn, sau dùng đỉnh để trưng bày sự quyền quý cao sang và để tỏ sự linh thiêng, sau nữa người ta dùng đỉnh để thắp nhang nơi công cộng: chùa, đình, miếu... Đỉnh chung còn nói lên sự giàu có, cao sang, quyền quý... trong nhà nhiều kẻ ăn, người ở nên phải dùng đến cái đỉnh to mà nấu cơm hoặc thức ăn, mỗi khi đến bữa ăn phải báo động bằng tiếng chuông.

Phân tách chữ Chung 鍾 thấy có hai phần, đủ cả âm dương. Bên trái là bộ Kim 金 tức là kim loại, phát ra âm thanh, bên phải là chữ trọng 重 là nặng, còn đọc là trùng lấy làm âm. Ghép lại đọc là Chung.

Đỉnh 鼎 (13 nét) vẽ hình cái đỉnh có ba chân.

Kinh Phật Mẫu có câu:

*Đỉnh chung là miếng treo gương,
Khiến nên trẻ dại lạc đường quên ngôi.
Ngọt ngon trẻ nhiễm mền mùi,
Trẻ nào có biết khúc nôi đoạn trường...*

Thánh ngôn Thầy cũng giải cho biết vì sao nhân loại đi đến sự cùng-cực như vậy, Bởi:

*“Đạo Trời khai ba lượt, khách tục lỗi muôn phần, khách trần-ai vẫn lấy sự vui-vẻ vô-vị chốn sông mê này mà quên trọn các điều đạo-đức của các Thánh trước Hiền xưa. **Chung-đỉnh** mắng tranh giành, lợi danh thường chác buộc, kiếp phù-sinh không mấy lát, đời giả dối chẳng là bao! Sanh đứng làm người, trót đã mang vào mình một vai tuồng đặc biệt, đã chẳng lo bước hành trình cho xong mà đắp bồi nợ mảnh hình-hài, ngọn rau tấ đất, lại chác lăm điều phiến-não, ưu-sầu, lấy Thánh-đức gọi là chơi, mượn hành tàng vô nghĩa mà làm cho vừa lòng ái mộ bất lương.*

“Cái Xuân kia chẳng đợi người mà bước đời càng gay trở; lần qua thỏ lặn ác tà, bóng thiếu-quang nhặt thúc, con đường hy-vọng chẳng biết đâu là tốt cùng mà bước đời xem đà mòn-mỏi, sự thác vô-tình sẽ đến mà vẽ cuộc sinh-ly, pha màu tử-biệt, làm cho sự vui-vẻ giàu sang danh-vọng đều thành ra một giấc huỳnh-lương, rồi đây vĩnh-biệt ngàn năm tội-tình muôn kiếp. Đài Nghiệt cảnh là nơi rọi sáng các việc lỗi-lâm, bước luân hồi sẽ dẫn vào nơi u-khổ cùng sầu mà đạo-đầy đời đời kiếp kiếp. Ấy là buổi chung-qui của khách trần đó.

“Nguồn Tiên, Đạo Thánh diu bước nhơn-sanh, tránh tội-lỗi, lìa nẻo vạy, bước đường ngay mà vào nơi Cực-Lạc an-nhàn, rừng tòng suối lặng, động thẳm non xanh, để

mình vào bậc thanh-cao, thoát khỏi chốn luân hồi ràng buộc: ai mau bước đăng nhờ thân, ai luyện trần cam chịu khổn.

“ĐẠO TRỜI mẫu-nhiệm, khá biết xét mình sau khỏi điều tự hối. Chúng sanh khá biết ch!” (TN I /90)

10- ĐẠİ-ĐỔNG 大同

ĐẠİ-ĐỔNG là gì? Đức Chí-Tôn có dạy: *“Thầy là các con, các con cũng là Thầy. Có Thầy rồi mới có các con, có các con rồi mới có chư Phật, Tiên, Thánh, Thần”*

Nên chi cái yếu điểm của chữ **đại** 大 là chữ Nhơn 人 **Nhơn** là người. Bắt đầu viết chữ nhơn là phết một nét bên trái 丿 ấy là chơn Dương, kể một phết bên mặt ㇚ là chơn Âm. Thành thử con người là bán âm bán dương mới đứng vào hàng tam tài: Thiên, Địa, Nhân. Thế nên con người nếu biết cách tu-hành tức nhiên được đặc vào hàng Tiên, Phật. Bởi Nhơn cướp đặt chữ nhứt là *“nhơn đặc nhứt”* thành chữ đại 大 nên gọi *“Nhứt nhơn viết đại”* 一人曰大 là vậy. Tức nhiên chữ nhơn thêm một nét nhứt trên đầu là chữ Đại.

Đại là lớn, nhưng khi nói lớn là trái với nhỏ, tức là đứng đầu, trong chữ đại nếu phân tích ra là gồm chữ nhứt 一 để định giá trị cao tột của nó, rồi hợp với chữ nhân 人 là con người; như vậy duy chỉ *“người”* mới được đứng vào hàng *“đại”*. Nhứt là chi? Là cái tâm mật-pháp, mật truyền của Đại-Đạo có một không hai, ấy là lớn; đã là lớn thì không vật gì lớn hơn nữa. Nó bao trùm tất cả vũ-trụ Càn Khôn mới gọi là Đại, thì được vĩnh kiếp, trường tồn.

Chữ **ĐỔNG** 同 là cùng chung, nét **khung** 冂 chỉ bầu trời cao rộng, bên trong có loài người cùng sống với

nhau, cùng một tư tưởng (chữ khẩu 口 là miệng; là cùng một tư tưởng) và chữ nhứt 一 (nhứt là một: một tôn-giáo, một nhân-chúng, một xã hội).

Đó là hình ảnh một thế giới loài người cùng có chung một tiếng nói, một tư tưởng như nhau.

Chủ-nghĩa và Giáo-lý của Đạo Cao-Đài là ĐẠI-ĐỒNG

“Qui Nguyên Tam-giáo hiệp nhứt Ngũ-Chi, thấu thập tất cả những bài học của các Tôn-giáo đã ra đời từ trước đến giờ gom về một mối trở lại nguồn gốc, nhất là thờ Đấng Chúa-tể càn-khôn vũ-trụ tức là chủ-trương của Đấng Cha lành đã hóa sanh muôn loài vạn-vật và tôn-kính tất cả các vị Giáo-chủ đã lãnh linh Đức Chí-Tôn và Ngọc Hư-Cung giáng trần dạy Đạo, ngang hàng nhau như những vị Tôn sư đến làm Thầy của nhân-loại.

Chủ-nghĩa của Cao-Đài là ĐẠI-ĐỒNG đi từ:

- ▣ *Đại-Đồng nhân-chúng*
- ▣ *Đại-Đồng Tôn-giáo*
- ▣ *Đại-Đồng xã-hội.*

Như Đức Chí-Tôn đã hứa “Que l’humanité soit une: une comme race, une comme religion, une comme pensée”.

“Giáo-lý của Cao-Đài cũng như các Tôn-giáo khác, xây dựng trên căn bản Từ-bi, Bác-ái và thêm vào đó là Công-bình, Chánh-trực, Tự-do, Dân-chủ.

“Quan-niệm của người Đạo Cao-Đài bao giờ cũng chỉ biết: trên có Trời tức là Thiên thượng, còn dưới có dân-chúng tức là Thiên-hạ. Bởi nguyên-lý ấy nên Tôn giáo Cao-Đài lúc nào cũng tôn-trọng quyền Vạn-linh đối với quyền Chí-linh

hay nói khác hơn ý dân là ý Trời”.

Và, nói chung trong hàng vạn linh chỉ có người mới được dự cùng trời đất mà thôi. Thế nên sứ-mạng của Cao Đài-giáo trong thế-kỷ 20 này là cơ-quan làm Thiên-mạng Hoà-bình cho Thế-giới đã được Đức Thượng-Đế chuẩn-bị từ lâu rồi...

“Dầu luật-pháp nào cũng do Bác-ái, Công-bình mà lập thành, những phương-pháp họ tạo ra cho có hình tướng cốt yếu dịu-dắt tinh-thần nhơn-loại đi đến mức cao thượng là Bác-ái, Công-bình. Bác-ái, Công-bình ấy là Đạo nhân-luân đó vậy. Chắc hẳn sẽ có ngày giờ mà cả vạn quốc đều để tâm tìm kiếm luật pháp ấy, vì có cho nên: ĐẠO CAO-ĐÀI Đức Chí-Tôn có tiên-tri rằng: “Đạo Cao-Đài tức nhiên là một cây cờ báo hiệu cho vạn quốc toàn cầu hay trước là: thời kỳ NHO-TÔNG CHUYỂN THẾ đã đến!”

■ (ĐHP.22-11-Mậu Tý).

11- ĐẠO TÂM 道心

ĐẠO TÂM 道心 có hai nghĩa chánh:

1- Đạo Tâm là tâm-đạo của con người. Bởi tất cả mọi việc tu-hành, dù theo một Tôn-giáo nào, cũng khởi phát từ một tâm-hồn cao-thượng và biết hướng thiện, đạo đức và dục tấn trên con đường đạo pháp.

2- Đạo Tâm là Tịch-đạo thứ hai của nền Đại-Đạo sau Tịch-Đạo Thanh-Hương.

- Tịch-Đạo Thanh-Hương 青香 là thi-hành Thể-pháp
 - Tịch-Đạo Đạo-Tâm 道心 là thi-hành Bí-pháp
- Xem như thời Tịch-đạo Thanh-Hương đã qua đi,

nhường lại cho cơ Đạo-Tâm sắp đến, cái chơn lý tối cao, tối đại của nền Đại-Đạo này chính Đấng Thượng-Đế khai mở tại Việt-Nam chúng ta đây, là khởi điểm cho Đại Đồng Thế-Giới để cùng sống chung Hoà-Bình. Cái hay của đạo mẫu đã sẵn, duy có tìm hiểu cái chân lý tối cao thượng ấy.

Thế nên hai câu liền đặt trước Báo Ân Từ cho ta hình ảnh này:

- **BÁT** phẩm chơn hồn tạo thế giới hoá chúng-sanh vạn vật hữu-hình từng thử **ĐẠO**
- **QUÁI** hào Bác-ái định Càn-Khôn phân đẳng pháp nhứt thần phi tướng trị kỳ **TÂM**

八品真魂造世界化眾生萬物有形從此道
卦爻博愛定乾坤分等法一神非相治其心

Giải-nghĩa:

Câu 1– Tám đẳng cấp chơn-hồn là vật-chất hồn, thảo mộc-hồn, thú-cầm-hồn, Nhơn hồn, Thần-hồn, Thánh hồn, Tiên-hồn, Phật-hồn đều được sản-xuất dưới bàn tay của Đức Phật-Mẫu, nhưng vạn-vật vốn hữu hình hữu hoại, nghĩa là có sinh có diệt, có sống có chết, Đạo của trời đất định vậy.

Câu 2– Dù cho những quẻ (đại thể), những hào (tiểu thể) xuất từ tâm Bác-Ái sẽ định nền tảng cho Càn-khôn để phân ra đẳng cấp, chỉ một điểm Thần 神 duy nhứt, không hình tướng cũng định được cái Tâm (mà chủ của cái Tâm là Thượng-Đế Cao-Đài ngày nay vi chủ)

Tuy nhiên theo Ngài Bảo-Văn Pháp Quân thì hai câu đối này chính của Đức Chí-Tôn ban cho và đặt nơi Bát-Quái Đài, vào thời điểm mà Quả Càn Khôn còn nơi

Thánh Thất tạm, bằng tranh lá cũng chính nơi đây.

Trong vũ-trụ Chúa cả tạo-đoan ấy là Thầy nắm cả huyền-vi bí-mật trong tay. Thầy mới phân tánh Thầy ấy là Pháp, Pháp tức là quyền-năng của Thầy thể hiện ra, cũng như lý Thái-cực ở trong cõi tịnh, rồi từ trong cõi tịnh lý Thái-cực phát động mới sanh ra Pháp. Pháp tức là những định-luật chi-phối cả Càn-Khôn, mà người nắm luật chi phối ấy là Phật-Mẫu.

Sao gọi là Phật-Mẫu?

Phật-Mẫu là Mẹ, là gốc sanh ra vạn-vật. Phật Mẫu nắm cơ hữu tướng. Phật-Mẫu là Âm, còn Thầy là Dương. Âm Dương tương-hiệp mới biến Càn-Khôn, cả Càn-Khôn ấy là Tăng, mà người nắm quyền vi chủ hàng Tăng ấy là một vị Phật cầm quyền thế-giới. Phật và Pháp không biến đổi, còn vị cầm quyền thế-giới là Tăng ấy thay đổi tùy theo thời-kỳ.

Tỷ như hồi:

- **Nhứt-kỳ Phổ-độ** cầm quyền vi chủ là Đức Nhiên-Đăng Cổ-Phật.
- **Nhị-kỳ Phổ-Độ** là Đức Thích-Ca Như-lai.
- **Tam-kỳ Phổ-độ** là Đức Di-Lạc Vương-Phật.

Hết Tam-kỳ Phổ-Độ thì nguyên-căn qui nhứt, trở lại mở Nhứt-kỳ Phổ-Độ sẽ có vị Phật khác ra đời cầm quyền vi chủ định-luật Càn-Khôn.

Lại nữa: nhìn ở đầu câu liên có hai chữ **Bát Quái**, cuối câu có hai chữ **Đạo Tâm**, điều này đã chứng-tỏ rằng Tịch-đạo Đạo-Tâm đã xuất hiện. Thế nên thời kỳ này phải khai triển lý Đạo cho đến nơi đến chốn, để không bị một sự biến thể nào bất cứ mà làm cho Đạo Tâm lung lạc bởi tà

quyền cố ý làm cho biến thái, sai lạc chơn truyền Đại-Đạo

12- LONG TU PHIẾN 龍鬚扇

E: Fan by the beard of dragon

F: Éventail en barbe de dragon

Long Tu phiến là Bửu pháp của Đức Cao Thượng Phẩm (*Long tu* là râu rồng; *Phiến* là quạt. Tức nhiên là cây quạt kết bằng râu rồng) nhưng trên thực tế, Rồng chỉ là một vật biểu tượng, vật tổ, chứ không có trong cõi trần này. Thế nên cây Quạt của Đức Thượng Phẩm được kết bằng 36 lông cò trắng.

Long Tu Phiến: – Về Pháp thể thì dùng 36 lông cò trắng kết thành một cây quạt; còn về Pháp linh thì Đức Cao Thượng Phẩm giảng cơ dạy như vậy:

“Long Tu Phiến là cây quạt do điển khí của Tam Thập Lục Thiên kết thành, quạt ấy tiết ra một điển lực có ảnh hưởng đến cuộc tấn hóa của quân linh. Chơn thần nào trong sạch thì nương theo đó mà siêu nhập Cực Lạc Thế Giới. Trái lại, Chơn thần nào luyện ái tà mị thì lánh xa mà đi lần đến U-Minh cảnh giới. Cả cơ “thu” và «đẩy» của Long-Tu-Phiến với Chơn thần đều do luật «đồng khí tương cầu» mà thành tựu. Nghĩa là Chơn thần đạo đức thì Long Tu Phiến hấp dẫn đến gần và đưa vào Cực Lạc Thế Giới; còn Chơn thần trọng trước thì Long Tu Phiến đẩy ra xa và lần hồi đi đến cảnh U Minh đen tối.

Đức Hộ-Pháp cũng dạy: “Hôm nay là ngày mở cửa thiêng-liêng và đưa nơi tay các Đấng Nguyên-nhân ấy một quyền năng đặng tự giải thoát lấy mình, hai món Bí pháp ấy là:

1- Long-tu-phiến của Đức Cao Thượng-Phẩm

2- Kim Tiên của Bản-Đạo, hiệp với Ba Vòng Vô Vi
tức nhiên diệu quang Tam giáo hay là hình trạng của Càn khôn Vũ trụ, mà đó cũng là tượng ảnh Huệ-quang-khiếu của chúng ta đó vậy. Con người có ngũ-quan hữu tướng và lục quan vô hình, mà phải nhờ cây Kim-Tiên ấy mới có đủ quyền-hành mở lục quan của mình dạng”.

Đức Hộ Pháp khi trấn pháp nơi Trí Huệ Cung thì Đức Ngài dùng hai bửu pháp:

- Một là Long Tu Phiến của Đức Cao Thượng Phẩm,
- Hai là cây Kim Tiên của Đức Hộ Pháp do Thái Sư Văn Trọng trao cho. Đức Ngài nói về Long Tu Phiến như:

- Long Tu Phiến có thể vận chuyển Càn-Khôn Vũ Trụ do nguồn khí đào độn sanh ra đó vậy. Nó có quyền đào độn nguồn khí, thâm hoạch nguồn khí để trong sanh lực. Con người nắm được điều ấy là người đắc Pháp. Nhờ nó mới có thể luyện Tinh hoá Khí, luyện Khí hóa Thần được.”

- Phát Chủ: Phát Chủ là diễn khí của Thất Bửu Điều Trì kết hợp dùng để trau rửa Chơn Thân trở nên thanh khiết.”. Đó là Bửu pháp của Đức Cao Thượng Phẩm, chúng ta là đoàn em cũng nên noi gương của người Anh mà lần bước trên đường hành Đạo. Nay Đức Thượng Phẩm thuộc về người Thiêng Liêng thì Ngài lại có nhiệm vụ “*cứu rỗi phần hồn của chúng sanh*”. Trong tay Ngài sẵn có hai món Cổ Pháp nói trên là “*Long Tu Phiến*” và “*Phát Chủ*”. Đó là sở dụng của hai món Cổ Pháp ấy.

1- Đức Thượng phẩm giảng cơ cho thi:

Ngày 23-04-1931 Đức Ngài giảng cho Thi như sau:

*Long-Tu-Phiến quạt bốn sơn hà,
Như Gián-Ma-Xử trấn quốc gia.
Rưới nước Cam-lô lau xã tắc,
Múa gương thần huệ đẹp can qua,
Niệm Kinh Khổng Thánh thâu Mao-Tường,
Phất phườn Nhan Uyên chặn Mỹ-Nga
Thế giới Hòa bình ai chủ xướng?
Thì dân nước Việt khải hoàn ca.*

Chính bài thơ này làm động cơ thúc giục cho bốn vị trong nhóm Hòa-Bình Chung Sống của Đức Hộ-Pháp, phần khởi tính thần mà đi cặm cở Bến hải. Đó là: Thoại, Kỳ, Đại, Lợi đã thực hiện tinh thần yêu nước. Bốn vị này dám đột nhập cầu Hiền lương treo cờ trắng (Bạch kỳ). (xem chữ Bạch Kỳ. Văn B.)

2– Câu chuyện về 36 lông cò trắng để làm Long-Tu-Phiến

Nhứt là Bà Tư Hương Hiếu (Hiên nội của ông Cao Quỳnh Cư- sau đặc phong Thượng Phẩm) có bốn phận làm chiếc Long Tu Phiến cho Đức Ngài, đúng như lời Đức Chí Tôn giảng dạy (Long tu 龍鬚 là râu rồng, phiến 扇 là quạt; tức là quạt bằng râu rồng), nhưng thật sự chỉ làm bằng 36 lông cò trắng kết thành. Vì lẽ đó mà bà Tư truyền rao trong giới công quả, ai có lông cò trắng đem hiến, với hai điều kiện là:

1– Lông cò luy (tự chết).

2– Lông cò nuôi chớ không được bắn giết.

Sau đó, có người Tà Mun đem tặng Bà Tư 18 lông cò trắng. Anh ta thưa với bà Tư: Cây dầu trước nhà tôi, cách tháng nay có cặp cò đến ở. Bỗng nhiên, hôm qua con

cò trống dây chết. Tôi chỉ lựa được 18 lông tốt, còn những lông khác lem luốt không lấy được.

Hôm sau, vợ anh đó lại đem đến cho bà Tư 18 lông cò mái. Chị ta nói: Tội nghiệp đôi vợ chồng nhà cò quá! Làm ổ chưa đẻ đã chết. Tôi chôn cả hai xác dưới gốc dẫu, chớ không dám ăn thịt vì chim sa cá lụy linh hiển lắm.

Ngay đêm hôm đó, Bà Tư thấy cậu Cao Quỳnh An về thăm có dẫn theo người bạn gái có cái mũi thật cao.

(Cao-Quỳnh-An là người con trai duy nhất của Bà và ông Cao-Quỳnh-Cư, học bên Pháp rồi chết ở bên ấy. Cùng một năm mà Bà Tư chịu ba cái tang: là cậu Cao Quỳnh An, Bà ngoại của cậu An và Đức Cao Thượng Phẩm).

Cậu An nói: Thừa mẹ, con xin trả lại xương cốt cho mẹ và xin Ba giúp đưa con vào cõi Cực Lạc. Nghe đến đó, bà Tư giựt mình, mồ hôi ướt đẫm. Bà nhủ thầm, nhớ lời dặn của Đức Cao Thượng Phẩm:

«Ấu cũng là số kiếp: 18 lông cò trống tượng trưng cho cơ thu thuộc Dương, 18 lông cò mái tượng trưng cho cơ xuất (đấy) thuộc Âm. Đạo Đức Kinh có viết «Nhất âm, nhất dương chi vị Đạo». Ta thuộc chi Đạo, như vậy là hợp lẽ thiên liêng. Điều đó chứng tỏ ngay cả Bà Tư cũng chưa thấu hiểu cơ huyền vi trong 36 lông cò trắng gồm có 18 lông Dương và 18 lông Âm. Vào năm 1949 sau ngày lễ xuất quân, một nữ thư ký đến hỏi bà Tư: Thừa bà, bà dạy con cái quạt chỉ có 36 lông cò, sao mấy ông quân đội bông mỗi mặt tới 36 lông. Bà Tư ôn tồn đáp: Nếu lông cò tượng trưng một mặt 36 lông cò thì không sao.

– Dạ tới hai mặt. 72 lông cò.

– Như vậy, ta đã cầu Thất thập nhị địa sát tới rồi.

Họ sẽ nhập vào tướng tá mà quấy nhiễu khó lường trước được. Bà Tư âu lo. Sau đó ít lâu Bà lên trình với Đức Hộ Pháp xin đưa Quân đội ra khỏi Nội-ô mà vẫn không tránh khỏi nạn phản Thầy trùng Đạo do tướng Nguyễn Thành Phương cầm đầu.

C- GIAI THOẠI VĂN CHƯƠNG

...♥ ㄣㄣㄣ ♥...

Về chữ Nho có rất nhiều giai thoại: vui tươi cũng có, dí dỏm cũng có, đoan trang cũng có. Xin ghi lại ít câu chuyện làm vui cho độc giả thân mến.

Người nhà quê có lối nói ngoắt ngoéo, giấu cột bằng văn chương cũng khá lý thú. Qua câu hò câu hát sau đây bằng lối thơ lục bát:

*Yêu em anh muốn nên duyên,
Sợ e em có chữ Thiên 天 trời đầu.(Phu: 夫)*

Hoặc:

*Duyên thiên chứa thấy nhô đầu dọc,
Phận liễu sao đành nẩy nét ngang.*

Đây, ý lo ngại phát xuất từ trong lòng người con trai mới lớn lên, thấy cô gái thanh lịch muốn cưới làm vợ, nhưng sợ người con gái đã có chồng hoặc có con rồi. Nên chữ “*duyên thiên*” là duyên trời định tóc tơ, ngoài ra chữ thiên 天 thì gồm có chữ nhị và nhân, nhưng nếu “*nhô đầu dọc*” tức là có nét “*nhô*” lên thành ra chữ Phu 夫 là chồng.

Câu dưới: chữ liễu 了 là chỉ người con gái thân hình mảnh mai như cây liễu, (mượn âm liễu, chứ cây liễu viết khác 柳, mà có “*nẩy nét ngang*” thành ra chữ Tử 子 là con.

Cả hai câu này sợ rằng người con gái đã có chồng và lại có con, trong khi chưa nghe đám cưới.



LỐI CHIẾT TỰ

**Thị tại môn tiền náo,
Nguyệt lai môn hạ nhàn.**

市在門前鬧
月來門下閒

Đây là một lối chơi chữ, chiết tự:

Câu đầu: chữ Thị 市 là chợ, Tại 在 là ở, môn 門 là cửa, tiền 前 là phía trước, náo 鬧 là ồn ào, náo nhiệt. Bây giờ nếu lấy chữ Thị đặt dưới chữ môn thành ra chữ náo 鬧

Tương tự nếu lấy chữ nguyệt 月 là mặt Trăng, đặt dưới chữ Môn 門 thành ra chữ Nhàn 閒 (nhàn rỗi).

Cả câu ý nghĩa là: chợ đặt trước cửa nhà thì ồn ào, náo nhiệt. trăng đến trước cửa nhà thì là nhàn.



**An nữ khứ thi nhập vi gia,
Tù nhân xuất vương lai thành quốc**

安女去矢入為家
囚人出王來成 

Cũng tương tự như câu trên:

Trong chữ An 安 là yên ổn, nếu chữ nữ 女 ở phía dưới lấy ra, (nữ là con gái. Khứ 去 là đi ra, đem ra), và đặt

chữ **Thỉ** 豕 thế vào (Thỉ là con heo) thì thành ra chữ **gia** 家 (là nhà, gia đình)

Câu dưới khởi đầu là chữ **tù** 囚 Trong chữ tù có chữ nhân 人 là người và bộ vi 匚 là bao quanh. Bây giờ nếu lấy chữ nhân ra (xuất 出 là đi ra). Lại đặt chữ vương 王 vào (Lai 來 là vào, hay đến; thành 成 là nên) hóa ra chữ quốc 國. Chữ quốc có vương ở trong, đó là một quốc gia thiên định. Như bài thơ Đức Chí-Tôn cho Bảo Đại có câu:

**Thượng, hạ nhị thiên xử địa hoàn
Việt-Nam nhứt quốc nhứt giang san**

上下二天處地寰
越南一 國 一江山

Trở lại hai câu trên thì chữ an 安 gồm bộ miên tượng mái nhà và chữ Nữ. Ý nói rằng người nữ phải đem lại sự an ổn, yên vui, làm đẹp cho gia đình.

Còn chữ gia 家 tại sao chữ thỉ (con heo) lại đặt dưới bộ miên là mái nhà? Bởi người xưa thấy trong gia đình có bàn tay người nữ phải là cần kiệm, chu đáo, lo lắng dành dụm, nuôi vại con heo, xem như bỏ ống để khi chi dụng bán ra có thêm tiền. có câu:

*Đàn bà thì phải nuôi heo,
Thời vận còn nghèo nuôi chửa được trâu.*



CHỮ HÁN CHIẾT TỰ
Diễn Soạn
NỮ SOẠN GIẢ NGUYÊN THỦY

TK@08•29•2014 2:23 PM